

CÔNG TY TNHH SỐ 10 - LAI CHÂU

-----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
của cơ sở

**CHỢ ĐÀU MỎI TỈNH LAI CHÂU**

(Đã chỉnh sửa, bổ sung theo Văn bản số 478/STNMT-MTK, ngày 05/3/2024 của  
Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu)

Lai Châu, tháng 04 năm 2024

CÔNG TY TNHH SỐ 10 - LAI CHÂU

-----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT**  
**CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
của cơ sở

**CHỢ ĐÀU MỎI TỈNH LAI CHÂU**

(Đã chỉnh sửa, bổ sung theo Văn bản số 478/STNMT-MTK, ngày 05/3/2024 của  
Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu)

CHỦ CƠ SỞ



GIÁM ĐỐC

*Vũ Quang Toàn*

Lai Châu, tháng 04 năm 2024

# MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
<b>CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ</b> .....	<b>1</b>
1. Tên chủ cơ sở .....	1
2. Tên cơ sở .....	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở .....	4
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở .....	4
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở .....	20
3.3. Sản phẩm của cơ sở .....	20
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở .....	22
4.1. Nhu cầu về nguyên liệu .....	22
4.2. Nhu cầu về hóa chất .....	22
4.3. Nguồn cung cấp điện, nước .....	22
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở .....	26
<b>CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG</b> .....	<b>30</b>
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường .....	30
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường .....	31
<b>CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ</b> .....	<b>35</b>
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải .....	35
1.1. Thu gom, thoát nước mưa .....	35
1.2. Thu gom, thoát nước thải .....	43
1.3. Xử lý nước thải .....	55
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải .....	68
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường .....	69
3.1. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn từ hoạt động kinh doanh trong phạm vi chợ ..	69
3.2. Biện pháp xử lý bùn thải .....	72
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại .....	73
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn .....	75
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường .....	75
6.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố môi trường đối với nước thải .....	75
6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ .....	76
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác .....	80
7.1. Các biện pháp đảm bảo an ninh trật tự, an toàn kinh doanh .....	80
7.2. Biện pháp đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và phòng chống dịch bệnh .....	81
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường .....	83
<b>CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG</b> .....	<b>87</b>
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải .....	87
1.1. Nguồn phát sinh nước thải .....	87

1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa.....	87
1.3. Dòng nước thải .....	87
1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải .....	87
1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải vào nguồn tiếp nhận nước thải.....	87
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải .....	88
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung .....	88
4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại .....	88
5. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.....	88
<b>CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....</b>	<b>89</b>
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải .....	89
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải .....	91
3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo.....	91
<b>CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....</b>	<b>92</b>
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở.....	92
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm .....	92
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải .....	92
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	94
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ .....	94
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải .....	94
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của Chủ cơ sở.....	94
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	95
<b>CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....</b>	<b>96</b>
<b>CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....</b>	<b>97</b>
<b>PHỤ LỤC BÁO CÁO .....</b>	<b>98</b>

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BTNMT	:	Bộ Tài nguyên Môi trường
BVMT	:	Bảo vệ môi trường
BQL	:	Ban Quản lý
BTCT	:	Bê tông cốt thép
CTR	:	Chất thải rắn
CTNH	:	Chất thải nguy hại
ĐTM	:	Đánh giá tác động môi trường
NĐ	:	Nghị định
GPMT	:	Giấy phép môi trường
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	:	Quyết định
STNMT	:	Sở Tài nguyên Môi trường
SXD	:	Sở xây dựng
UBND	:	Ủy ban nhân dân
VXM	:	Vữa xi măng

## DANH MỤC BẢNG

	<b>Trang</b>
Bảng 1.1. Tọa độ ranh giới của chợ đầu mối tỉnh Lai Châu .....	2
Bảng 1.2. Các hạng mục công trình chính theo nội dung ĐTM được phê duyệt.....	8
Bảng 1.3. Tổng hợp các hạng mục công trình chính được phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư; đã hoàn thành xây dựng ngoài thực tế và hiện trạng hoạt động kinh doanh.....	15
Bảng 1.4. Nhu cầu dùng nước của cơ sở khi hoạt động 100% công suất .....	23
Bảng 1.5. Nhu cầu dùng nước hiện tại của cơ sở .....	24
Bảng 1.6. Nhu cầu xả thải của cơ sở .....	25
Bảng 2.1. Vị trí, thông số quan trắc .....	33
Bảng 2.2. Kết quả quan trắc thành phần môi trường nước mặt .....	33
Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật cơ bản của công trình thu gom, thoát nước mưa.....	35
Bảng 3.2. Thông số kỹ thuật cơ bản của công trình thu gom nước thải.....	43
Bảng 3.3. Thông số kỹ thuật cơ bản của công trình thoát nước thải.....	45
Bảng 3.4. Thông số kỹ thuật của bể tự hoại .....	61
Bảng 3.5. Cơ chế loại bỏ chất ô nhiễm .....	64
Bảng 3.6. Thông số kỹ thuật của bể lắng lọc .....	65
Bảng 3.7. Giá trị giới hạn của chất ô nhiễm đối với nước thải sau xử lý.....	67
Bảng 3.8. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh .....	73
Bảng 3.9. Quy mô xây dựng công trình chính của cơ sở .....	84
Bảng 3.10. Lưu lượng xả nước thải.....	84
Bảng 3.11. Các hạng mục, công trình xử lý chất thải .....	85
Bảng 4.1. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải.....	87
Bảng 5.1. Thông tin về điểm quan trắc nước thải .....	90
Bảng 5.2. Kết quả thử nghiệm mẫu nước thải.....	90
Bảng 6.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm .....	92
Bảng 6.2. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu nước thải trước khi thải ra ngoài môi trường .....	93
Bảng 6.3. Thông số và giá trị giới hạn chất lượng nước thải sau xử lý .....	93

## DANH MỤC HÌNH ẢNH, HÌNH VẼ

	<b>Trang</b>
Hình 1.2. Các công trình xây dựng hoàn thành được đưa vào sử dụng .....	18
Hình 1.3. Sơ đồ tổng thể bố trí các hạng mục công trình của cơ sở.....	27
Hình 3.1. Sơ đồ minh họa thoát nước mưa của cơ sở .....	38
Hình 3.2. Mặt bằng bố trí công trình thoát nước mưa và vị trí điểm xả .....	39
Hình 3.3. Hình vẽ thiết kế hệ thống thu gom, thoát nước mưa .....	42
Hình 3.4. Một số hình ảnh về công trình thu gom, thoát nước mưa .....	42
Hình 3.5. Hình ảnh về vị trí điểm xả nước mưa của chợ ra hệ thống thoát nước chung của thành phố Lai Châu .....	43
Hình 3.6. Sơ đồ thoát nước thu gom, thoát nước thải của cơ sở .....	47
Hình 3.7. Mặt bằng thoát nước thải tổng thể của cơ sở .....	48
Hình 3.8. Hình vẽ thiết kế hệ thống thu gom nước thải trong nhà tại các Ki ốt, Nhà chợ chính và Nhà BQL + trạm kiểm dịch + WC .....	51
Hình 3.9. Hình vẽ thiết kế hệ thống thu gom nước thải Chợ ngoài trời có mái che .....	52
Hình 3.10. Hình vẽ thiết kế hệ thống thu gom nước thải ngoài nhà .....	53
Hình 3.11. Một số hình ảnh hiện hữu về hệ thống thu gom trong nhà tại các Ki ốt, Nhà chợ chính và Nhà BQL + trạm kiểm dịch + WC .....	54
Hình 3.12. Rãnh B300mm thu gom nước thải chợ ngoài trời có mái che .....	54
Hình 3.13. Vị trí thoát nước thải ra ga nước thải của hệ thống thoát nước chung của thành phố Lai Châu .....	54
Hình 3.14. Mặt bằng tổng thể bố trí công trình xử lý nước thải .....	58
Hình 3.15. Hình vẽ thiết kế bể tự hoại 3 ngăn dung tích 3m <sup>3</sup> .....	59
Hình 3.16. Hình vẽ thiết kế bể tự hoại 3 ngăn dung tích 11m <sup>3</sup> .....	60
Hình 3.17. Hình vẽ thiết kế bể tự hoại 3 ngăn dung tích 15m <sup>3</sup> .....	60
Hình 3.18. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải qua bể tự hoại 3 ngăn.....	61
Hình 3.19. Hình vẽ thiết kế bể lắng lọc dung tích 18m <sup>3</sup> .....	63
Hình 3.20. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải qua bể lắng lọc.....	63
Hình 3.21. Sơ đồ bố trí vật liệu lọc .....	64
Hình 3.22. Vị trí, hình ảnh của bể lắng lọc .....	66
Hình 3.23. Hình ảnh điểm xả nước thải sau xử lý.....	66
Hình 3.24. Thiết bị lưu chứa chất thải BQL chợ bố trí .....	71
Hình 3.25. Thiết bị lưu chứa chất thải các hộ kinh doanh tự bố trí.....	72
Hình 3.26. Giấy chứng nhận đăng ký ô tô chở rác của Công ty .....	72
Hình 3.27. Vị trí khu vực lưu giữ chất thải nguy hại .....	74
Hình 3.28. Hình ảnh khu vực lưu giữ và thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại .....	75
Hình 3.29. Một số nội quy được niêm yết tại chợ .....	83
Hình 3.30. Một số hình ảnh về bố trí khu kinh doanh trong chợ .....	83
Hình 3.31. Biển cảnh báo nguy hiểm, cấm lại gần trạm biến áp.....	83

# **Chương I**

## **THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ**

### **1. Tên chủ cơ sở**

#### **Công ty TNHH số 10 - Lai Châu**

- Địa chỉ văn phòng: Khu 8, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông Vũ Quang Toán; Chức vụ: Giám đốc.
- Điện thoại: 0983.992.975.
- Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh:
  - + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 6200046186 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu cấp, đăng ký lần đầu ngày 19/05/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 10/01/2022.
  - + Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Chợ đầu mối tỉnh Lai Châu.
  - + Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND tỉnh Lai Châu về Điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư dự án Chợ đầu mối tỉnh Lai Châu.

### **2. Tên cơ sở**

#### **Chợ đầu mối tỉnh Lai Châu**

- Địa điểm cơ sở: Chợ đầu mối tỉnh Lai Châu được xây dựng tại Phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu. Vị trí của cơ sở nằm tại khu vực tập trung đông dân cư, thuận tiện về giao thông có 3 mặt giáp ranh với đường giao thông và một mặt giáp với Bến xe khách tỉnh Lai Châu. Cụ thể:
    - + Phía Đông Bắc giáp với đường Trần Đại Nghĩa (đường số 1B-2).
    - + Phía Đông Nam giáp với đường Triệu Quang Phục (đường số 1B-6).
    - + Phía Tây Bắc giáp với đường 30/4 (đường 58m).
    - + Phía Tây Nam giáp với bến xe khách tỉnh Lai Châu.
- Tọa độ các mốc ranh giới của cơ sở theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $103^0$ , múi chiếu  $3^0$  được thể hiện tại bảng sau:





với đất số DH 428929 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Lai Châu cấp ngày 25/5/2023.

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Chợ đầu mối tỉnh Lai Châu.

- Quy mô của cơ sở:

+ Quy mô phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công: Cơ sở thuộc lĩnh vực xây dựng dân dụng có tổng mức đầu tư là 190.500 triệu đồng (*một trăm chín mươi tỷ năm trăm triệu đồng*), theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 và Mục IV phần B Phụ lục I kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, quy mô của Chợ đầu mối tỉnh Lai Châu thuộc nhóm B.

+ Quy mô diện tích: Chợ đầu mối tỉnh Lai Châu có tổng diện tích sử dụng đất là 10.462,1m<sup>2</sup>. Toàn bộ diện tích đất đã được UBND tỉnh Lai Châu thu hồi và cho Công ty thuê sử dụng vào mục đích đất chợ tại Quyết định số 1048/QĐ-UBND ngày 13/9/2017, Công ty đã ký Hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu tại Hợp đồng số 916/HĐTĐ ngày 12/10/2017; được cơ quan Tài nguyên và Môi trường, UBND phường Đông Phong bàn giao đất ngày 17/10/2017; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số phát hành DH 2428929 ngày 25/5/2023 (Cấp đổi từ GCNQSD đất số: BQ 261408, ngày 13/9/2017). Diện tích đất Công ty được thuê sử dụng không có sự thay đổi so với dự kiến trong Quyết định điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư số 976/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 và Quyết định Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1258/QĐ-UBND ngày 16/10/2017.

+ Quy mô phân loại theo tiêu chí về môi trường:

++ Căn cứ theo số thứ tự 2 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, cơ sở thuộc Nhóm II.

++ Cơ sở đi vào hoạt động từ tháng 4 năm 2021 trước ngày luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 có hiệu lực thi hành. Căn cứ khoản 2 điều 39 Luật Bảo vệ môi trường cơ sở thuộc đối tượng phải có Giấy phép môi trường.

++ Cơ sở đã được UBND tỉnh Lai Châu phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 16/10/2017, theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường, thẩm quyền thẩm định, cấp giấy phép môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

++ Nội dung của Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường được Công ty trình bày theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

### **3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở**

#### **3.1. Công suất hoạt động của cơ sở**

- Chợ đầu mối tỉnh Lai Châu thuộc công trình chợ hạng II, công trình dân dụng cấp III, gồm các hạng mục đầu tư: Nhà chợ chính, chợ ngoài trời có mái che, hệ thống ki ốt, nhà Ban quản lý vận hành + trạm kiểm dịch + WC và các hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà.

- Chợ đầu mối tỉnh Lai Châu có phong cách kiến trúc tân cổ điển phù hợp tổng thể kiến trúc của thành phố Lai Châu với nhà chợ chính, chợ ngoài trời được bố trí ở trung tâm và hệ thống ki ốt được bố trí xung quanh đã tạo nên một tổng thể công trình đẹp và hài hòa trên diện tích 10.462,1m<sup>2</sup> đất.

Quy mô công trình chính và giải pháp thiết kế như sau:

#### **a. Quy mô công trình và giải pháp thiết kế theo nội dung ĐTM đã phê duyệt**

##### **a.1. Nhà chợ chính**

- Diện tích dự kiến xây dựng là 1.690m<sup>2</sup>.

- Với hình dáng kiến trúc hiện đại, hệ thống hành lang mái kính che xung quanh tạo cảm giác không gian rộng và thoáng.

- Trung tâm chợ chính là thang bộ 3 về lên tầng 2 và nhà vệ sinh được bố trí kín đáo dưới gầm cầu thang đảm bảo nhu cầu sử dụng của khách. Ngoài ra còn một lối lên tầng 2 qua thang 2 về ngoài trời.

- Để đảm bảo cho việc thoát hiểm cho khách hệ thống thang thoát hiểm được bố trí gọn gàng dễ thoát ở hai bên hông nhà chợ.

- Khu vực đậu xe ô tô của khách được bố trí trong khuôn viên, đảm bảo cho việc ra vào xe thuận tiện.

- Chiều cao mỗi tầng là 5,0m.

- Chiều cao nền 0,15m so với mặt sân.

##### **a.2. Nhà chợ ngoài trời có mái che**

- Diện tích đất dự kiến xây dựng là 1.514m<sup>2</sup>.

- Bố trí các dãy ki ốt ngoài trời phân chia bước nhịp 5x6m được thiết kế hoàn toàn bằng hệ cột, kèo thép, mái lợp tôn màu đỏ dày 0,45mm, mái thiết kế dốc về 2 hướng đảm bảo thoát nước nhanh, phân chia thành các ki ốt nhỏ 2,5x3m. Khoảng cách các dãy ki ốt 4m nối với nhau bằng mái nhựa lấy sáng.

- Chiều cao thông thủy là 3,35m.

- Lấy sáng tự nhiên qua mái.

- Sàn bê tông cốt thép đá 4x6 có tạo rãnh chống trơn.

##### **a.3. Ki ốt bán hàng**

- Dự kiến diện tích đất xây dựng là 2.896m<sup>2</sup>.

**\* Ki ốt 3,5 tầng (29 ki ốt x 64m<sup>2</sup>/ki ốt)**

- Hình dáng kiến trúc hiện đại, mang tính thống nhất với nhà chợ chính, thiết kế lệch tầng nhằm tối ưu hóa công năng, không gian được linh hoạt.

- Chiều cao tầng 1 là 2,9m.

- Các tầng tiếp theo cao 3,2m bố trí sole nhau 1,6m.

- Chiều cao nền 0,15m so với mặt sân.

- Khu WC lắp thiết bị vệ sinh liên liên doanh, tường ốp gạch liên doanh (300x600) 4 mặt cao 2,1m. Nền lát gạch chống trơn liên doanh (300x600). Dùng téc nước inox loại nằm 2m<sup>3</sup> đặt trên mái.

- Khung vách, cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa nhựa lõi thép.

- Cửa ki ốt dùng cửa cuốn nhôm.

- Tường mặt ngoài tầng sơn màu ghi sáng, trức sơn vàng.

- Nền nhà tầng lát gạch liên doanh (600x600).

- Thang xây gạch đặc bản BTCT lát đá xẻ.

- Hệ thống mái: Bê tông kết hợp khung thép mái kính.

- Chống thấm sê nô, mái bằng SIKA LATEX.

- Hệ thống thông gió và lấy sáng tự nhiên được dùng cửa nhựa.

**\* Ki ốt 2,5 tầng (26 ki ốt x 40m<sup>2</sup>/ki ốt)**

- Với hình dáng kiến trúc hiện đại, mang tính thống nhất với nhà chợ chính.

- Chiều cao tầng 1,2 là 3,3m.

- Chiều cao tầng tum là 2,7m.

- Chiều cao nền 0,15m so với mặt sân.

- Khu WC lắp thiết bị vệ sinh liên liên doanh, tường ốp gạch liên doanh (300x600) 4 mặt cao 2,1m. Nền lát gạch chống trơn liên doanh (300x600). Dùng téc nước inox loại nằm 2m<sup>3</sup> đặt trên mái.

- Khung vách, cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa nhựa lõi thép.

- Cửa ki ốt dùng cửa cuốn nhôm.

- Tường mặt ngoài tầng sơn màu ghi sáng, trức sơn vàng.

- Nền nhà tầng 1,2 lát gạch liên doanh (600x600).

- Thang xây gạch đặc bản BTCT lát đá xẻ.

- Hệ thống mái: Bê tông kết hợp khung thép mái kính.

- Chống thấm sê nô, mái bằng SIKA LATEX.

- Hệ thống thông gió và lấy sáng tự nhiên được dùng cửa nhựa.

#### **a.4. Nhà làm việc ban quản lý chợ**

- Diện tích đất dự kiến xây dựng là 40m<sup>2</sup>. Thiết kế đồng nhất với ki ốt 2,5 tầng nằm cùng dãy ki ốt 3,5 tầng. Tầng 1 bố trí phòng làm việc và 1 phòng vệ sinh. Tầng 2 bố trí 1 phòng điều hành, 1 phòng họp + tiếp khách và 1 phòng vệ sinh. Tầng 3 tổ kỹ thuật và sân thượng.

- Chiều cao tầng 1,2 là 3,3m.

- Chiều cao tầng tum là 2,7m.

- Chiều cao nền 0,15m so với mặt sân.

- Khu WC lắp thiết bị vệ sinh liên liên doanh, tường ốp gạch liên doanh (300x600) 4 mặt cao 2,1m. Nền lát gạch chống trơn liên doanh (300x600). Dùng téc nước Inox loại nằm 2m<sup>3</sup> đặt trên mái.

- Khung vách, cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa nhựa lõi thép.

- Cửa ki ốt dùng cửa cuốn nhôm.

- Tường mặt ngoài tầng sơn màu ghi sáng, trức sơn vàng.

- Nền nhà tầng 1,2 lát gạch liên doanh (600x600).

- Thang xây gạch đặc bản BTCT lát đá xẻ.

- Hệ thống mái: Bê tông kết hợp khung thép mái kính.

- Chống thấm sê nô, mái bằng SIKA LATEX.

- Hệ thống thông gió và lấy sáng tự nhiên được dùng cửa nhựa.

#### **a.5. Nhà trạm kiểm dịch**

- Diện tích đất dự kiến xây dựng là 40m<sup>2</sup>. Tầng 1 bố trí phòng phòng kiểm nghiệm vệ sinh an toàn thực phẩm và 1 nhà vệ sinh. Tầng 2 bố trí 1 phòng ban quản lý chất lượng hàng hóa và 1 nhà vệ sinh. Tầng 3 kho và sân thượng.

- Chiều cao tầng 1,2 là 3,3m.

- Chiều cao tầng tum là 2,7m.

- Chiều cao nền 0,15m so với mặt sân.

- Khu WC lắp thiết bị vệ sinh liên liên doanh, tường ốp gạch liên doanh (300x600) 4 mặt cao 2,1m. Nền lát gạch chống trơn liên doanh (300x600). Dùng téc nước inox loại nằm 2m<sup>3</sup> đặt trên mái.

- Khung vách, cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa nhựa lõi thép.

- Cửa ki ốt dùng cửa cuốn nhôm.

- Tường mặt ngoài tầng sơn màu ghi sáng, trức sơn vàng.

- Nền nhà tầng 1,2 lát gạch liên doanh (600x600).

- Thang xây gạch đặc bản BTCT lát đá xẻ.
- Hệ thống mái: Bê tông kết hợp khung thép mái kính.
- Chống thấm sê nô, mái bằng SIKA LATEX.
- Hệ thống thông gió và lấy sáng tự nhiên được dùng cửa nhựa.

#### **a.6. Hạ tầng ngoài nhà**

- Trạm bơm và bể nước ngầm: Xây dựng 02 bể, thể tích mỗi bể = 200m<sup>3</sup>; bể ngầm bằng BTCT mác 250# đổ tại chỗ, chứa nước cứu hỏa, sinh hoạt, tổng dung tích của 02 bể là 400m<sup>3</sup>; trát tường trong bể, trát 2 lớp VXM M75#, láng đáy bể dày 3cm VXM M75#; quét chống thấm mặt trong và đáy bể.

- Sân đường nội bộ: Tổng diện tích 3.122,1m<sup>2</sup>. Đường bê tông đổ đá 2x4 mác 200#; bồn hoa xây gạch VXM mác 75#; trát VXM mác 50#; ốp gạch thẻ hoàn thiện.

- Cây xanh: Phối hợp với Công ty Môi trường đô thị Lai Châu trồng diện tích cây xanh đảm bảo quy định.

- Cổng: Xây trụ cổng chính và phụ bằng gạch không nung, VXM mác 75#; trát cổng VXM mác 75#; lu sơn hoàn chỉnh.

- Biển hiệu: Xây bằng gạch không nung VXM mác 75#; trát VXM mác 75#; đổ giằng BTCT mác 200#; mặt trước ốp đá Granite và gắn chữ đồng dày 20mm; mặt sau lu sơn hoàn chỉnh.

- Hàng rào hoa sắt: Trụ hàng rào xây gạch không nung, VXM mác 75#; kích thước trụ 440x440 cách đều 3000; hàng rào cao 2,2; phần chân xây cao 0,5m, phía trên thép hộp cao 1,4m; đổ giằng BTCT mác 200#; trát VXM mác 75#; lu sơn hoàn chỉnh.

- Hàng rào gạch: Trụ hàng rào xây gạch không nung, VXM mác 75#; kích thước trụ 440x440 cách đều 3000; hàng rào cao 2,2; phần chân xây cao 0,5m, phía trên thép hộp cao 1,4m; đổ giằng BTCT mác 200#; trát VXM mác 75#; lu sơn hoàn chỉnh.

- Nhà để xe máy, xe đạp: Diện tích dự kiến xây dựng là 350m<sup>2</sup>. Hệ kết cấu cột thép; kèo, xà gò thép lợp mái tôn; móng cột và dầm giằng đổ BTCT mác 200#.

- Hệ thống điện ngoài nhà: Hệ thống cáp điện được đi ngầm dưới đất và đặt trong ống bảo vệ theo đúng tiêu chuẩn ngành điện; hệ thống cột đèn chiếu sáng ngoài nhà móng được đổ bê tông M150#; lắp đặt đồng bộ cùng hệ thống và máy phát điện dự phòng.

- Hệ thống cấp thoát nước ngoài nhà: Lắp đặt hệ thống ống cấp nước bằng thép và ống cấp nước PPR cấp cho công trình; hệ thống thoát nước xây rãnh thoát nước và hố ga và dùng ống nhựa PVC để thoát nước công trình.

- Hệ thống PCCC: Đường ống cấp nước chữa cháy sử dụng ống thép quanh công trình bố trí các trụ chữa cháy, trong nhà bố trí các tủ chữa cháy đồng bộ.

- San lấp mặt bằng: Diện tích san đắp nền 10.462,1m<sup>2</sup>, thi công bằng máy, đất đắp

đảm bằng máy đảm theo đúng cos thỏa thuận quy hoạch và quy trình kỹ thuật đảm bảo độ chặt  $k = 0,95$ .

- Thiết bị: Máy bơm nước sinh hoạt và PCCC, trạm biến áp, hệ thống báo cháy tự động; Hệ thống PCCC vách tường kết hợp bình chữa cháy xách tay, tiêu lệnh.

Quy mô các hạng mục công trình chính được UBND tỉnh Lai Châu phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 được tổng hợp tại bảng sau:

**Bảng 1.2. Các hạng mục công trình chính theo nội dung ĐTM được phê duyệt**

TT	Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng ( $S_{xd}$ , $m^2$ )
1	Nhà chợ chính	1.690
2	Chợ ngoài trời có mái che	1.514
3	Ki ốt bán hàng	2.856
-	Ki ốt 3,5 tầng (29 nhà)	1.856
-	Ki ốt 2,5 tầng (26 nhà)	1.040
4	Nhà làm việc Ban quản lý chợ	40
5	Nhà kiểm dịch	40
<b>Tổng diện tích (<math>m^2</math>)</b>		<b>6.140</b>

**b. Quy mô công trình và giải pháp thiết kế thay đổi so với nội dung ĐTM đã phê duyệt**

**b.1. Nhà chợ chính**

- Diện tích xây dựng  $S_{xd} = 1.172m^2$ , diện tích sử dụng  $S_{sd} = 4.059m^2$  là khối công trình thiết kế 03 tầng, gồm 1 tầng hầm để xe và 02 tầng nổi để phân chia, bố trí các quầy và ki ốt.

- Hình dáng kiến trúc tân cổ điển, hệ thống hành lang mái kính che xung quanh tạo cảm giác không gian rộng và thoáng.

- Kết cấu móng đơn bê tông cốt thép; dầm, cột, sàn bê tông cốt thép; tường xây gạch chỉ VXM; xà gồ thép, mái lợp tôn.

- Trung tâm nhà chợ chính là thang máy, thanh bộ kết hợp thông tầng tạo không gian thoáng rộng và nhà vệ sinh được bố trí kín đáo phía sau thang máy đảm bảo được nhu cầu sử dụng của khách.

- Để đảm bảo cho việc thoát hiểm hệ thống thang thoát hiểm được bố trí gọn gàng ở hai bên hông nhà chợ.

- Chiều cao thiết kế tính từ nền tầng 1 cao độ +0.000 đến đỉnh mái là 14,8m, chiều cao mỗi tầng là 4,8m, tầng hầm cao 3m, chiều cao nền 0,15m so với mặt sân. Chiều dài 42,09m, chiều rộng 37,06m.

- Giải pháp hoàn thiện đáp ứng yêu cầu bền, đẹp, tiện nghi và kinh tế:

+ Khu nhà WC lắp thiết bị vệ sinh liên doanh, tường ốp gạch liên doanh (300x600) 4 mặt cao 2,4m. Nền lát gạch chống trơn liên doanh (300x600). Dùng téc nước inox loại nằm 2m<sup>3</sup> đặt trên mái.

+ Khung vách, cửa sổ sử dụng nhôm hệ.

+ Cửa đi dùng cửa cuốn nhôm.

+ Tường 4 mặt ngoài tầng sơn màu ghi sáng, trụ sơn ghi sẫm.

+ Nền nhà tầng 1, 2 lát gạch liên doanh (600x600).

+ Thang xây gạch đặc bản BTCT trát đá granito chống trơn.

+ Hệ thống mái là bê tông kết hợp mái kính.

+ Chống thấm sê nô, mái bằng SIKA LATEX.

+ Hệ thống thông gió và lấy sáng tự nhiên được dùng vách kính có cửa mở.

## **b.2. Nhà chợ ngoài trời có mái che**

- Diện tích xây dựng  $S_{xd} = 1.600m^2$ . Bố trí các dãy ki ốt phân chia bước nhịp 5x6m. Kết cấu móng đơn BTCT; được thiết kế hoàn toàn bằng hệ cột, kèo thép, mái lợp tôn màu xanh 3 lớp, mái thiết kế dốc về 2 hướng đảm bảo thoát nước nhanh, phân chia thành các ki ốt nhỏ 2,5x3m. Khoảng cách các dãy ki ốt 4m nối với nhau bằng mái lợp tôn màu xanh 3 lớp kết hợp mái nhựa lấy sáng.

- Chiều cao tính từ nền cao độ +0.00 đến đỉnh mái là 4,925m, chiều cao thông thủy là 3,35m. Chiều dài 36,5m, chiều rộng 5,5m.

- Lấy sáng tự nhiên qua mái nhựa.

- Sàn bê tông đá 4x6 có tạo rãnh chống trơn.

## **b.3. Ki ốt bán hàng**

- Diện tích đất xây dựng  $S_{xd} = 3.392m^2$ , diện tích sàn là  $S_{sd} = 11.739m^2$ . Được bố trí xung quanh chợ chính và không quy hoạch cụ thể ngành hàng kinh doanh. Việc tổ chức kinh doanh tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng kinh doanh của thương nhân.

### **b.3.1. Ki ốt 3 tầng, 1 tum**

#### **\* Ki ốt 5x12m**

- Gồm 03 dãy với tổng số 29 căn nhà, hình dáng kiến trúc tân cổ điển, mang tính thống nhất với nhà chợ chính, thiết kế lệch tầng nhằm tối ưu hóa công năng, không gian được linh hoạt.

- Diện tích đất xây dựng  $S_{xd} = 1.740m^2$ , diện tích sàn là  $S_{sd} = 6.380m^2$ .

- Chiều cao thiết kế tính từ nền tầng 1 cao độ +0.000 đến đỉnh mái là 12,6m, chiều cao mỗi tầng là 3,2m bố trí sole nhau 1,6m, chiều cao nền 0,15m so với mặt sân. Chiều dài 12m, chiều rộng 5m.



- Kết cấu móng đơn BTCT; dầm, cột, sàn BTCT; tường xây gạch chỉ VXM.

- Giải pháp hoàn thiện:

+ Khu nhà WC lắp thiết bị vệ sinh liên doanh, tường ốp gạch liên doanh (300x600) 4 mặt cao 2,4m. Nền lát gạch chống trơn liên doanh (300x600). Dùng téc nước inox loại nằm 2m<sup>3</sup> đặt trên mái.

+ Khung vách, cửa sổ sử dụng nhựa nhôm hệ.

+ Cửa ki ốt dùng cửa cuốn nhôm.

+ Tường mặt ngoài tầng sơn màu ghi sáng, trụ sơn vàng.

+ Nền nhà lát gạch liên doanh (600x600).

+ Thang xây gạch đặc bản BTCT lát đá xẻ.

+ Hệ thống mái là bê tông.

+ Chống thấm sê nô, mái bằng SIKA LATEX.

+ Thông gió và lấy sáng tự nhiên bằng cửa kính kết hợp cánh mở.

#### \* **Ki ốt 6x12m**

- Tổng số 03 căn nhà với hình dáng kiến trúc tân cổ điển, mang tính thống nhất với nhà chợ chính, nằm ở vị trí góc đường cùng dãy nhà ki ốt 5x12m tạo nên điểm nhấn cho khu vực chợ.

- Diện tích đất xây dựng  $S_{xd} = 216m^2$ , diện tích sàn là  $S_{sd} = 777m^2$ .

- Chiều cao thiết kế tính từ nền tầng 1 cao độ +0.000 đến đỉnh mái là 13,2m, chiều cao tầng 1 là 3,6m, chiều cao tầng 2 và tầng 3 là 3,3m, chiều cao tầng tum là 3m, chiều cao nền 0,15m so với mặt sân. Chiều dài 12m, chiều rộng 6m.

- Kết cấu móng đơn BTCT; dầm, cột, sàn BTCT; tường xây gạch chỉ VXM.

- Giải pháp hoàn thiện:

+ Khu nhà WC lắp thiết bị vệ sinh liên doanh, tường ốp gạch liên doanh (300x600) 4 mặt cao 2,1m. Nền lát gạch chống trơn liên doanh (300x600). Dùng téc nước inox loại nằm 2m<sup>3</sup> đặt trên mái.

+ Khung vách, cửa đi, cửa sổ sử dụng nhựa nhôm hệ.

+ Cửa ki ốt dùng cửa cuốn nhôm.

+ Tường mặt ngoài tầng sơn màu ghi sáng, trụ sơn vàng.

+ Nền nhà tầng 1, 2 lát gạch liên doanh (600x600).

+ Thang xây gạch đặc bản BTCT lát đá xẻ.

+ Hệ thống mái là bê tông kết hợp khung thép mái kính.

+ Chống thấm sê nô, mái bằng SIKA LATEX.

+ Thông gió và lấy sáng tự nhiên bằng cửa kính kết hợp cánh mở.

**\* Ki ốt 7x12m**

- Gồm 01 dãy với tổng số 05 căn nhà, hình dáng kiến trúc tân cổ điển, mang tính thống nhất với nhà chợ chính, nằm trên trục đường 58 là điểm nhấn cho khu vực chợ.

- Diện tích đất xây dựng  $S_{xd} = 420m^2$ , diện tích sàn là  $S_{sd} = 1.510m^2$ .

- Chiều cao thiết kế tính từ nền tầng 1 cao độ +0.000 đến đỉnh mái là 13,8m, chiều cao tầng 1 là 3,9m, chiều cao tầng 2 là 3,6m và tầng 3 là 3,3m, chiều cao tầng tum là 3m, chiều cao nền 0,15m so với mặt sân. Chiều dài 8m, chiều rộng 7m.

- Kết cấu móng đơn BTCT; dầm, cột, sàn BTCT; tường xây gạch chỉ VXM.

- Giải pháp hoàn thiện:

+ Khu nhà WC lắp thiết bị vệ sinh liên doanh, tường ốp gạch liên doanh (300x600) 4 mặt cao 2,1m. Nền lát gạch chống trơn liên doanh (300x600). Dùng téc nước inox loại nằm  $2m^3$  đặt trên mái.

+ Khung vách, cửa đi, cửa sổ sử dụng nhựa nhôm hệ.

+ Cửa ki ốt dùng cửa cuốn nhôm.

+ Tường mặt ngoài tầng sơn màu ghi sáng, trụ sơn vàng.

+ Nền nhà tầng 1, 2 lát gạch liên doanh (600x600).

+ Thang xây gạch đặc bản BTCT lát đá xẻ.

+ Hệ thống mái là bê tông kết hợp khung thép mái kính.

+ Chống thấm sê nô, mái bằng SIKA LATEX.

+ Thông gió và lấy sáng tự nhiên bằng cửa kính kết hợp cánh mở.

**b.3.2. Ki ốt 3 tầng**

**\* Ki ốt 5x8m**

- Gồm 02 dãy với tổng số 23 căn nhà, hình dáng kiến trúc tân cổ điển, mang tính thống nhất với nhà chợ chính, nằm sát bến xe tỉnh Lai Châu.

- Diện tích đất xây dựng  $S_{xd} = 920m^2$ , diện tích sàn là  $S_{sd} = 2.760m^2$ .

- Chiều cao thiết kế tính từ nền tầng 1 cao độ +0.000 đến đỉnh mái là 10,85m, chiều cao tầng 1 là 3,5m, chiều cao tầng 2 là 3,2m và tầng 3 là 3m, chiều cao nền 0,15m so với mặt sân. Chiều dài 12m, chiều rộng 5m.

- Kết cấu móng đơn BTCT; dầm, cột, sàn BTCT; tường xây gạch chỉ VXM.

- Giải pháp hoàn thiện:

+ Khu nhà WC lắp thiết bị vệ sinh liên doanh, tường ốp gạch liên doanh (300x600) 4 mặt cao 2,1m. Nền lát gạch chống trơn liên doanh (300x600). Dùng téc nước inox loại nằm  $2m^3$  đặt trên mái.

- + Khung vách, cửa đi, cửa sổ sử dụng nhựa nhôm hệ.
- + Cửa ki ốt dùng cửa cuốn nhôm.
- + Tường mặt ngoài tầng sơn màu ghi sáng, trụ sơn vàng.
- + Nền nhà tầng 1, 2 lát gạch liên doanh (600x600).
- + Thang xây gạch đặc bản BTCT lát đá xẻ.
- + Hệ thống mái là bê tông kết hợp khung thép mái kính.
- + Chống thấm sê nô, mái bằng SIKA LATEX.
- + Thông gió và lấy sáng tự nhiên bằng cửa kính kết hợp cánh mở.

**\* Ki ốt 8x12m**

- Gồm 01 căn nhà, hình dáng kiến trúc tân cổ điển, mang tính thống nhất với nhà chợ chính, nằm ở vị trí góc đường cùng dãy nhà ki ốt 5x8m tạo nên điểm nhấn cho khu vực chợ.

- Diện tích đất xây dựng  $S_{xd} = 96m^2$ , diện tích sàn là  $S_{sd} = 312m^2$ .

- Chiều cao thiết kế tính từ nền tầng 1 cao độ +0.000 đến đỉnh mái là 13,2m, chiều cao tầng 1 là 3,6m, chiều cao tầng 2 và tầng 3 là 3,3m, chiều cao nền 0,15m so với mặt sân. Chiều dài 12m, chiều rộng 8m.

- Kết cấu móng đơn BTCT; dầm, cột, sàn BTCT; tường xây gạch chỉ VXM.

- Giải pháp hoàn thiện:

+ Khu nhà WC lắp thiết bị vệ sinh liên doanh, tường ốp gạch liên doanh (300x600) 4 mặt cao 2,1m. Nền lát gạch chống trơn liên doanh (300x600). Dùng téc nước inox loại nằm  $2m^3$  đặt trên mái.

- + Khung vách, cửa đi, cửa sổ sử dụng nhựa nhôm hệ.
- + Cửa ki ốt dùng cửa cuốn nhôm.
- + Tường mặt ngoài tầng sơn màu ghi sáng, trụ sơn vàng.
- + Nền nhà tầng 1, 2 lát gạch liên doanh (600x600).
- + Thang xây gạch đặc bản BTCT lát đá xẻ.
- + Hệ thống mái là bê tông kết hợp khung thép mái kính.
- + Chống thấm sê nô, mái bằng SIKA LATEX.
- + Thông gió và lấy sáng tự nhiên bằng cửa kính kết hợp cánh mở.

**b.4. Nhà làm việc Ban quản lý chợ + Trạm kiểm dịch và WC công cộng**

- Thiết kế đồng nhất và nằm cùng dãy ki ốt 5x8m. Diện tích đất xây dựng  $S_{xd} = 56m^2$ , diện tích sàn là  $S_{sd} = 168m^2$ .

- Khối nhà 3 tầng, trong đó: Tầng 1 bố trí phòng bảo vệ và WC công cộng cho toàn bộ chợ. Tầng 2 là ban quản lý ; tầng 3 bố trí phòng kiểm dịch, chất lượng và tổ kỹ thuật.

- Chiều cao thiết kế tính từ nền tầng 1 cao độ +0.000 đến đỉnh mái là 10,85m, chiều cao tầng 1 là 3,5m, chiều cao tầng 2 là 3,2m và tầng 3 là 3m, chiều cao nền 0,15m so với mặt sân. Chiều dài 36,5m, chiều rộng 5,5m.

- Kết cấu móng đơn BTCT; dầm, cột, sàn BTCT; tường xây gạch chỉ VXM.

- Giải pháp hoàn thiện:

+ Khu nhà WC lắp thiết bị vệ sinh liên doanh, tường ốp gạch liên doanh (300x600) 4 mặt cao 2,1m. Nền lát gạch chống trơn liên doanh (300x600). Dùng téc nước inox loại nằm 2m<sup>3</sup> đặt trên mái.

+ Khung vách, cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa nhôm hệ.

+ Cửa ki ốt dùng cửa cuốn nhôm.

+ Tường mặt ngoài tầng sơn màu ghi sáng, trụ sơn vàng.

+ Nền nhà tầng 1, 2 lát gạch liên doanh (600x600).

+ Thang xây gạch đặc bản BTCT lát đá xẻ.

+ Hệ thống mái là bê tông kết hợp khung thép mái kính.

+ Chống thấm sê nô, mái bằng SIKA LATEX.

+ Thông gió và lấy sáng tự nhiên bằng cửa kính kết hợp cánh mở.

#### **b.5. Hạ tầng ngoài nhà**

- Sân đường nội bộ: Tổng diện tích 3.249,1m<sup>2</sup> kết cấu bê tông xi măng M200#.

- Cổng, tường rào; trạm bơm và bể chứa nước, bồn hoa,... Tổng diện tích dự kiến 993m<sup>2</sup>:

+ Bể nước ngầm: 2 bể, mỗi bể 200m<sup>3</sup>. Kết cấu bằng BTCT M250 đổ tại chỗ, chứa nước cứu hỏa, sinh hoạt; trát tường trong bể, trát 2 lớp VXM M75, lán đáy bể dày 3cm VXM M75; quét chống thấm mặt trong và đáy bể.

+ Bồn hoa xây gạch VXM M75, trát VXM M50.

+ Cổng chính kết hợp với biển hiệu: Xây trụ cổng bằng gạch không nung, VXM M75, trát trụ cổng VXM M75; lu sơn hoàn chỉnh. Biển hiệu gắn cửa đồng dày 20mm.

+ Cổng phụ sử dụng cổng inox mở tự động.

- Hệ thống điện ngoài nhà: Hệ thống cáp điện được đi ngầm dưới đất và đặt trong ống bảo vệ theo đúng tiêu chuẩn ngành điện; hệ thống cột đèn chiếu sáng ngoài nhà móng được đổ bê tông M150; lắp đặt đồng bộ cùng hệ thống và máy phát điện dự phòng.

- Hệ thống cấp thoát nước ngoài nhà: Lắp đặt hệ thống ống cấp nước bằng thép và ống cấp nước PPR cấp cho công trình; hệ thống thoát nước xây rãnh thoát nước và hố ga và dùng ống nhựa PVC để thoát nước công trình.

- Hệ thống PCCC: Đường ống cấp nước chữa cháy sử dụng ống thép quanh công trình bố trí các trụ chữa cháy, trong nhà bố trí các tủ chữa cháy đồng bộ.

- Thiết bị: Máy bơm nước sinh hoạt và PCCC, trạm biến áp, hệ thống báo cháy tự động; Hệ thống PCCC vách tường kết hợp bình chữa cháy xách tay, tiêu lệnh.



*Quy mô công trình và giải pháp thiết kế thay đổi so với nội dung báo cáo ĐTM đã được UBND tỉnh Lai Châu chấp thuận tại Quyết định điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư số 976/QĐ-UBND ngày 23/8/2018; Quy mô, giải pháp thiết kế thi công đã được Sở Xây dựng tỉnh Lai Châu thẩm định và chấp thuận kết quả tại văn bản số 998/SXD-QLXD ngày 03/12/2018.*

Công ty bắt đầu khởi công xây dựng các hạng mục công trình được UBND tỉnh Lai Châu chấp thuận tại Quyết định điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư số 976/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 từ tháng 01 năm 2019 và đến tháng 4 năm 2021 đã hoàn thành xây dựng xong Nhà chợ chính, Chợ ngoài trời có mái che, Nhà BQL + Trạm kiểm dịch và WC, Ki ốt 7x12 (5 căn), Ki ốt 8x12m (1 căn). Riêng đối với Ki ốt 5x12m (29 căn): đã hoàn thành xây dựng 8 căn còn 21 căn chưa xây dựng, Ki ốt 6x12m (3 căn) đã hoàn thành xây dựng 2 căn còn 1 căn chưa xây dựng, Ki ốt 5x8m (23 căn) đã hoàn thành xây dựng 22 căn còn 1 căn chưa xây dựng.

Hiện trạng hoạt động của các hạng mục công trình hoàn thành như sau:

- Nhà chợ chính: Chưa có hoạt động kinh doanh.
- Chợ ngoài trời có mái che: Có 68/144 gian hàng đang hoạt động kinh doanh.
- Nhà BQL + Trạm kiểm dịch và WC: Đang hoạt động.
- Dãy nhà ki ốt:
  - + Ki ốt 5x12m: 8 căn xây dựng hoàn thành đang hoạt động kinh doanh.
  - + Ki ốt 6x12m: 2 căn xây dựng hoàn thành đang hoạt động kinh doanh.
  - + Ki ốt 7x12m: 3 căn đang hoạt động kinh doanh, 2 căn còn trống.
  - + Ki ốt 5x8m: 10 căn đang hoạt động kinh doanh, 12 căn còn trống.
  - + Ki ốt 8x12m: Đang hoạt động kinh doanh.

**Bảng 1.3. Tổng hợp các hạng mục công trình chính được phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư; đã hoàn thành xây dựng ngoài thực tế và hiện trạng hoạt động kinh doanh**

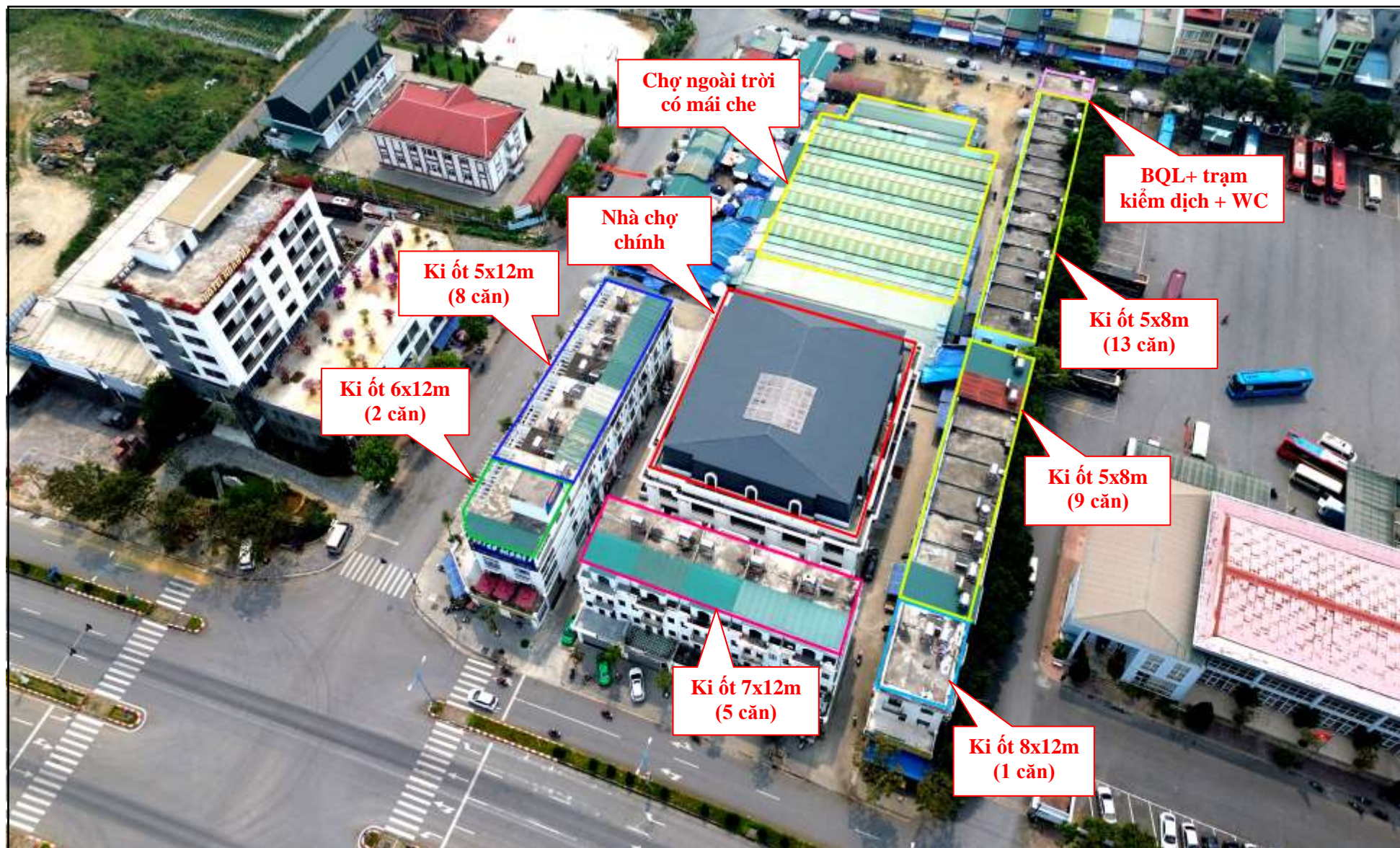
TT	Hạng mục công trình chính	Các hạng mục công trình chính được điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND tỉnh Lai Châu			Các hạng mục công trình đã hoàn thành xây dựng xong ngoài thực tế			Hiện trạng kinh doanh của các hạng mục công trình đã hoàn thành xây dựng
		Số lượng	S <sub>xd</sub> (m <sup>2</sup> )	S <sub>sđ</sub> (m <sup>2</sup> )	Số lượng	S <sub>xd</sub> (m <sup>2</sup> )	S <sub>sđ</sub> (m <sup>2</sup> )	
1	Nhà chợ chính	01 nhà	1.172	4.059	01 nhà	1.172	4.059	Chưa hoạt động kinh doanh
2	Chợ ngoài trời có mái che		1.600	1.600		1.600	1.600	68/144 gian hàng đang hoạt động kinh doanh
3	Nhà BQL+ Trạm kiểm dịch và WC	01 khối nhà	56	168	01 khối nhà	56	168	Đang hoạt động
4	Ki ốt bán hàng		3.392	11.739		2.020	6.740	
-	Ki ốt 5x12m	3 dãy 29 căn	1.740	6.380	1 dãy 8 căn	480	1.760	Cả 8 căn đang hoạt động kinh doanh
-	Ki ốt 6x12m	03 căn	216	777	02 căn	144	518	Cả 02 căn đang hoạt động kinh doanh
-	Ki ốt 7x12m	1 dãy 5 căn	420	1.510	1 dãy 5 căn	420	1.510	3 căn đang hoạt động kinh doanh; 2 căn còn trống
-	Ki ốt 5x8m	2 dãy 23 căn	920	2.760	2 dãy 22 căn	880	2.640	10 căn đang hoạt động kinh doanh; 12 căn còn trống
-	Ki ốt 8x12m	01 căn	96	312	01 căn	96	312	Đang hoạt động kinh doanh
<b>Mặt bằng bố trí công trình</b>								
<b>Tổng diện tích (m<sup>2</sup>)</b>		<b>6.220</b>			<b>4.848</b>			

Ghi chú:

- Thời gian khởi công và hoàn thành:
- + Thời gian khởi công: Tháng 01/2019.
- + Thời gian hoàn thành và đưa vào sử dụng: Tháng 04/2021.
- Khối lượng các hạng mục hoàn thành đạt khoảng 80% khối lượng được phê duyệt tại Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND tỉnh Lai Châu.
- Khối lượng các hạng mục đang hoạt động kinh doanh đạt 45% khối lượng đã xây dựng hoàn thành.

Hình ảnh các công trình chính đã hoàn thành xây dựng xong ngoài thực tế:





Hình 1.1. Các công trình đã hoàn thành xây dựng xong ngoài thực tế





Song song với quá trình thi công xây dựng công trình chính. Công ty cũng tiến hành xây dựng và lắp đặt các công trình bảo vệ môi trường cụ thể:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa: Ứng với từng công trình chính, công trình thu gom nước mưa mái và công trình thoát nước mưa ngoài nhà được lắp đặt hoàn thiện đảm bảo công năng thu, thoát nước.

Công trình thoát nước mưa mái, gồm:

+ Sênô, chắn rác, ống thoát nước mưa mái tại nhà chợ chính, Nhà BQL+ Trạm kiểm dịch + WC, Ki ốt.

+ Máng thu, chắn rác, ống thoát nước mưa mái, cống D300mm tại chợ ngoài trời có mái che.

Công trình thoát nước mưa ngoài nhà, gồm:

+ Cống D300mm, đã hoàn thành xây dựng 95m trên tổng chiều dài 127m.

+ Cống D600mm, đã hoàn thành xây dựng với tổng chiều dài 260m.

+ Hố ga, đã hoàn thành xây dựng 22 hố trên tổng số 23 hố.

+ Ống thoát, đã hoàn thành lắp đặt với tổng chiều dài 17,9m.

- Công trình thu gom, thoát nước thải: Ứng với từng công trình chính, công trình thu gom nước thải trong nhà, công trình thu gom nước thải ngoài nhà và công trình thoát nước thải được lắp đặt hoàn thiện đảm bảo công năng thu, thoát nước.

Công trình thu gom nước thải trong nhà, gồm:

+ Ống thu gom tại nhà chợ chính, Nhà BQL + Trạm kiểm dịch + WC, Ki ốt.

+ Rãnh thu gom B300mm tại chợ ngoài trời có mái che.

Công trình thu gom nước thải ngoài nhà, gồm:

+ Ống thu gom, đã hoàn thành lắp đặt với tổng chiều dài 62m.

+ Cống D300mm, đã hoàn thành xây dựng 298m trên tổng chiều dài 320m.

+ Hố ga, đã hoàn thành xây dựng 20 hố trên tổng số 22 hố.

Công trình thoát nước thải, gồm:

+ Hố ga thăm nước thải sau xử lý, đã hoàn thành xây dựng, số lượng 01 hố.

+ Ống thoát, đã hoàn thành lắp đặt với tổng chiều dài 2,5m.

- Công trình xử lý nước thải:

+ Đã hoàn thành xây dựng 40 bể tự hoại 3 ngăn (trong đó: 38 bể, mỗi bể dung tích  $3m^3$  đặt ngầm dưới mỗi căn ki ốt; 01 bể dung tích  $11m^3$  đặt ngầm dưới Nhà BQL + Trạm kiểm dịch và WC; 01 bể dung tích  $15m^3$  đặt ngầm dưới nhà chợ chính), trên tổng số 63 bể tự hoại 3 ngăn (trong đó: 61 bể, mỗi bể dung tích  $3m^3$ ; 01bể dung tích  $11m^3$  và 01 bể dung tích  $15m^3$ ).

+ Đã hoàn thành xây dựng 01 bể lắng lọc dung tích 18m<sup>3</sup>.

*Các hạng mục chưa được xây dựng dự kiến sẽ được tiếp tục xây dựng vào tháng 11 năm 2024. Dự kiến thời gian hoàn thành xây dựng vào tháng 11 năm 2025.*

### **3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở**

Do đặc thù của cơ sở là chợ thương mại và khu ki ốt cho thuê nên chỉ kinh doanh dịch vụ thương mại, ki ốt cho thuê, không có công nghệ sản xuất. Công ty đã thành lập ban quản lý chợ để quản lý việc kinh doanh tại chợ như các không gian phục vụ cho các hoạt động: Trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, đo lường, kiểm tra chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm và các hoạt động khác.

Các tiểu thương đăng ký các lô kinh doanh tại chợ với Ban quản lý chợ và thực hiện đóng các chi phí theo quy định. Khách hàng đến chợ mua hàng cần gửi xe trước khi vào khu kinh doanh.

Các mối lái trước khi vào chợ sẽ xuất trình các giấy tờ cần thiết về hàng hóa đến giao thương (thông tin chủ hàng, tên hàng, nguồn hàng, số lượng,...) cho Ban quản lý chợ và thực hiện đóng các chi phí theo quy định.

Các hoạt động diễn ra trong chợ sẽ do Ban quản lý chợ tổ chức, điều hành và giám sát.

### **3.3. Sản phẩm của cơ sở**

Chợ đầu mối tỉnh Lai Châu thuộc nhóm dự án công trình dân dụng, không thuộc nhóm dự án sản xuất do đó sản phẩm của cơ sở là các ki ốt, nhà chợ chính, nhà chợ ngoài trời có mái che cho thuê phục vụ kinh doanh thương mại.

Phương án bố trí, sắp xếp ngành hàng kinh doanh, điểm kinh doanh tại chợ đầu mối tỉnh Lai Châu đã được UBND thành phố Lai Châu phê duyệt tại Quyết định số 1308/QĐ-UBND ngày 30/7/2019, cụ thể như sau:

\* **Nhà chợ chính:** Bố trí sắp xếp kinh doanh tại 02 tầng với tổng diện tích sử dụng là 816,4m<sup>2</sup>, được chia thành 102 điểm kinh doanh. Trong đó:

- Tầng 1: Tổng diện tích sử dụng là 364,8m<sup>2</sup>, được chia thành 44 điểm bán hàng, bố trí sắp xếp cụ thể các ngành hàng như sau:

+ Hàng điện tử, điện thoại: 08 điểm kinh doanh, diện tích 6,6m<sup>2</sup>/1điểm;

+ Hàng vali túi xách: 08 điểm kinh doanh, diện tích 6,6m<sup>2</sup>/1điểm;

+ Hàng vàng bạc, trang sức: 01 điểm kinh doanh, diện tích 18m<sup>2</sup>/1điểm;

+ Hàng chăn ga gối: 03 điểm kinh doanh, diện tích 18m<sup>2</sup>/1điểm;

+ Hàng thủ công mỹ nghệ, lưu niệm: 08 điểm kinh doanh, diện tích 9m<sup>2</sup>/1điểm;

+ Hàng mũ bảo hiểm, mỹ phẩm, các mặt hàng khác: 16 điểm kinh doanh, diện tích 7,2m<sup>2</sup>/1điểm;

- Tầng 2: Tổng diện tích sử dụng là 451,6m<sup>2</sup>, được chia thành 58 điểm bán hàng, bố

trí sắp xếp ngành hàng cụ thể như sau:

+ Hàng quần áo, vải vóc: 42 điểm kinh doanh, trong đó: 26 điểm kinh doanh, diện tích  $9\text{m}^2/1$  điểm; 16 điểm kinh doanh, diện tích  $7\text{m}^2/1$  điểm.

+ Hàng giày dép: 08 điểm kinh doanh, diện tích  $6,6\text{m}^2/1$  điểm.

+ May mặc: 08 điểm kinh doanh, diện tích  $6,6\text{m}^2/1$  điểm.

\* **Nhà chợ ngoài trời có mái che:** Bố trí sắp xếp kinh doanh các mặt hàng thực phẩm. Trong đó:

- Hàng hoa quả: 24 điểm kinh doanh, trong đó: 16 điểm kinh doanh, diện tích  $9,6\text{m}^2/1$  điểm; 8 điểm kinh doanh, diện tích  $8,0\text{m}^2/1$  điểm.

- Hàng khô, tạp hóa: 36 điểm kinh doanh, trong đó: 24 điểm kinh doanh, diện tích  $9,6\text{m}^2/1$  điểm; 12 điểm kinh doanh, diện tích  $8,0\text{m}^2/1$  điểm.

- Hàng thịt: 32 điểm kinh doanh, trong đó: 24 điểm kinh doanh, diện tích  $5,0\text{m}^2/1$  điểm; 04 điểm kinh doanh, diện tích  $6,25\text{m}^2/1$  điểm; 04 điểm kinh doanh, diện tích  $5,25\text{m}^2/1$  điểm.

- Hàng rau củ quả: 30 điểm kinh doanh, trong đó: 16 điểm kinh doanh, diện tích  $9,6\text{m}^2/1$  điểm; 10 điểm kinh doanh, diện tích  $8,0\text{m}^2/1$  điểm; 06 điểm kinh doanh, diện tích  $6,4\text{m}^2/1$  điểm.

- Hàng thực phẩm đông lạnh: 06 điểm kinh doanh, trong đó: 04 điểm kinh doanh, diện tích  $9,6\text{m}^2/1$  điểm; 02 điểm kinh doanh, diện tích  $8,0\text{m}^2/1$  điểm.

- Hàng gà, cá vịt: 16 điểm kinh doanh, diện tích  $7,5\text{m}^2/1$  điểm.

\* **Dãy nhà ki ốt bán hàng:** Được bố trí xung quanh chợ và không quy hoạch cụ thể ngành hàng kinh doanh. Việc tổ chức kinh doanh tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng kinh doanh của thương nhân.

**Hiện trạng ngành hàng kinh doanh, điểm kinh doanh đang hoạt động tại chợ hiện nay:**

\* **Nhà chợ chính:** Chưa có hoạt động kinh doanh.

\* **Nhà chợ ngoài trời có mái che:**

- Hàng hoa quả: 17/24 điểm kinh doanh đang hoạt động, trong đó: 07 điểm kinh doanh, diện tích  $8,0\text{m}^2/1$  điểm; 10 điểm kinh doanh, diện tích  $9,6\text{m}^2/1$  điểm.

- Hàng khô, tạp hóa: 14/36 điểm kinh doanh đang hoạt động, trong đó: 09 điểm kinh doanh, diện tích  $9,6\text{m}^2/1$  điểm; 05 điểm kinh doanh, diện tích  $8,0\text{m}^2/1$  điểm.

- Hàng thịt: 13/32 điểm kinh doanh đang hoạt động, trong đó: 09 điểm kinh doanh, diện tích  $5,0\text{m}^2/1$  điểm; 01 điểm kinh doanh, diện tích  $6,25\text{m}^2/1$  điểm; 02 điểm kinh doanh, diện tích  $5,25\text{m}^2/1$  điểm.

- Hàng rau củ quả: 06/30 điểm kinh doanh đang hoạt động, trong đó: 04 điểm kinh doanh, diện tích 9,6m<sup>2</sup>/1điểm; 02 điểm kinh doanh, diện tích 6,4m<sup>2</sup>/1điểm.

- Hàng thực phẩm đông lạnh: 02/06 điểm kinh doanh đang hoạt động, diện tích 9,6m<sup>2</sup>/1điểm.

- Hàng gà, cá vịt: 16/16 điểm kinh doanh đang hoạt động, diện tích 7,5m<sup>2</sup>/1điểm.

\* **Dãy nhà ki ốt bán hàng:** 24/38 ki ốt đang hoạt động, chủ yếu thuộc hàng may mặc (quần áo, dây dép, túi sách), ăn uống, mỹ phẩm, điện thoại, cắt tóc gội đầu, tạp hóa, siêu thị tổng hợp.

#### **4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở**

##### **4.1. Nhu cầu về nguyên liệu**

Nguyên liệu là các mặt hàng kinh doanh buôn bán chủ yếu từ các nhà cung cấp tại địa phương nhằm hạn chế chi phí giá thành vận chuyển. Nguyên liệu sử dụng chủ yếu trong quá trình hoạt động của cơ sở là các loại lương thực, thực phẩm phục vụ nhu cầu ẩm thực của người dân, riêng mặt hàng kinh doanh hải sản dự kiến sẽ được chuyên chở từ các tỉnh thành như: Thanh Hóa, Hải Phòng, Quảng Ninh,... Lượng nguyên liệu trong một ngày lưu thông tại chợ phụ thuộc vào sức mua của người dân trên địa bàn.

##### **4.2. Nhu cầu về hóa chất**

- Cơ sở không có nhu cầu sử dụng hóa chất.

- Sử dụng chế phẩm vi sinh BiO-Phốt (hoặc các chế phẩm vi sinh khác tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm) bổ sung cho bể tự hoại 3 ngăn.

##### **4.3. Nguồn cung cấp điện, nước**

###### **a. Nhu cầu sử dụng điện và nguồn cung cấp điện**

- Nguồn điện cung cấp cho chợ đầu mối tỉnh Lai Châu được lấy từ TBA của thành phố Lai Châu, thông qua hợp đồng số 23000354/EVN NPC/HĐMBĐNMĐSH ngày 18/8/2023 giữa Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc (với đơn vị quản lý trực tiếp là Điện lực thành phố Lai Châu) và Công ty TNHH số 10 – Lai Châu.

- Điểm đấu nối cấp điện:

+ Điểm đầu: TBA khu dân cư số 1 giai đoạn 2 ĐZ 22kV lộ 476-E29.1 NR TBA Bến xe mới.

+ Điểm cuối: TBA Chợ Đông Phong 560kVA-22/0,4kV.

Từ TBA Chợ Đông Phong 560kVA-22/0,4kV sử dụng tuyến cáp ngầm 0,6/1kW cấp đến tủ điện phân phối tổng của công trình. Từ tủ điện phân phối tổng hệ thống dây cáp điện sẽ phân phối cho các phụ tải của các hạng mục. Phụ tải điện trong công trình gồm:

+ Hệ thống chiếu sáng và động lực.

+ Hệ thống điều hòa không khí, thông gió tầng hầm.

- + Bơm nước sinh hoạt, bơm nước cứu hỏa, bơm tăng áp,...
- + Thang máy, thang cuốn...
- Công suất thiết kế:
- + Công suất cực đại  $P_{max}$ : 179kW;
- + Trung bình  $P_{tb}$ : 55kW;
- + Nhỏ nhất  $P_{min}$ : 8kW.
- Điện năng sử dụng trung bình  $A_{tb}$ : 39.600kWh/tháng.

Hệ thống điện của chợ đầu mối tỉnh Lai Châu được thiết kế đảm bảo cấp điện liên tục, an toàn; dễ dàng, thuận tiện cho vận hành, bảo trì, bảo dưỡng cũng như khả năng phát triển phụ tải trong tương lai.

### **b. Nhu cầu sử dụng nước và nguồn cung cấp nước**

- Mục đích sử dụng: Dùng cho sinh hoạt, kinh doanh và nước dự phòng dùng cho chữa cháy khi có trường hợp cháy.

- Nguồn nước cung cấp cho chợ đầu mối tỉnh Lai Châu được đầu nối từ hệ thống cấp nước của thành phố Lai Châu thông qua hợp đồng số 107282/HĐ-CN ngày 30/11/2017 giữa Công ty TNHH số 10 – Lai Châu với Công ty Cổ phần Nước sạch Lai Châu.

- Nhu cầu dùng nước:

+ Nhu cầu dùng nước cho hoạt động sinh hoạt và kinh doanh của chợ đầu mối tỉnh Lai Châu đưa vào tính toán thiết kế bản vẽ thi công xây dựng công trình được áp dụng theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam – Quy hoạch Xây dựng (QCVN 01:2008/BXD). Nước công trình công cộng và dịch vụ được quy hoạch tùy theo tính chất cụ thể của công trình, tối thiểu 2 lít/m<sup>2</sup> sàn-ngày.đêm, tính thêm 10% nước rò rỉ và hệ số không điều hòa ngày  $K_{ngày} = 1,3$ . Kết quả tính toán nhu cầu dùng nước của cơ sở khi hoạt động 100% công suất được thể hiện tại bảng sau:

**Bảng 1.4. Nhu cầu dùng nước của cơ sở khi hoạt động 100% công suất**

TT	Tên hạng mục	Số lượng		Tiêu chuẩn dùng nước			Nhu cầu dùng nước (m <sup>3</sup> /ngày.đêm)
		Diện tích sàn xây dựng	Đơn vị	Chỉ tiêu (l/m <sup>2</sup> )	Nước rò rỉ	$K_{ngày}$	
1	Nhà chợ chính	4.059	m <sup>2</sup>	2	10%	1,3	11,4
2	Nhà BQL+ Trạm kiểm dịch và WC	168	m <sup>2</sup>	2	10%	1,3	0,5
3	Ki ốt 5x12m	6.380	m <sup>2</sup>	2	10%	1,3	17,9
4	Ki ốt 6x12m	777	m <sup>2</sup>	2	10%	1,3	2,2
5	Ki ốt 7x12m	1.510	m <sup>2</sup>	2	10%	1,3	4,2
6	Ki ốt 5x8m	2.760	m <sup>2</sup>	2	10%	1,3	7,7
7	Ki ốt 8x12m	312	m <sup>2</sup>	2	10%	1,3	0,9
8	Chợ ngoài trời có mái che	1.600	m <sup>2</sup>	2	10%	1,3	4,5

9	Khu vực sân đường + cây xanh	4.135,1	m <sup>2</sup>	2	10%	1,3	11,6
<b>Tổng cộng</b>							<b>60,9</b>
<b>Tổng (làm tròn)</b>							<b>61</b>

Như vậy, nhu cầu dùng nước lớn nhất cấp nước cho sinh hoạt, kinh doanh của chợ khi cơ sở đạt 100% công suất là 61m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ).

Hiện tại, Chợ ngoài trời có mái che có 68/144 gian hàng đang hoạt động kinh doanh, Nhà BQL + Trạm kiểm dịch và WC, 8 căn ki ốt 5x12m, 2 căn ki ốt 6x12m, 3 căn ki ốt 7x12m, 10 căn ki ốt 5x8m và 01 căn ki ốt 8x12m đang hoạt động với tổng nhu cầu sử dụng nước vào khoảng 25,4m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ).

**Bảng 1.5. Nhu cầu dùng nước hiện tại của cơ sở**

TT	Tên hạng mục	Số lượng		Tiêu chuẩn dùng nước			Nhu cầu dùng nước (m <sup>3</sup> /ngày.đêm)
		Diện tích sàn xây dựng	Đơn vị	Chỉ tiêu (l/m <sup>2</sup> )	Nước rò rỉ	K <sub>ngày</sub>	
1	Nhà BQL+ Trạm kiểm dịch và WC	168	m <sup>2</sup>	2	10%	1,3	0,5
2	Ki ốt 5x12m	1.760	m <sup>2</sup>	2	10%	1,3	5,0
3	Ki ốt 6x12m	518	m <sup>2</sup>	2	10%	1,3	1,5
4	Ki ốt 7x12m	906	m <sup>2</sup>	2	10%	1,3	2,6
5	Ki ốt 5x8m	1.200	m <sup>2</sup>	2	10%	1,3	3,4
6	Ki ốt 8x12m	312	m <sup>2</sup>	2	10%	1,3	0,9
7	Chợ ngoài trời có mái che	755	m <sup>2</sup>	2	10%	1,3	2,2
8	Khu vực sân đường nội bộ	3.249	m <sup>2</sup>	2	10%	1,3	9,3
<b>Tổng cộng</b>							<b>25,4</b>

+ Nước phòng cháy chữa cháy được tính toán theo TCVN 2622-1995 “ Tiêu chuẩn Việt Nam – Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình, yêu cầu thiết kế” và TCVN 3890:2009 “Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình – trang bị bố trí, kiểm tra bảo dưỡng”. Hệ thống chữa cháy bằng nước của Chợ gồm hệ thống chữa cháy ngoài nhà và hệ thống chữa cháy họng nước vách tường tính cho một đám cháy xảy ra đồng thời là 251m<sup>3</sup>.

Tổng lưu lượng sử dụng nước lớn nhất của cơ sở (cấp cho sinh hoạt, kinh doanh và cả khi có cháy) là 312m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ).

Nguồn nước cấp được lấy từ mạng lưới đường ống cấp nước của thành phố chạy dọc theo đường Triệu Quang Phục dẫn vào 02 bể chứa ngầm của cơ sở mỗi bể dung tích 200m<sup>3</sup> để cung cấp nước sinh hoạt và nước phòng cháy chữa cháy.

Nước cấp cho sinh hoạt từ bể chứa ngầm được bơm lên các téc nước trên mái của

chợ (số lượng: 58 téc, dung tích  $2\text{m}^3/\text{téc}$ ) bằng 02 máy bơm cao áp công suất  $30\text{m}^3/\text{H}$ , chiều cao đẩy (H) =60m, từ téc nước cấp xuống các tầng của các khu nhà, áp lực nước sẽ được điều chỉnh bằng van giảm áp). Nước phân phối trong nhà bằng vật liệu nhựa cao cấp PPR có đường kính từ D20÷D32mm (đường ống cấp đi trong các hộp kỹ thuật, trên trần giả, ngầm trong sàn hoặc ngầm tường) và ngoài nhà dùng ống thép tráng kẽm có đường kính từ D50÷D65mm.

Nước cấp cho hoạt động phòng cháy chữa cháy được bơm từ bể chứa ngầm thông qua 02 máy bơm công suất  $36\text{m}^3/\text{H}$ , chiều cao đẩy (H) =60m, qua các đường ống thép DN100 từ đây nước sẽ được cấp cho các trụ chữa cháy (03 trụ), trụ tiếp nước ngoài nhà (01 trụ) và phân phối cho mạng lưới phòng cháy chữa cháy trong nhà.

### c. Nhu cầu xả nước thải

Nhu cầu xả nước thải của Chợ được tính bằng 100% lượng nước cấp. Tuy nhiên, nước dùng cho phòng cháy chữa cháy chỉ sử dụng khi có cháy, nên không tính toán nhu cầu xả thải. Nước cấp cho khu vực sân đường + cây xanh không phát sinh dòng thải, lượng nước sử dụng hầu hết bị bay hơi, ngấm vào đất được cây xanh hấp thụ, tại khu chợ ngoài trời có mái che nước thải chỉ phát sinh tại các gian hàng kinh doanh hàng thịt và gà, cá, vịt. Nên nước thải của sở được tính với lưu lượng phát sinh như sau:

**Bảng 1.6. Nhu cầu xả thải của cơ sở**

TT	Tên hạng mục	Định mức	Nhu cầu xả thải ( $\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ )	
			Khi cơ sở đạt 100% công suất	Hiện tại
1	Nhà chợ chính	Tính bằng 100% lượng nước cấp	11,4	0
2	Nhà BQL+ Trạm kiểm dịch và WC	Tính bằng 100% lượng nước cấp	0,5	0,5
3	Ki ốt 5x12m	Tính bằng 100% lượng nước cấp	17,9	5,0
4	Ki ốt 6x12m	Tính bằng 100% lượng nước cấp	2,2	1,5
5	Ki ốt 7x12m	Tính bằng 100% lượng nước cấp	4,2	2,6
6	Ki ốt 5x8m	Tính bằng 100% lượng nước cấp	7,7	3,4
7	Ki ốt 8x12m	Tính bằng 100% lượng nước cấp	0,9	0,9
8	Chợ ngoài trời có mái che	Tính bằng 20% lượng nước cấp <sup>(*)</sup>	0,9	0,4
<b>Tổng cộng</b>			<b>45,7</b>	<b>14,3</b>
<b>Làm tròn</b>			<b>46</b>	<b>14,3</b>

*Ghi chú: Tại khu chợ ngoài trời có mái che nước thải chỉ phát sinh tại các gian hàng kinh doanh hàng thịt và gà, cá, vịt, tương ứng với diện tích kinh doanh là  $286\text{m}^2$ , chiếm khoảng 20% tổng diện tích của chợ ngoài trời có mái che.*

Như vậy, nhu cầu xả nước thải lớn nhất khi cơ sở đạt 100% công suất là  $46\text{m}^3/\text{ngày}$  (24 giờ).



Tương ứng với các hạng mục đang hoạt động, hiện tại tổng nhu cầu xả thải của cơ sở vào khoảng 14,3m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ).

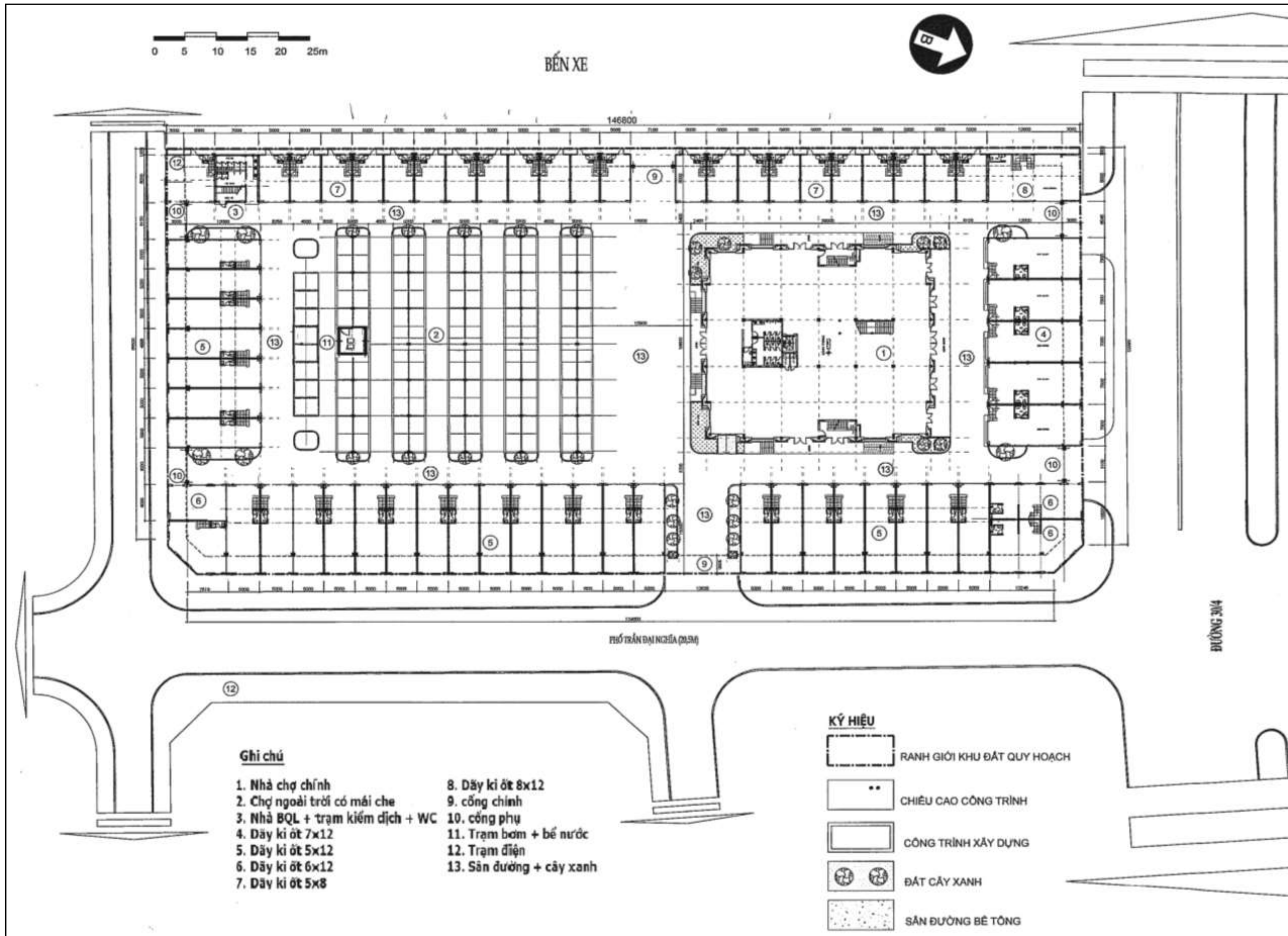
Thành phần nước thải có hàm lượng chủ yếu là các chất cặn bã, các chất rắn lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ hòa tan (BOD), các hợp chất dinh dưỡng (N, P), dầu mỡ và các vi trùng gây bệnh (Coliform).

## **5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở**

### **a. Sơ đồ tổng thể bố trí các hạng mục công trình của cơ sở**

Chợ đầu mối tỉnh Lai Châu gồm các hạng mục đầu tư: Nhà chợ chính, chợ ngoài trời có mái che, hệ thống ki ốt, nhà Ban quản lý vận hành + trạm kiểm dịch + WC và các hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà nằm trên tổng diện tích 10.462,1m<sup>2</sup> đất.

Sơ đồ tổng thể bố trí các hạng mục công trình chính và công trình phụ trợ của cơ sở thể hiện tại hình sau:



Hình 1.3. Sơ đồ tổng thể bố trí các hạng mục công trình của cơ sở

## **b. Tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường**

- Chợ đầu mối tỉnh Lai Châu được khởi công xây dựng từ tháng 01/2019. Trước khi đưa công trình vào xây dựng các thủ tục pháp lý về đầu tư xây dựng, các thủ tục về môi trường và các thủ tục khác theo quy định của pháp luật đã được Công ty thực hiện đầy đủ theo quy định hiện hành:

+ Được UBND tỉnh Lai Châu phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 16/10/2017

+ Hoàn thành thủ tục về đất đai, được UBND tỉnh Lai Châu thu hồi đất, cho thuê đất tại Quyết định số 1048/QĐ-UBND ngày 13/9/2017; Hợp đồng thuê đất số 916/HĐTĐ ngày 12/10/2017, bàn giao đất, bàn giao Giấy chứng nhận sử dụng đất để Công ty thực hiện dự án.

+ Phương án bố trí tổng thể công trình, kết cấu và thông số chính của dự án đã được Sở Xây dựng thẩm tra và Phòng cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Lai Châu thẩm tra thiết kế phòng cháy chữa cháy.

- Song song với quá trình thi công xây dựng công trình chính. Công ty đã tiến hành xây dựng và lắp đặt các công trình bảo vệ môi trường (hệ thống thu gom, thoát nước mưa; thu gom, xử lý nước thải,...) đảm bảo phục vụ cho giai đoạn vận hành.

- Từ khi hoàn thành xây dựng và đưa các hạng mục công trình đi vào hoạt động cho đến nay, công tác vận hành các hạng mục công trình của cơ sở luôn đảm bảo đúng nhiệm vụ. Trong quá trình hoạt động công ty đã tổ chức thu gom, lưu trữ các loại chất đảm bảo vệ sinh môi trường. Tuân thủ các quy định về môi trường theo quy định của pháp luật. Hoạt động của cơ sở chưa gây ra bất kỳ tác động tiêu cực nào làm ảnh hưởng xấu đến môi trường, không gây ra các sự cố, rủi ro về môi trường.

- Trong quá trình vận hành Công ty đã hợp đồng với Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu tiến hành quan trắc môi trường định kỳ và lập báo cáo theo nội dung báo cáo ĐTM được duyệt.

## **c. Tổ chức quản lý và hoạt động cơ sở**

Chợ đầu mối tỉnh Lai Châu do Công ty TNHH số 10 – Lai Châu quản lý dưới hình thức thành lập ban quản lý chợ.

Ban quản lý chợ có trách nhiệm quản lý các hoạt động trong phạm vi chợ, thực hiện ký hợp đồng với thương nhân về thuê, sử dụng điểm kinh doanh, kinh doanh các dịch vụ tại chợ, tổ chức bảo đảm công tác phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường, an ninh trật tự và an toàn thực phẩm trong phạm vi chợ.

Ban quản lý chợ chịu trách nhiệm xây dựng Nội quy của chợ, tổ chức thực hiện Nội quy chợ và xử lý các vi phạm về nội quy chợ; điều hành chợ hoạt động và tổ chức phát triển các hoạt động tại chợ.

Chợ đầu mối tỉnh Lai Châu là chợ loại II. Mô hình quản lý chợ được thiết lập theo TCVN 9211:2012 – thiết kế chợ, cụ thể:

- Trưởng ban quản lý: 01 người.
- Kế toán: 01 người.
- Nhân viên vệ sinh: 03 người.
- Nhân viên bảo vệ: 02 người.
- Nhân viên trông xe: 02 người.
- Nhân viên kiểm dịch: 01 người.

Ngoài ra, các thương nhân, hộ gia đình thuê mặt bằng kinh doanh tại chợ phải chấp hành các quy định chung, đồng thời phải có ý thức tự giác bảo vệ môi trường chung trong khu vực hoạt động và sinh sống.

*Công tác khác:*

Ban quản lý có chức năng và trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức giữ gìn an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, an toàn xã hội trong khu vực chợ; Phối hợp với các phòng chức năng tổ chức thực hiện các công việc:

- Giải quyết thủ tục về vốn đầu tư. Quản lý nguồn vốn đầu tư, lập báo cáo thực hiện vốn đầu tư định kỳ theo quy định.
- Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các hợp đồng kinh doanh, tổ chức thu hồi nợ tồn đọng, đề xuất các biện pháp giải quyết, xử lý các hành vi vi phạm của khách hàng.
- Thay mặt Công ty trực tiếp giao dịch với các cấp chính quyền trong phạm vi cho phép.

## **Chương II**

### **SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

#### **1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường**

- Theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Phân vùng môi trường và phân vùng chức năng nguồn nước tại khu vực thực hiện cơ sở như sau:

+ Chợ đầu mối tỉnh Lai Châu được xây dựng tại Phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu căn cứ theo số thứ tự 1 Mục 1 Phụ lục XVII - Định hướng phân vùng môi trường tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: Cơ sở nằm trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt thuộc khu dân cư tập trung tại nội thành, nội thị từ loại III trở lên, mà thành phố Lai Châu hiện tại là đô thị loại III. Theo đó yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải là tuân thủ nghiêm Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải, khí thải quy định giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm phù hợp với yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật, bảo đảm không gây tác động xấu đến sự sống và phát triển bình thường của con người, sinh vật.... Chợ đầu mối tỉnh Lai Châu không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, các nguồn ô nhiễm phát sinh trong quá trình hoạt động của chợ là tương đối thấp và tác động không đáng kể đến nguồn tiếp nhận, đặc biệt Công ty đã xây dựng công trình và biện pháp giảm thiểu hạn chế mức thấp nhất các nguồn ô nhiễm phát sinh.

+ Vì nguồn tiếp nhận nước thải của cơ sở là hệ thống thoát nước chung của khu vực nên không thuộc đối tượng quy định tại Phụ lục XX: Định hướng phân vùng chức năng nguồn nước tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Chợ đầu mối tỉnh Lai châu được triển khai phù hợp với các quy hoạch đã được cơ quan quản lý thẩm định phê duyệt, gồm:

+ Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 23/8/2012 của UBND tỉnh Lai Châu về Phê duyệt “Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển mạng lưới chợ, trung tâm thương mại và siêu thị trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2006-2020”.

+ Quyết định số 6481/QĐ-BCT ngày 26/6/2015 của Bộ Công Thương về Quy hoạch tổng thể phát triển mạng lưới chợ toàn quốc đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

+ Quyết định số 1189/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Phê duyệt danh mục dự án kêu gọi đầu tư vào địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2016-2020.

- Chợ đầu mối tỉnh Lai châu được triển khai phù hợp với Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư và Điều chỉnh tại Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 23/8/2018.

- Chợ đầu mối tỉnh Lai châu được UBND tỉnh Lai Châu phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 16/10/2017. Phương án bố trí tổng thể công trình, kết cấu, thông số chính, hệ thống PCCC điều được Sở Xây dựng, Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Lai Châu thẩm tra. Ngoài ra, diện tích sử dụng đất của cơ sở phù hợp với quy hoạch phát triển của địa phương, được Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DH 428929 ngày 25/5/2023 (cấp đổi từ GCNQSD đất số BQ 261408, ngày 13/9/2017).

- Chợ đầu mối tỉnh Lai Châu với lợi thế nằm gần cửa ngõ thành phố Lai Châu, cận kề tuyến Quốc lộ 4D và đường 58m là hai tuyến đường giao thông quan trọng của thành phố. Ngoài ra, còn có nhiều cơ quan quan trọng, rất thuận lợi cho các hoạt động thương mại, dịch vụ như: Bến xe khách tỉnh Lai Châu, Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Lai Châu, hệ thống các ngân hàng, trường THPT thành phố Lai Châu, các khách sạn, nhà hàng lớn,... đây là điều kiện hết sức quan trọng trong việc phát triển các hoạt động kinh doanh, thương mại, dịch vụ đối với khu vực. Việc đầu tư xây dựng và đưa chợ vào vận hành góp phần hoàn thiện cơ sở hạ tầng, thúc đẩy thương mại, dịch vụ, tạo nơi giao thương thuận lợi cho việc mua bán hàng hóa, tạo việc làm ổn định cho người lao động, tăng thu nhập cho các hộ kinh doanh và tăng ngân sách cho địa phương.

## **2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường**

- Do đặc thù hoạt động của cơ sở là kinh doanh hạ tầng chợ hoạt động dịch vụ thương mại nên không có nguồn phát thải khí thải với nồng độ và lưu lượng lớn tại 1 điểm xả thải cụ thể. Môi trường không khí khu vực chỉ bị tác động bởi khí thải từ các phương tiện giao thông như xe máy, ô tô đến chợ sử dụng nhiên liệu là xăng, dầu. Tuy nhiên, lượng bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động này không nhiều, không gian kiến trúc bố trí hài hòa, thoáng mát nên khả năng khuếch tán không khí là khá tốt. Ngoài ra, xăng dầu các loại do các phương tiện sử dụng điều được mua tại các cửa hàng xăng dầu do Tập đoàn xăng dầu Việt Nam cung cấp và phù hợp với tiêu chuẩn xăng dầu được phép lưu thông tại Việt Nam. Ngoài ra, qua tham khảo kết quả quan trắc chất lượng môi trường tỉnh Lai Châu năm 2023 đối với khu vực Bến xe tỉnh Lai Châu (giáp phía Tây Nam Chợ) – Khu vực đặc trưng cho nguồn phát sinh bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông có mật độ lưu thông cao cho thấy môi trường không khí khu vực nằm trong giới hạn cho phép chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm. Vì vậy, khả năng chịu tải môi trường không khí khu vực hoàn toàn có thể đáp ứng được các hoạt động kinh doanh của Chợ.

- Tiếng ồn là không thể tránh khỏi trong quá trình hoạt động Chợ. Tuy nhiên, mức độ ồn từ hoạt động mua bán là một đặc trưng không thể khống chế được và rất khó xác định cụ thể, và cũng chỉ xảy ra theo 1 thời điểm nhất định trong ngày, do đó mức độ ồn đối với cơ sở là có thể chấp nhận được.

- Môi trường nước: Nước thải của chợ đầu mối tỉnh Lai Châu có hàm lượng chủ yếu là: BOD<sub>5</sub>, TSS, Coliform, Tổng dầu mỡ khoáng và hàm lượng hữu cơ, Công ty đã đầu tư công trình xử lý nước thải để đảm bảo nước thải của chợ trước khi thải ra môi trường luôn nằm trong giới hạn quy chuẩn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt. Với lưu lượng xả nước thải không lớn, không gây ảnh hưởng tới khả năng thoát nước của hệ thống thoát nước chung thành phố và chế độ thủy văn của suối Nậm Con Gin. Qua tham khảo kết quả quan trắc chất lượng môi trường tỉnh Lai Châu năm 2023 diễn biến chất lượng môi trường nước tại Kênh thoát nước Tổ 23, phường Đông Phong (gần suối Nậm Con Gin) và Suối Nậm Con Gin (đoạn ngã 3 giao giữa xã San Thành, thành phố Lai Châu và xã Bản Giang, huyện Tam Đường) các thông số gồm: pH, DO; TSS, COD, BOD<sub>5</sub>, NH<sub>4</sub><sup>+</sup>, NO<sub>3</sub><sup>-</sup>, PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>, NO<sub>2</sub><sup>-</sup>, Pb, As, Fe, Cu, Zn, dầu mỡ, Cr<sup>6+</sup>, Mn, chất hoạt động bề mặt, Coliform, Aldrin, Dieldrin, DDT<sub>s</sub> được so sánh với QCVN 08-MT:2015/BTNMT. Kết quả đo: Có 12/22 thông số gồm: Pb, As, Fe, Cu, Zn, dầu mỡ, Cr<sup>6+</sup>, Mn, chất hoạt động bề mặt, DDT<sub>s</sub>, Aldrin, Dieldrin có kết quả phân tích đều rất nhỏ nằm dưới giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích hoặc không phát hiện và đều nằm trong giới hạn cho phép QCVN 08 MT:2015/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt. Có 10/12 thông số: pH, DO; TSS, COD, BOD<sub>5</sub>, Coliform, NH<sub>4</sub><sup>+</sup>, NO<sub>3</sub><sup>-</sup>, PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>, NO<sub>2</sub> đều thấp hơn giới hạn cho phép của QCVN 08-MT:2015/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt. Vì vậy, khả năng chịu tải môi trường nước khu vực hoàn toàn có thể đáp ứng được các hoạt động xả thải của Chợ.

Vị trí, kết quả quan trắc 02 điểm môi trường nước nêu trên được tổng hợp tại các bảng sau:

**Bảng 2.1. Vị trí, thông số quan trắc**

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thông số quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Tên sông, hồ, kênh, rạch
				X (m)	Y (m)	
1	Kênh thoát nước tổ 23, phường Đông Phong (gần suối Nậm Con Gin)	NM-5	pH, DO, TSS, BOD <sub>5</sub> , COD, NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> , NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> , Pb, As, Fe, Cu, Zn, PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> , dầu mỡ, Coliform, Cr <sup>6+</sup> , Mn, Chất hoạt động bề mặt, Aldrin, Dieldrin, DDT <sub>s</sub>	2476230	549907	Kênh thoát nước Đông Phong
2	Suối Nậm Con Gin (đoạn ngã 3 giao giữa xã San Thành, thành phố Lai Châu và xã Bản Giang, huyện Tam Đường)	NM-11	pH, DO, TSS, BOD <sub>5</sub> , COD, NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> , NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> , Pb, As, Fe, Cu, Zn, PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> , dầu mỡ, Coliform, Cr <sup>6+</sup> , Mn, Chất hoạt động bề mặt, Aldrin, Dieldrin, DDT <sub>s</sub>	2472617	551976	Suối Nậm Con Gin

(Nguồn: Báo cáo kết quả tổng hợp quan trắc chất lượng môi trường tỉnh Lai Châu năm 2023)

**Bảng 2.2. Kết quả quan trắc thành phần môi trường nước mặt**

Chỉ tiêu phân tích	pH	DO	TSS	COD	BOD <sub>5</sub>	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup>	NO <sub>2</sub> <sup>-</sup>	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup>	Fe	Mn	As	Pb	Cr <sup>6+</sup>	Cu	Zn	Chất hoạt động bề mặt	Dieldrin	Aldrin	Coliform	dầu mỡ		
Đơn vị	-	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	MPN/100mL	mg/L		
NM-5	Đợt 1	6,7	5,1	20	10,8	7,1	<0,1	0,149		0,08	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	70	<1	
	Đợt 2	6,5	5,4	21	11	6,8	0,198	0,222		0,031	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	84	<1	
	Đợt 3	6,9	5,3	22	13,2	8,4	<0,1	0,795	0,014	0,038	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	68	<1	
	Đợt 4	6,7	5,9	26	12,5	8,2	0,224	0,76		0,030	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	81	<1	
	Đợt 5	6,9	6,7	22	19,1	11,8	<0,1	0,103	0,014	0,04	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	70	<1
	Đợt 6	7,2	5,8	22	13,5	8,8	<0,1	<0,1		0,049	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	78	<1
NM-11	Đợt 1	6,9	5,5	20	12,3	8,1	0,143	0,104		0,093	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	80	<1	
	Đợt 2	6,7	5,2	19	14,7	8,7	<0,1	0,175		0,036	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	81	<1	
	Đợt 3	6,7	5,0	18	15,5	9,0	0,138	0,365	0,015	<0,02	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	81	<1	
	Đợt 4	6,5	5,8	27	17,7	9,2	<0,1	KPH		0,074	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	91	<1	
	Đợt 5	7,0	6,3	23	17,7	9,1	0,119	0,156	0,014	0,028	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	91	<1	
	Đợt 6	7,1	6,2	18	16,8	10,4	<0,1	<0,1		0,031	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	130	<1
<b>QCVN 08-MT:2015/BTNMT</b>	<b>5,5-9</b>	<b>≥4</b>	<b>50</b>	<b>30</b>	<b>15</b>	<b>0,9</b>	<b>10</b>	<b>0,05</b>	<b>0,3</b>	<b>1,5</b>	<b>0,5</b>	<b>0,05</b>	<b>0,05</b>	<b>0,04</b>	<b>0,5</b>	<b>1,5</b>	<b>0,4</b>	<b>0,1</b>	<b>0,1</b>	<b>7.500</b>	<b>1</b>		

(Nguồn: Báo cáo kết quả tổng hợp quan trắc chất lượng môi trường tỉnh Lai Châu năm 2023)



Ghi chú:

- *Đợt 1: Từ tháng 1 đến tháng 2 năm 2023.*
- *Đợt 2: Từ tháng 3 đến tháng 4 năm 2023.*
- *Đợt 3: Từ tháng 5 đến tháng 6 năm 2023.*
- *Đợt 4: Từ tháng 7 đến tháng 8 năm 2023.*
- *Đợt 5: Từ tháng 9 đến tháng 10 năm 2023.*
- *Đợt 6: Từ tháng 11 đến tháng 12 năm 2023.*
- *QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường không khí xung quanh; QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.*

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải kinh doanh từ chợ không chứa thành phần nguy hại được Công ty tự thu gom, vận chuyển đến bãi tập kết rác của thành phố. Hơn nữa, với đặc thù vị trí của cơ sở gần với khu vực dân cư có trình độ văn hóa, mức sống cao nên nhận thức về vấn đề vệ sinh môi trường, giữ gìn cảnh quan môi trường đô thị đảm bảo văn minh, hiện đại được chú trọng vì vậy phạm vi ảnh hưởng trong quá trình hoạt động của cơ sở đến môi trường xung quanh sẽ được giảm thiểu.

**Chương III**  
**KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP**  
**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

**1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải**

**1.1. Thu gom, thoát nước mưa**

**a. Thông số kỹ thuật của công trình thu gom, thoát nước mưa**

Công trình thu gom, thoát nước mưa của Chợ được xây dựng tách biệt với công trình thu gom, thoát nước thải.

Công trình thu gom, thoát nước mưa bao gồm: Công trình thu gom nước mưa mái và công trình thoát nước mưa ngoài nhà. Thông số kỹ thuật cơ bản của công trình thu gom, thoát nước mưa được mô tả trong bảng sau:

**Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật cơ bản của công trình thu gom, thoát nước mưa**

TT	Thiết bị	Thông số kỹ thuật
<b>1</b>	<b>Công trình thu gom nước mưa mái</b>	
1.1	Sênô tại nhà chợ chính, Nhà BQL+ Trạm kiểm dịch + WC, Ki ốt.	Kết cấu: Đổ bê tông tại chỗ, trát vữa xi măng M75 tạo độ dốc 2% về phiếu thu, sơn ngoại thất màu trắng 3 lớp (1 lớp lót – 2 lớp màu).
1.2	Máng thu tại chợ ngoài trời có mái che	- Kết cấu: Inox 304 dày 1mm, tạo độ dốc 2% về phiếu thu. - Kích thước lòng máng: BxH = 0,4x0,4m.
1.3	Chấn rác, ống thu nước mưa mái	- Sử dụng ống nhựa và phụ kiện (cút chéo, măng sông nối thẳng) bằng vật liệu u.PVC liên kết bằng keo dính đặc chủng. - Rọ chấn rác mái bằng vật liệu inox.
-	Nhà chợ chính	- Ống D110mm: Chiều dài 192m. - Rọ chấn rác mái: 16 bộ.
-	Nhà BQL+ Trạm kiểm dịch + WC	- Ống D90mm: Chiều dài 28m. - Rọ chấn rác mái: 2 bộ.
-	Ki ốt 5x12m	- Ống D60mm: Chiều dài 16m - Rọ chấn rác mái: 3 bộ.
-	Ki ốt 6x12m	- Ống D90mm: Chiều dài 15m. - Ống D60mm: Chiều dài 4m.
-	Ki ốt 7x12m	- Ống D90mm: Chiều dài 28m. - Rọ chấn rác mái: 2 bộ.
-	Ki ốt 5x8m	- Ống D60mm: Chiều dài 13m. - Rọ chấn rác mái: 8 bộ.
-	Ki ốt 8x12m	- Ống D90mm: Chiều dài 15m. - Ống D60mm: Chiều dài 4m. - Rọ chấn rác mái: 2 bộ.
-	Chợ ngoài trời có mái che	- Ống D90mm: Chiều dài 47m. - Rọ chấn rác mái: 14 bộ.
1.4	Cống D300mm tại chợ ngoài trời có mái che	- Kết cấu: BTCT M300, đáy lót bê tông đá 1x2 M200. - Tổng chiều dài cống 214m.

<b>2</b>	<b>Công trình thoát nước mưa ngoài nhà</b>	
2.1	Hố ga	- Kết cấu BTCT M200, đáy lót bê tông đá 4x6 M100. - Kích thước: LxBxH =1,2x1,2x1,7m. - Số lượng: 23 hố. - Bề mặt hố bố nắp ga GVD90, kích thước LxB= 1,12x1,12m.
2.2	Ống thoát nước	- Kết cấu: Sử dụng đường ống nhựa D250 và phụ kiện (cút chếch, măng sông nối thẳng) bằng vật liệu nhựa u.PVC liên kết bằng keo dính đặc chủng. - Tổng chiều dài ống 17,9m.
2.3	Cống D300mm	- Kết cấu: BTCT M300, đáy lót bê tông đá 1x2 M200. - Tổng chiều dài cống 127m.
2.4	Cống D600mm	- Kết cấu: BTCT M300, đáy lót bê tông đá 1x2 M200. - Tổng chiều dài cống: 260m.

## **b. Số lượng, vị trí và quy trình vận hành từng điểm thoát nước mưa**

### **b.1. Số lượng, vị trí từng điểm thoát nước mưa**

- Số lượng điểm thoát nước mưa: 02 điểm

- Vị trí: Thoát ra hệ thống thoát nước chung của thành phố dọc đường Triệu Quang Phục thuộc Tổ 26, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai châu.

+ Tọa độ vị trí điểm thoát số 01: X= 2476075; Y= 550087.

+ Tọa độ vị trí điểm thoát số 02: X= 2476089; Y= 550127.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $103^{\circ}$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

- Lưu lượng: Không xác định.

- Phương thức xả: Tự chảy.

- Chế độ xả: Xả gián đoạn, chỉ diễn ra khi có mưa.

### **b.2. Quy trình vận hành từng điểm thoát nước**

Hướng thoát nước mưa: Hướng về hệ thống thoát nước chung của thành phố dọc đường Triệu Quang Phục.

Quy trình vận hành công trình thoát nước mưa để đưa ra điểm thoát số 01 và số 02 vào hệ thống thoát nước chung của thành phố dọc đường Triệu Quang Phục được mô tả như sau:

- Quy trình vận hành công trình thoát nước mưa để đưa ra điểm thoát số 01:

+ Nước mưa trên mái Ki ốt 8x12m, Ki ốt 5x8m, nhà BQL + trạm kiểm dịch + WC được thu gom qua sênô, chảy qua chắn rác sau đó theo các ống đứng u.PVC D60 - u.PVC D90mm đặt âm trong cột chịu lực của căn nhà thoát thẳng xuống tuyến cống D600mm ngoài nhà.

+ Nước mưa trên khoảng sân đường nội bộ khu vực, chảy tràn theo độ dốc của sân và đường sau đó được thu gom vào tuyến cống D600mm một phần nước mưa chảy tràn

ra đường 30/4 và đường Triệu Quang Phục.

+ Toàn bộ nước mưa từ mái Ki ốt 8x12m, Ki ốt 5x8m, nhà BQL + trạm kiểm dịch + WC và nước mưa chảy tràn trên khoảng sân đường nội bộ thu được theo tuyến cống D600mm chiều dài 132m, tạo độ dốc 1,1-3,5% dẫn tự chảy ra điểm thoát số 01 vào hệ thống thoát nước chung của thành phố dọc đường Triệu Quang Phục thuộc Tổ 26, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai châu. Trên chiều dài cống D600mm có bố trí 05 hố ga để lắng cặn.

- Quy trình vận hành công trình thoát nước mưa để đưa ra điểm thoát số 02:

+ Nước mưa trên mái Ki ốt 7x12m, mái Nhà chợ chính được thu gom qua sênô, chảy qua chắn rác sau đó theo các ống đứng u.PVC 90mm, u.PVC D110mm đặt âm trong cột chịu lực của căn nhà thoát thẳng xuống cống ngầm D300mm (đầu 2 bên cống D300mm có bố trí 02 hố ga để lắng cặn) nối tiếp với ống u.PVC D250mm đổ vào hố ga trên tuyến cống D600mm ngoài nhà.

+ Nước mưa trên mái Ki ốt 5x12m được thu gom qua sênô, chảy qua chắn rác sau đó theo các ống đứng u.PVC D60mm đặt âm trong cột chịu lực của căn nhà thoát thẳng xuống tuyến cống ngầm D300mm, D600mm ngoài nhà.

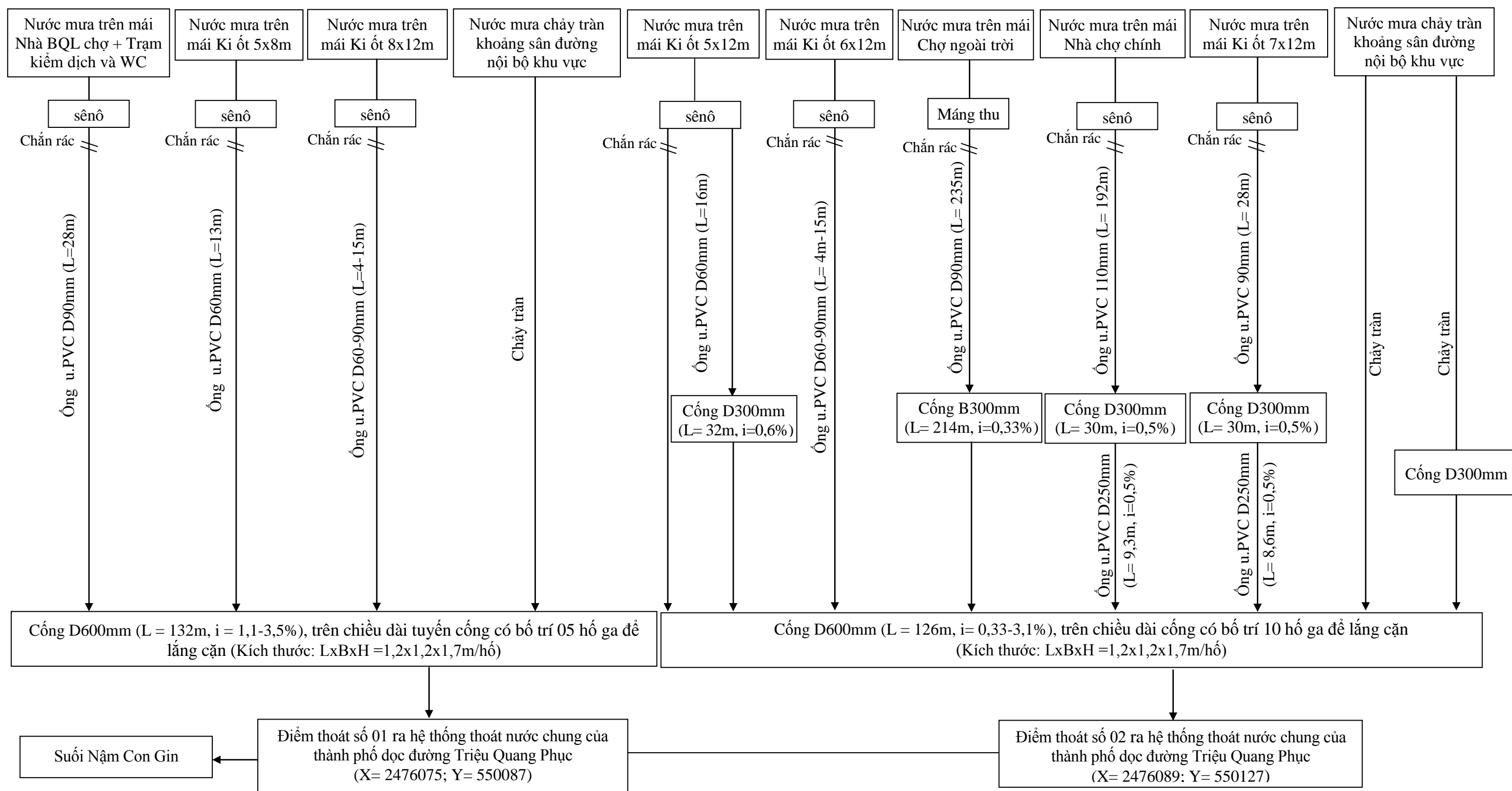
+ Nước mưa trên mái Ki ốt 6x12m được thu gom qua sênô, chảy qua chắn rác sau đó theo các ống đứng u.PVC D60 - D90mm đặt âm trong cột chịu lực của căn nhà thoát thẳng xuống tuyến cống ngầm D600mm ngoài nhà.

+ Nước mưa trên mái chợ ngoài trời được thu gom qua máng thu, chảy qua chắn rác sau đó theo các ống đứng u.PVC D90mm thoát thẳng xuống rãnh ngầm D300mm bố trí dưới các dãy nhà dẫn đổ vào hố ga trên tuyến cống D600mm ngoài nhà.

+ Nước mưa trên khoảng sân đường nội bộ khu vực, chảy tràn theo độ dốc của sân và đường sau đó được thu gom vào tuyến cống D300mm, D600mm một phần nước mưa chảy tràn ra đường 30/4, đường Trần Đại Nghĩa và đường Triệu Quang Phục.

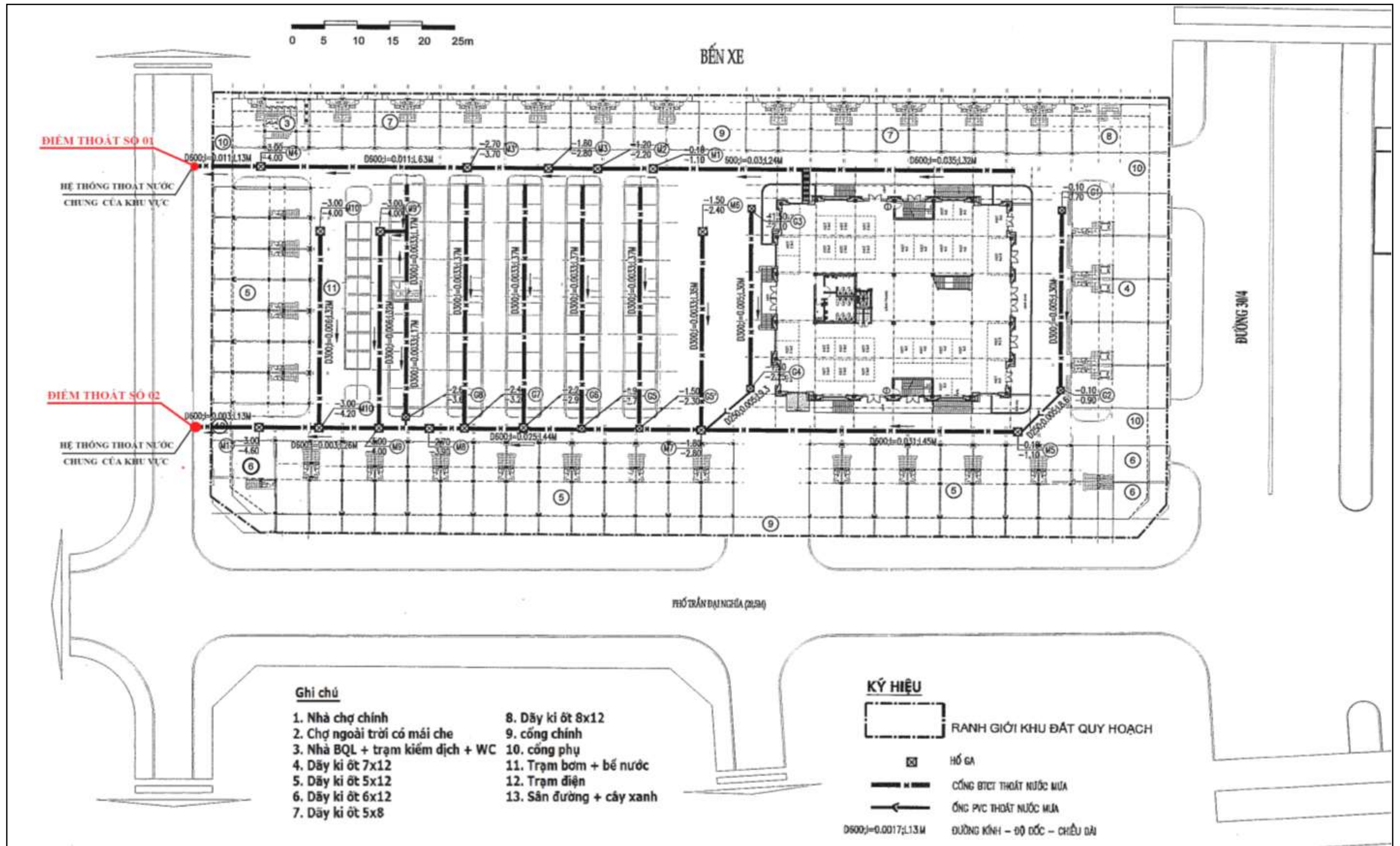
+ Toàn bộ nước mưa từ mái Ki ốt 7x12m, mái Nhà chợ chính, Ki ốt 5x12m, Ki ốt 6x12m, chợ ngoài trời có mái che và nước mưa chảy tràn trên khoảng sân đường nội bộ thu được theo tuyến cống D600mm chiều dài 128m, tạo độ dốc 0,3-3,1% dẫn tự chảy ra điểm thoát số 02 vào hệ thống thoát nước chung của thành phố dọc đường Triệu Quang Phục thuộc Tổ 26, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai châu. Trên chiều dài cống D600mm có bố trí 10 hố ga để lắng cặn.

Sơ đồ minh họa thoát nước mưa của cơ sở được mô tả như sau:



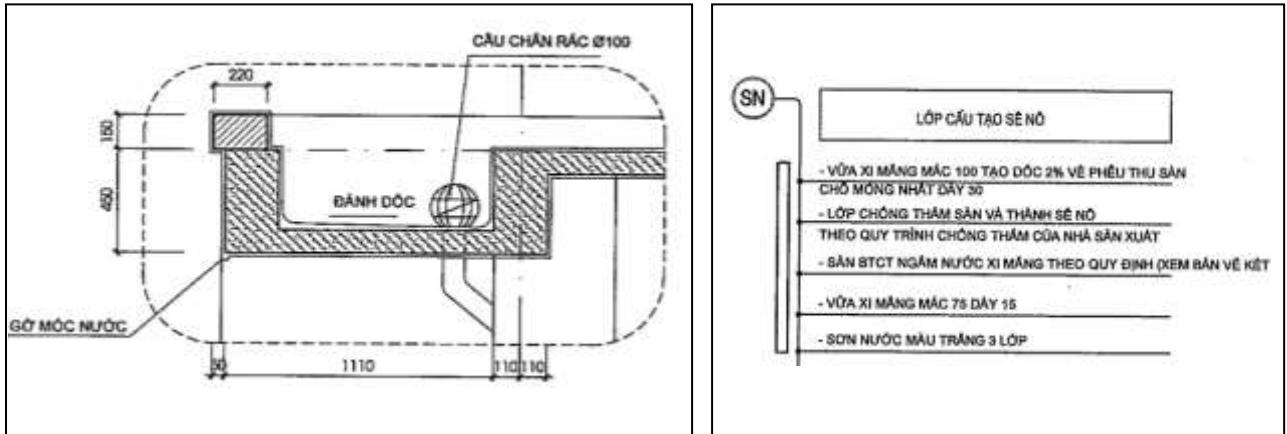
Hình 3.1. Sơ đồ minh họa thoát nước mưa của cơ sở

Mặt bằng bố trí công trình thoát nước mưa và vị trí điểm thoát số 01 và số 02 vào hệ thống thoát nước chung của thành phố được thể hiện tại bản vẽ sau:

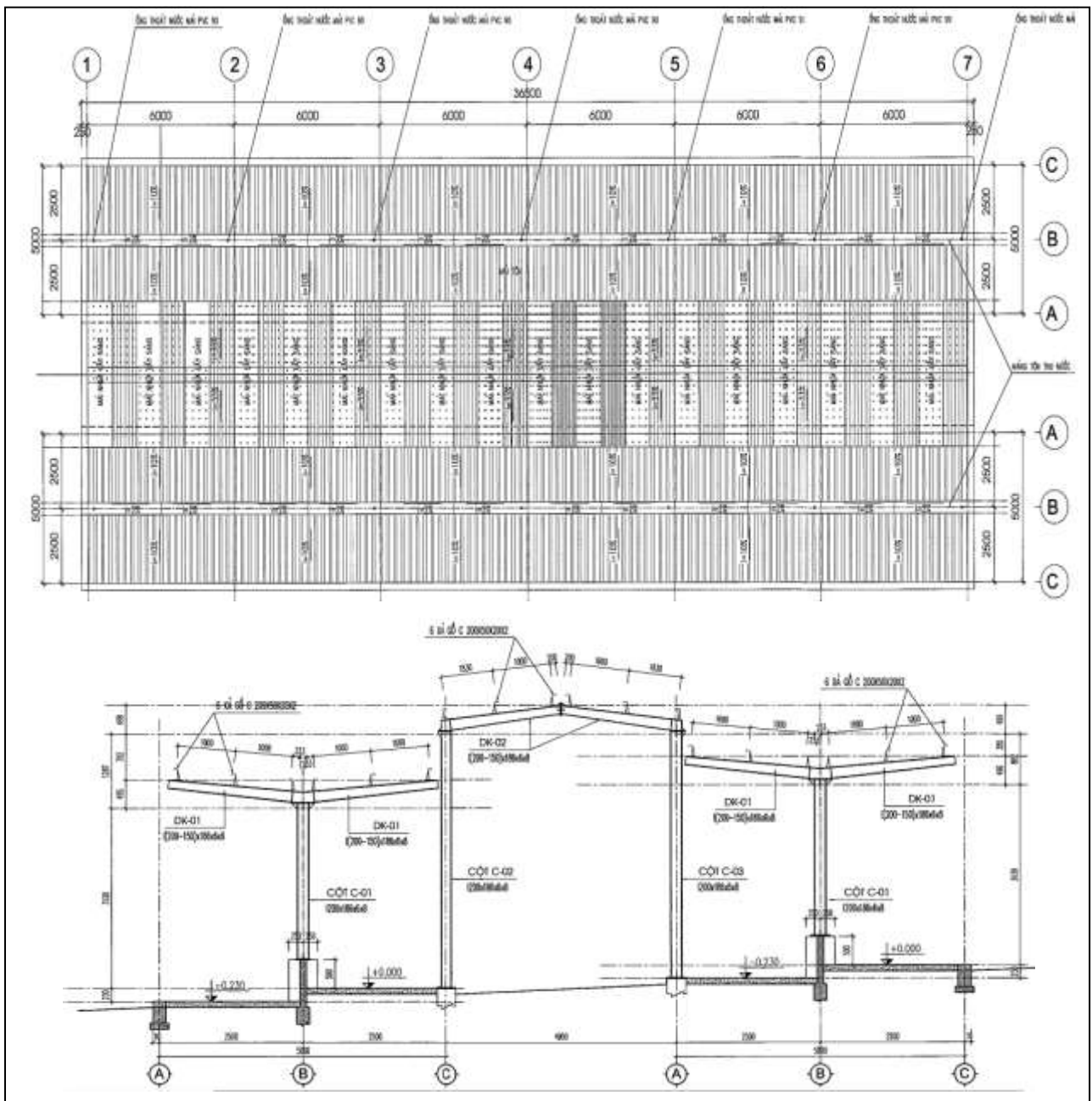


Hình 3.2. Mặt bằng bố trí công trình thoát nước mưa và vị trí điểm xả

Một số hình ảnh về thiết kế công trình thu gom, thoát nước mưa:

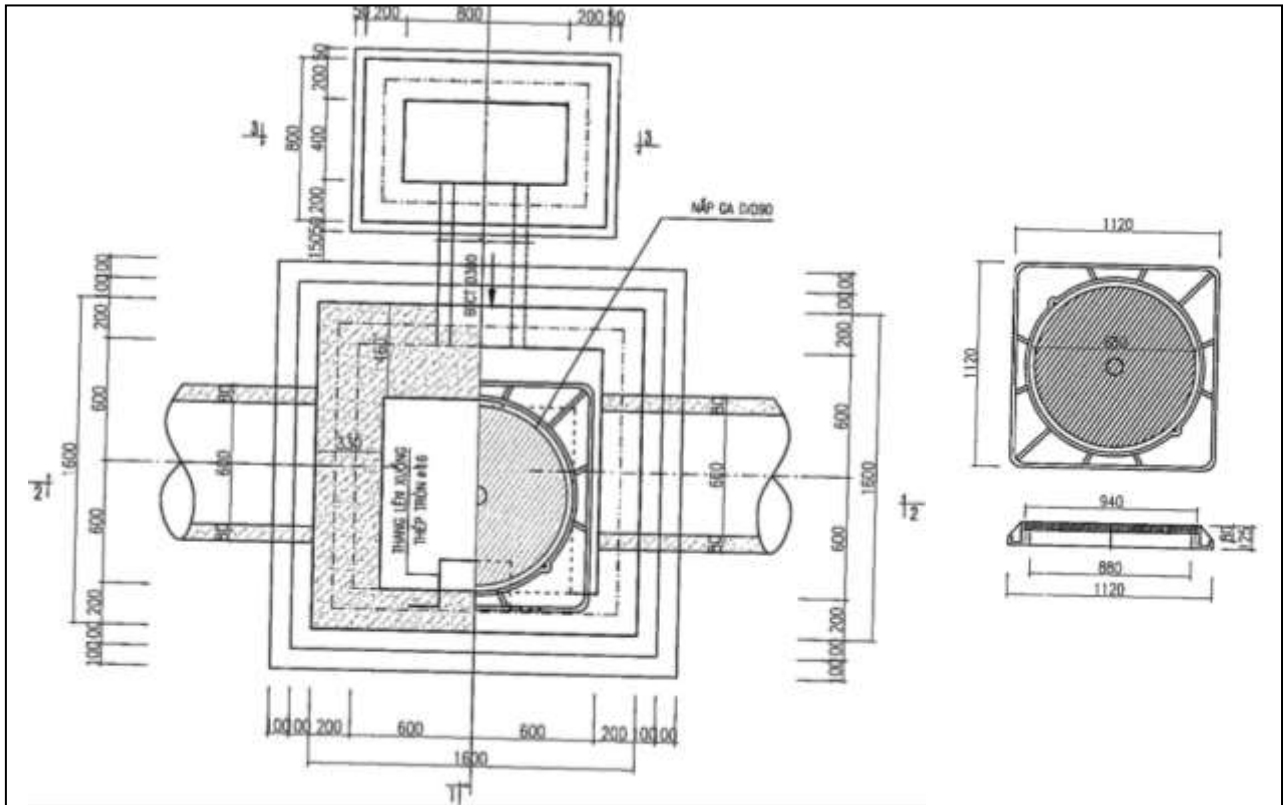


Thiết kế điển hình về sê nô, đường ống và phụ kiện thu nước mưa mái

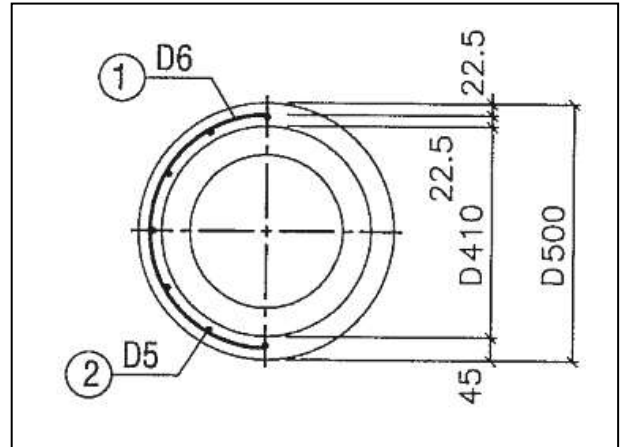
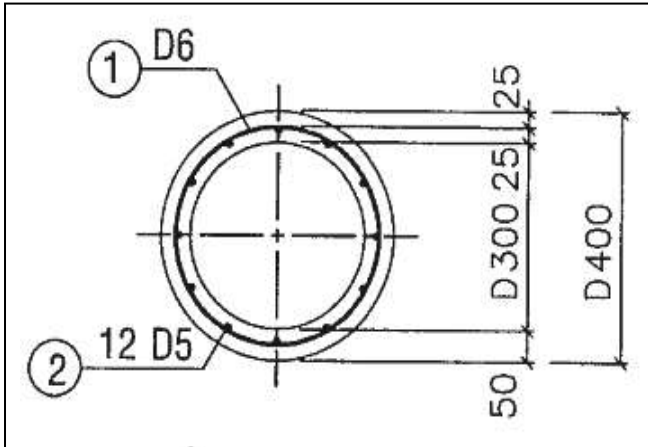


Máng thu, đường ống thu nước mưa mái

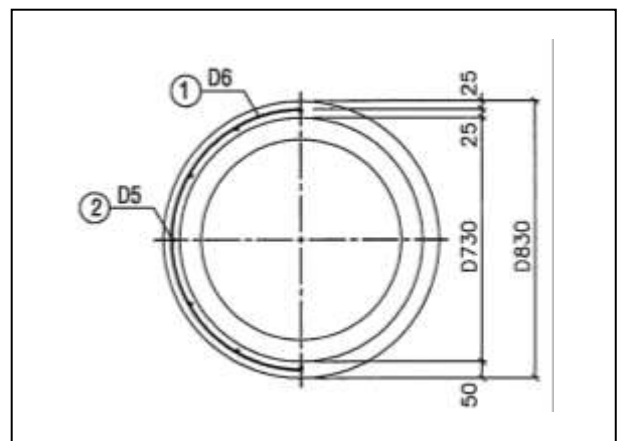
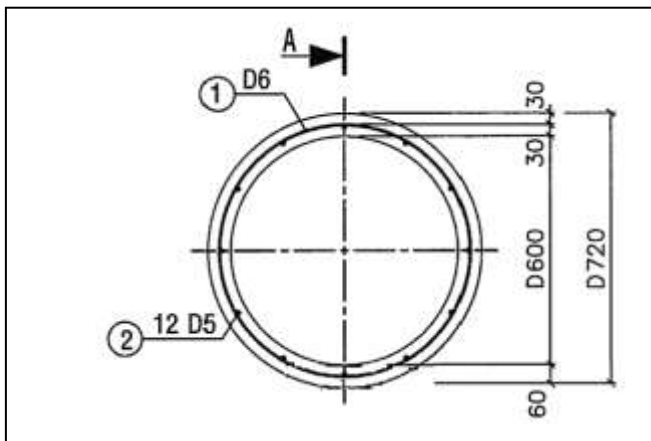




Chi tiết bố trí ga thoát nước mưa

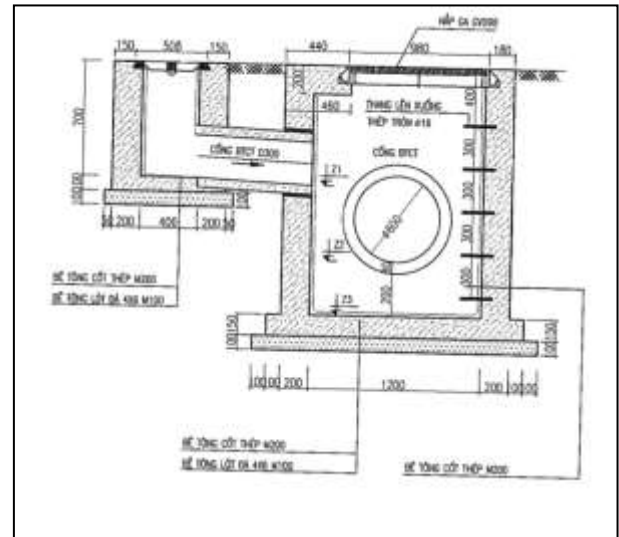
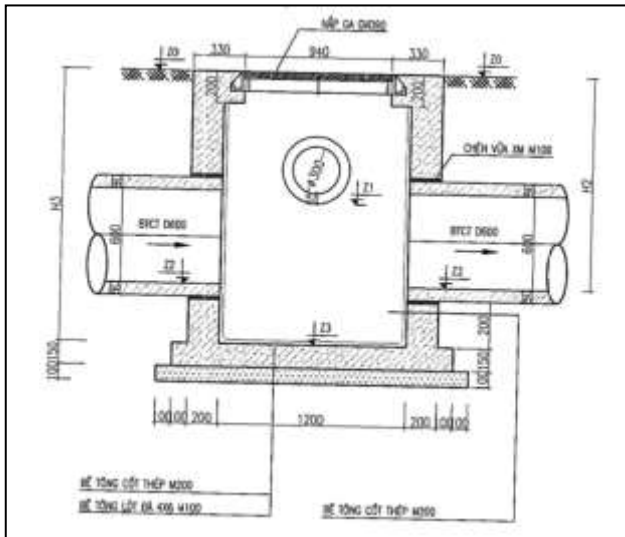


Mặt cắt cổng D300mm



Mặt cắt cổng D600mm





Mặt cắt chi tiết đặt công

**Hình 3.3. Hình vẽ thiết kế hệ thống thu gom, thoát nước mưa**

Một số hình ảnh hiện hữu về hệ thống thu gom, thoát nước mưa:



Sê nô thu nước mưa mái nhà Ki ốt



Máng thu nước mưa mái chợ ngoài trời



Ống thoát nước mưa mái chợ ngoài trời có mái che

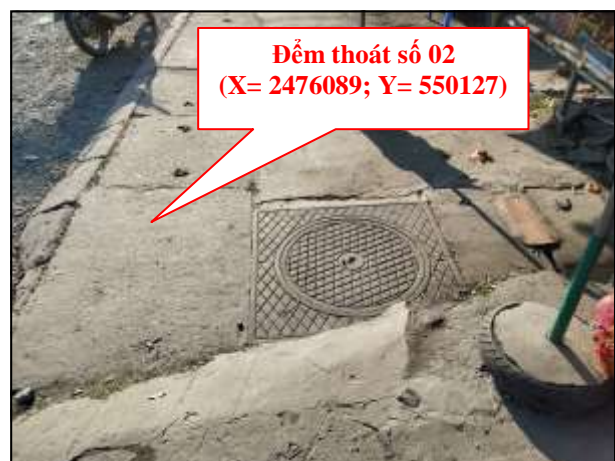


Cống D600mm và hố ga thoát nước mưa ngoài nhà

**Hình 3.4. Một số hình ảnh về công trình thu gom, thoát nước mưa**



Điểm thoát số 01 ra hệ thống thoát nước chung của thành phố dọc đường Triệu Quang Phục



Điểm thoát số 02 ra hệ thống thoát nước chung của thành phố dọc đường Triệu Quang Phục

**Hình 3.5. Hình ảnh về vị trí điểm xả nước mưa của chợ ra hệ thống thoát nước chung của thành phố Lai Châu**

## 1.2. Thu gom, thoát nước thải

### a. Công trình thu gom nước thải

- Công trình thu gom nước thải của cơ sở là công trình thu gom nước riêng biệt, độc lập với công trình thu gom nước mưa.

- Công trình thu gom nước thải bao gồm: Công trình thu gom nước thải trong nhà và công trình thu gom nước thải ngoài nhà. Thông số kỹ thuật cơ bản của từng tuyến thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh dẫn về công trình xử lý nước thải được mô tả trong bảng sau:

**Bảng 3.2. Thông số kỹ thuật cơ bản của công trình thu gom nước thải**

TT	Công trình	Thông số kỹ thuật
1	Công trình thu gom nước thải trong nhà	
-	Nhà chợ chính	Sử dụng ống nhựa và phụ kiện (cút chếch, tê đều chếch, tê thu chếch, tê thông tắc, tê kiểm tra, măng sông nối thẳng đi kèm) bằng vật liệu U.PVC liên kết bằng keo dính đặc chủng: - Ống D125mm: Chiều dài 33m. - Ống D110mm: Chiều dài 28m. - Ống D90mm: Chiều dài 30m. - Ống D60mm: Chiều dài 64m. - Ống D48mm: Chiều dài 13m. - Ống D42mm: Chiều dài 2m.
-	Nhà BQL + trạm kiểm dịch + WC	Sử dụng ống nhựa và phụ kiện (cút chếch, tê đều chếch, tê thu chếch, tê thông tắc, tê kiểm tra, măng sông nối thẳng đi kèm) bằng vật liệu U.PVC liên kết bằng keo dính đặc chủng: - Ống D125mm: Chiều dài 18m.

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ống D110mm: Chiều dài 24m.</li> <li>- Ống D90mm: Chiều dài 10m.</li> <li>- Ống D60mm: Chiều dài 8m.</li> <li>- Ống D42mm: Chiều dài 8m.</li> </ul>
-	Ki ốt 5x12	<p>Sử dụng ống nhựa và phụ kiện (cút chếch, tê đều chếch, tê thu chếch, tê thông tắc, tê kiểm tra, măng sông nối thẳng đi kèm) bằng vật liệu U.PVC liên kết bằng keo dính đặc chủng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ống D110mm: Chiều dài 36m.</li> <li>- Ống D90mm: Chiều dài 12m.</li> <li>- Ống D60mm: Chiều dài 13m.</li> <li>- Ống D42mm: Chiều dài 9m.</li> </ul>
-	Ki ốt 6x12	<p>Sử dụng ống nhựa và phụ kiện (cút chếch, tê đều chếch, tê thu chếch, tê thông tắc, tê kiểm tra, măng sông nối thẳng đi kèm) bằng vật liệu U.PVC liên kết bằng keo dính đặc chủng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ống D110mm: Chiều dài 36m.</li> <li>- Ống D90mm: Chiều dài 24m.</li> <li>- Ống D60mm: Chiều dài 17m.</li> <li>- Ống D42mm: Chiều dài 7m.</li> </ul>
-	Ki ốt 7x12	<p>Sử dụng ống nhựa và phụ kiện (cút chếch, tê đều chếch, tê thu chếch, tê thông tắc, tê kiểm tra, măng sông nối thẳng đi kèm) bằng vật liệu U.PVC liên kết bằng keo dính đặc chủng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ống D125mm: Chiều dài 19m.</li> <li>- Ống D110mm: Chiều dài 23m.</li> <li>- Ống D90mm: Chiều dài 10m.</li> <li>- Ống D60mm: Chiều dài 7m.</li> <li>- Ống D42mm: Chiều dài 6m.</li> </ul>
-	Ki ốt 5x8	<p>Sử dụng ống nhựa và phụ kiện (cút chếch, tê đều chếch, tê thu chếch, tê thông tắc, tê kiểm tra, măng sông nối thẳng đi kèm) bằng vật liệu U.PVC liên kết bằng keo dính đặc chủng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ống D110mm: Chiều dài 18m.</li> <li>- Ống D90mm: Chiều dài 7m.</li> <li>- Ống D60mm: Chiều dài 4m.</li> <li>- Ống D42mm: Chiều dài 5m.</li> </ul>
-	Ki ốt 8x12	<p>Sử dụng ống nhựa và phụ kiện (cút chếch, tê đều chếch, tê thu chếch, tê thông tắc, tê kiểm tra, măng sông nối thẳng đi kèm) bằng vật liệu U.PVC liên kết bằng keo dính đặc chủng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ống D110mm: Chiều dài 36m.</li> <li>- Ống D90mm: Chiều dài 24m.</li> <li>- Ống D60mm: Chiều dài 17m.</li> <li>- Ống D42mm: Chiều dài 7m.</li> </ul>
-	Chợ ngoài trời có mái che	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng rãnh B300mm, kết cấu BTCT M300, đáy lót bê tông đá 1x2 M200.</li> <li>- Tổng chiều dài: 220m.</li> </ul>

2	Công trình thu gom nước ngoài nhà	
-	Ống D125m	- Sử dụng ống nhựa và phụ kiện (cút chếch, tê đều chếch, tê thu chếch, tê thông tắc, tê kiểm tra, măng sông nối thẳng đi kèm) bằng vật liệu U.PVC liên kết bằng keo dính đặc chủng: - Tổng chiều dài: 62m
-	Hố ga nước thải	- Kết cấu: BTCT M200, đáy lót bê tông đá 4x6 M100. - Kích thước: LxBxH = 1x1x1m. - Số lượng: 22 hố
-	Cống D300mm	- Kết cấu: Cống BTCT M300, đáy lót bê tông đá 1x2 M200. - Tổng chiều dài: 320m

### **b. Công trình thoát nước thải**

- Công trình thoát nước thải sau xử lý bao gồm: Hồ ga thăm nước thải sau xử lý, ống thoát nước thải ra hệ thống thoát nước chung của thành phố dọc tuyến đường Triệu Quang Phục thuộc Tổ 26, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

- Thông số kỹ thuật cơ bản của công trình thoát nước thải được mô tả trong bảng sau:

**Bảng 3.3. Thông số kỹ thuật cơ bản của công trình thoát nước thải**

<b>TT</b>	<b>Công trình</b>	<b>Kết cấu, số lượng</b>
1	Hồ ga thăm nước thải sau xử lý	- Kết cấu: BTCT M200, đáy lót bê tông đá 4x6 M100. - Kích thước: LxBxH = 1x1x1m. - Số lượng: 01 hố
2	Ống D125mm	- Sử dụng ống nhựa và phụ kiện (cút chếch, tê chếch, măng sông) bằng vật liệu u.PVC liên kết bằng keo dính đặc chủng. - Chiều dài ống: 2,5m. - Số lượng: 01 ống

### **c. Điểm xả nước thải sau xử lý**

#### **c.1. Vị trí xả nước thải**

- Số lượng điểm xả: 01 điểm.

- Toàn bộ nước thải phát sinh trong chợ sau khi xử lý đạt quy chuẩn theo quy định thoát qua hồ ga thăm nước thải sau xử lý và ống u.PVC D125m ra hệ thống thoát nước chung của thành phố Lai Châu dọc tuyến đường Triệu Quang Phục thuộc Tổ 26, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X= 2476090, Y= 550129 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 103<sup>0</sup>, múi chiếu 3<sup>0</sup>).

- Phương thức xả: Tự chảy, xả ngầm.

- Chế độ xả thải: Liên tục 24/24 giờ.

- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 46m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ).

#### **c.2. Sự đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định đối với điểm xả nước thải**

- Nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định được xả ra hệ thống thoát nước

chung của thành phố Lai Châu dọc tuyến đường Triệu Quang Phục thuộc Tổ 26, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu. Đây là vị trí gần cơ sở, thuận lợi cho việc dụng tận dụng địa hình cho quá trình thoát nước đảm bảo triệt để trên nguyên tắc tự chảy.

- Công ty đã bố trí 01 hố ga thăm nước thải sau xử lý trước khi xả ra hệ thống thoát nước chung của thành phố Lai Châu thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải.

- Hệ thống thoát nước chung được thiết kế để đảm bảo tiêu thoát nước cho cả khu vực nên hoàn toàn đáp ứng yêu cầu tiêu thoát nước thải cho cả Chợ.

- Cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, các nguồn ô nhiễm phát sinh trong quá trình hoạt động của chợ là tương đối thấp và tác động không đáng kể đến nguồn tiếp nhận.

- Nguồn tiếp nhận không được sử dụng để cấp nước sinh hoạt, không nằm trên hoặc gần thượng lưu khu vực bảo hộ vệ sinh mà chỉ sử dụng cho mục đích thoát nước mưa, nước thải của khu vực.

- Tham khảo kết quả tổng hợp quan trắc chất lượng môi trường tỉnh Lai Châu năm 2023 được thực hiện bởi Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu (số liệu được trình bày chi tiết tại chương II) cho thấy chất lượng nước mặt tiếp nhận nước thải của khu vực thành phố Lai Châu là suối Nậm Con Gìn còn tương đối tốt, không có dấu hiệu bị ô nhiễm.

Hiện nay, thành phố Lai Châu đang dần hoàn thiện mạng lưới thu gom, xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung. Sau khi hệ thống xử lý nước thải được xây dựng hoàn chỉnh và đi vào vận hành thì nước thải của chợ sẽ được đầu nối vào hệ thống thoát nước, xử lý nước thải tập trung của thành phố.

#### **d. Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải**

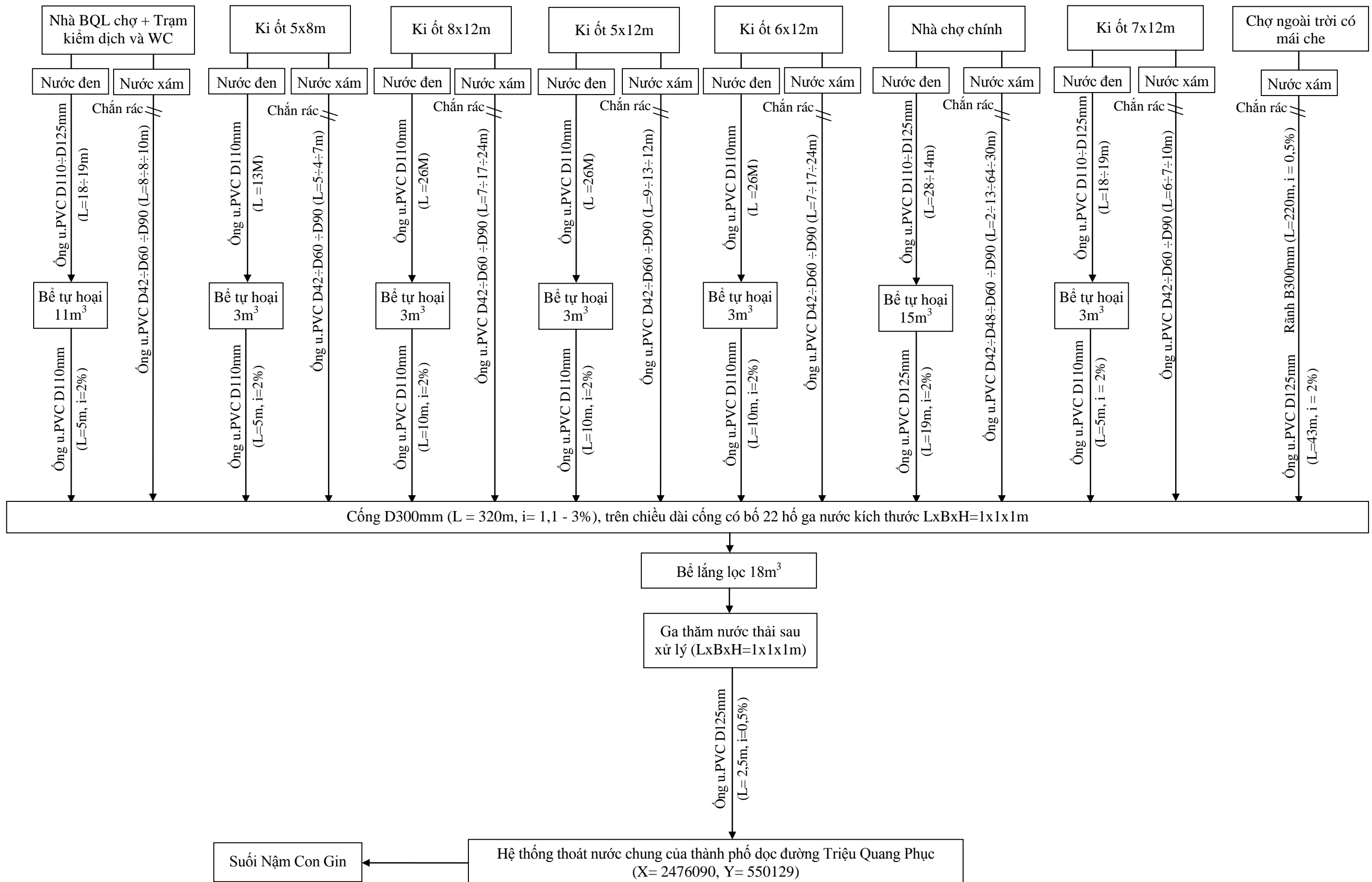
- Nước thải của chợ đầu mối tỉnh Lai Châu bao gồm: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, nhân viên làm việc trong chợ; Nước thải sinh hoạt của các hộ kinh doanh trong chợ; nước thải vệ sinh của khách hàng đến chợ; Nước thải từ các hoạt động kinh doanh của các hộ kinh doanh hàng thịt, gà cá vịt, hàng ăn uống, cắt tóc, gội đầu trong chợ.

- Theo tính chất ô nhiễm, nước thải của chợ được chia ra làm 2 loại:

+ Nước thải đen chứa phân và nước tiểu sinh ra từ quá trình đào thải của người.

+ Nước thải xám sinh ra từ các hoạt động tắm gội, giặt rũ, rửa chân tay, nấu ăn, rửa thịt, giết mổ gà cá vịt, vệ sinh sàn.

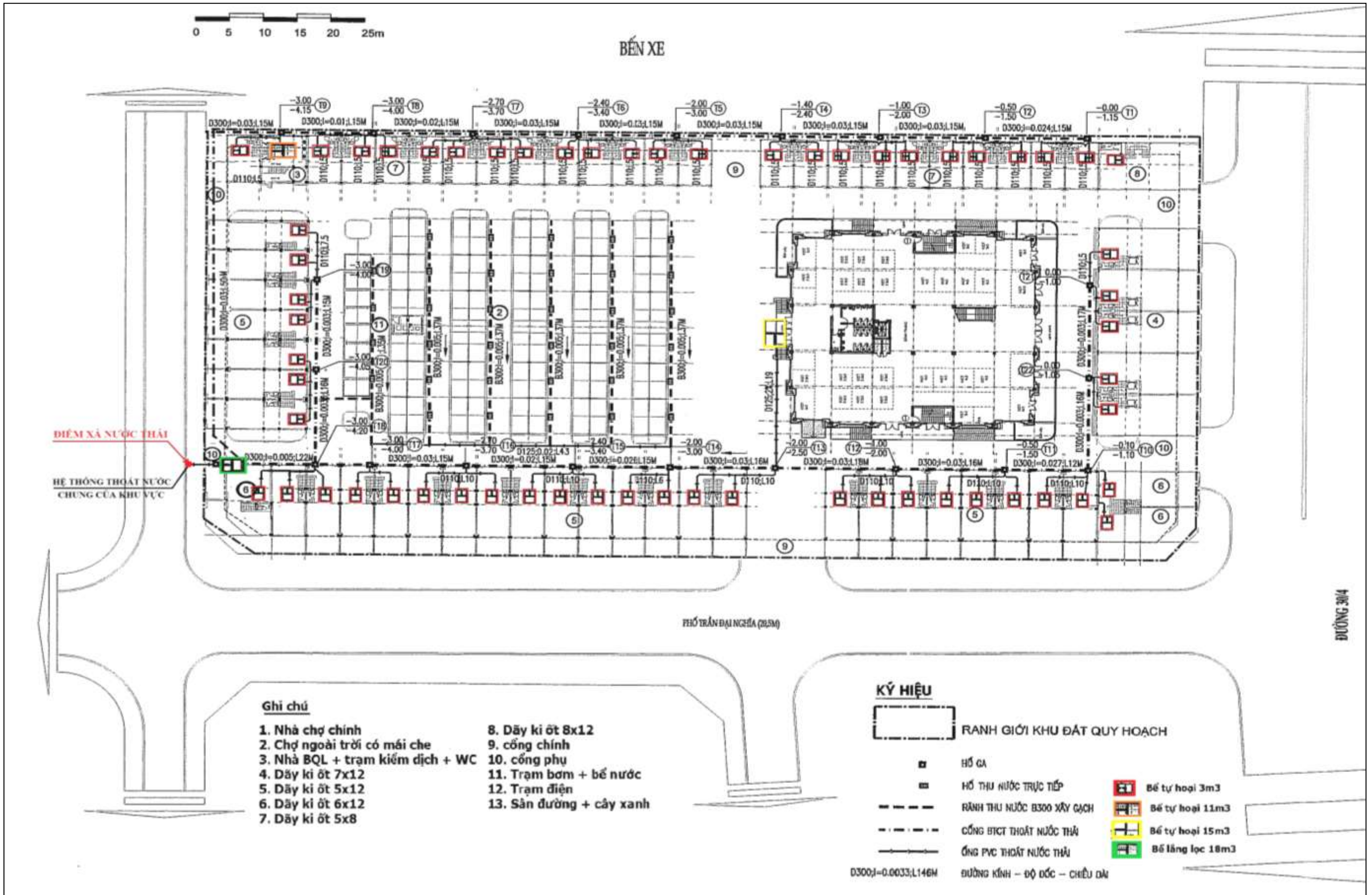
Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới gom, thoát nước thải của chợ được mô tả như sau:



**Hình 3.6. Sơ đồ thoát nước thu gom, thoát nước thải của cơ sở**



Mặt bằng bố trí công trình thoát nước thải và vị trí điểm xả được thể hiện tại bản vẽ sau:



Hình 3.7. Mặt bằng thoát nước thải tổng thể của cơ sở

- Phương án thu gom, thoát nước thải của cơ sở:

+ Nước thải đen tại các tầng Nhà chợ chính, Ki ốt, Nhà BQL + trạm kiểm dịch + WC được thu gom bằng hệ thống ống ngang đầu nối vào ống đứng sau đó dẫn xuống bể tự hoại đặt ngầm dưới tầng 1 để xử lý. Sau khi xử lý qua bể tự hoại được dẫn tự chảy theo đường ống ngang vào hố ga trên tuyến cống thu gom nước thải ngoài nhà. Tại đây nhập chung với nước thải xám.

+ Nước thải xám tại các tầng Nhà chợ chính, Ki ốt, Nhà BQL + trạm kiểm dịch + WC chảy qua chắn rác được thu gom bằng hệ thống ống dẫn tự chảy vào hố ga trên tuyến cống thu gom nước thải ngoài nhà. Tại đây nhập chung với nước thải đen.

+ Nước thải xám tại Chợ ngoài trời có mái che chảy qua chắn rác của hố thu nước trực tiếp xuống tuyến rãnh (cứ 2 ô bán hàng thiết kế 01 hố thu), sau đó dẫn tự chảy theo đường ống ngang vào hố ga trên tuyến cống thu gom nước thải ngoài nhà. Tại đây nhập chung với nước thải xám và nước thải đen từ các Ki ốt, Nhà chợ chính.

+ Toàn bộ nước thải đen và nước thải xám thu được theo mạng lưới thu gom nước ngoài nhà dẫn về bể lắng lọc để tiếp tục xử lý. Nước thải sau xử lý tự chảy qua hố ga thăm nước thải sau xử lý và đường ống kín tới vị trí điểm xả, xả ra hệ thống thoát nước chung của thành phố dọc đường Triệu Quang Phục thuộc Tổ 26, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

- Phương án thu gom cụ thể thực hiện cho từng tuyến công trình để đưa về công trình xử lý như sau:

+ Nước thải đen tại các tầng Nhà chợ chính được thu gom bằng hệ thống ống ngang u.PVC D110mm (độ dốc 1,5%) đầu nối vào ống đứng u.PVC D125mm sau đó dẫn xuống bể tự hoại đặt ngầm dưới tầng 1 để xử lý (bể dung tích 15m<sup>3</sup>). Sau khi xử lý qua bể tự hoại được dẫn tự chảy theo đường ống ngang u.PVC D125mm (độ dốc 2%) vào hố ga trên tuyến cống thu gom nước thải ngoài nhà (Cống BTCT D300mm). Tại đây nhập chung với nước thải xám.

+ Nước thải đen tại các tầng Ki ốt 5x12m, 6x12m, 5x8m, 8x12m được thu gom bằng hệ thống ống ngang u.PVC D110mm (độ dốc 2%) đầu nối vào ống đứng u.PVC D110mm sau đó dẫn xuống bể tự hoại đặt ngầm dưới tầng 1 để xử lý (bể dung tích 3m<sup>3</sup>). Sau khi xử lý qua bể tự hoại được dẫn tự chảy theo đường ống ngang u.PVC D110mm (độ dốc 2%) vào hố ga trên tuyến cống thu gom nước thải ngoài nhà (Cống BTCT D300mm). Tại đây nhập chung với nước thải xám.

+ Nước thải đen tại các tầng Ki ốt 7x12m được thu gom bằng hệ thống ống ngang u.PVC D110mm (độ dốc 2%) đầu nối vào ống đứng u.PVC D125mm sau đó dẫn xuống bể tự hoại đặt ngầm dưới tầng 1 để xử lý (bể dung tích 3m<sup>3</sup>). Sau khi xử lý qua bể tự hoại được dẫn tự chảy theo đường ống ngang u.PVC D110mm (độ dốc 2%) vào hố ga trên tuyến cống thu gom nước thải ngoài nhà (Cống BTCT D300mm). Tại đây nhập chung



với nước thải xám.

+ Nước thải đen tại các tầng Nhà BQL + trạm kiểm dịch + WC được thu gom bằng hệ thống ống ngang u.PVC D110mm (độ dốc 2%) đầu nối vào ống đứng u.PVC D125mm sau đó dẫn xuống bể tự hoại đặt ngầm dưới tầng 1 để xử lý (bể dung tích 11m<sup>3</sup>). Sau khi xử lý qua bể tự hoại được dẫn tự chảy theo đường ống ngang u.PVC D110mm (độ dốc 2%) vào hố ga trên tuyến cống thu gom nước thải ngoài nhà (Cống BTCT D300mm). Tại đây nhập chung với nước thải xám.

+ Nước thải xám tại các tầng Nhà chợ chính chảy qua chắn rác được thu gom bằng hệ thống ống u.PVC D42÷D48÷D60÷D90mm đầu nối vào ống đứng u.PVC D90mm dẫn tự chảy vào hố ga trên tuyến cống thu gom nước thải ngoài nhà (Cống BTCT D300mm). Tại đây nhập chung với nước thải đen.

+ Nước thải xám tại các tầng Ki ốt 5x12m, 6x12m, 7x12m, 5x8m, 8x12m và Nhà BQL + trạm kiểm dịch + WC chảy qua chắn rác được thu gom bằng hệ thống ống u.PVC D42÷D60÷D90mm đầu nối vào ống đứng u.PVC D90mm dẫn tự chảy vào hố ga trên tuyến cống thu gom nước thải ngoài nhà (Cống BTCT D300mm). Tại đây nhập chung với nước thải đen.

+ Nước thải xám tại chợ ngoài trời có mái che chảy qua chắn rác của hố thu nước trực tiếp xuống tuyến rãnh xây gạch B300mm (cứ 2 ô bán hàng thiết kế 01 hố thu), sau đó dẫn tự chảy theo đường ống ngang u.PVC D125mm (độ dốc 2%) vào hố ga trên tuyến cống thu gom nước thải ngoài nhà (Cống BTCT D300mm). Tại đây nhập chung với nước thải xám và nước thải đen từ các Ki ốt, Nhà chợ chính.

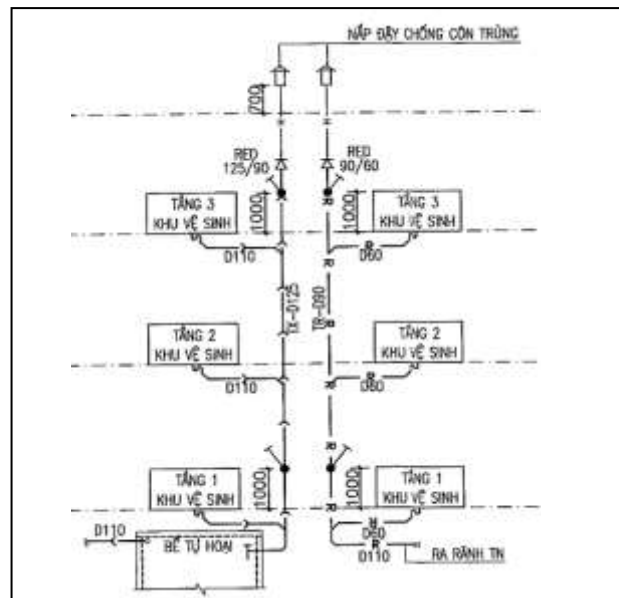
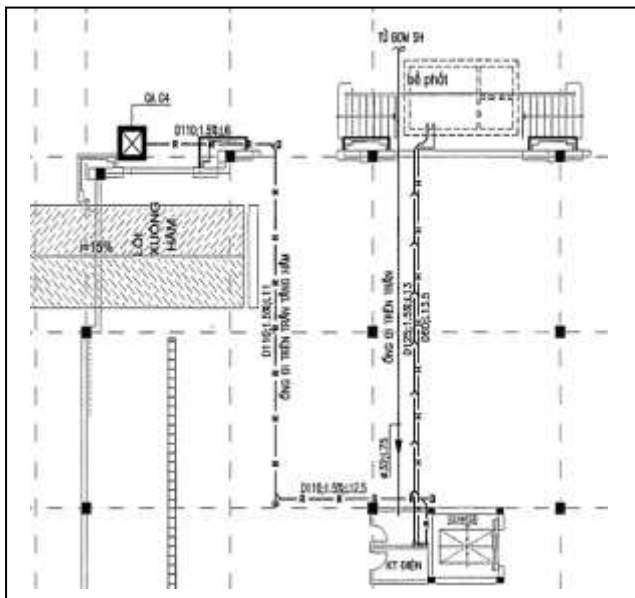
Từ cống thu gom nước thải ngoài nhà (Cống BTCT D300mm, độ dốc 0,5-3%) toàn bộ nước thải đen và nước thải xám dẫn tự chảy về bể lắng lọc để tiếp tục xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận (bể dung tích 18m<sup>3</sup>). Trên chiều dài cống thu gom nước thải ngoài nhà (cống BTCT D300mm) có bố trí 22 hố ga nước thải để lắng cặn.

- Phương án thoát nước thải ra điểm xả:

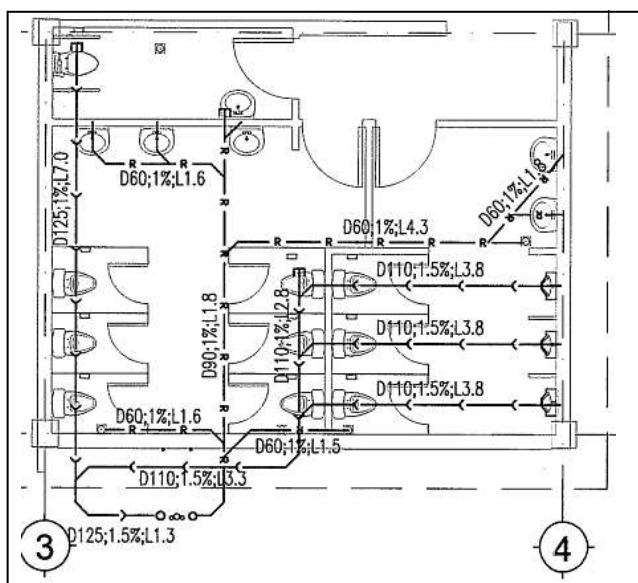
+ Hướng thoát nước thải: Hướng về hệ thống thoát nước chung của thành phố dọc đường Triệu Quang Phục.

+ Nước thải sau xử lý qua bể lắng lọc tự chảy qua hố ga thăm nước thải sau xử lý, chảy theo đường ống kín u.PVC D125mm (độ dốc 0,5% ) tới vị trí điểm xả (01 điểm) xả ra hệ thống thoát nước chung của thành phố dọc tuyến đường Triệu Quang Phục thuộc Tổ 26, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

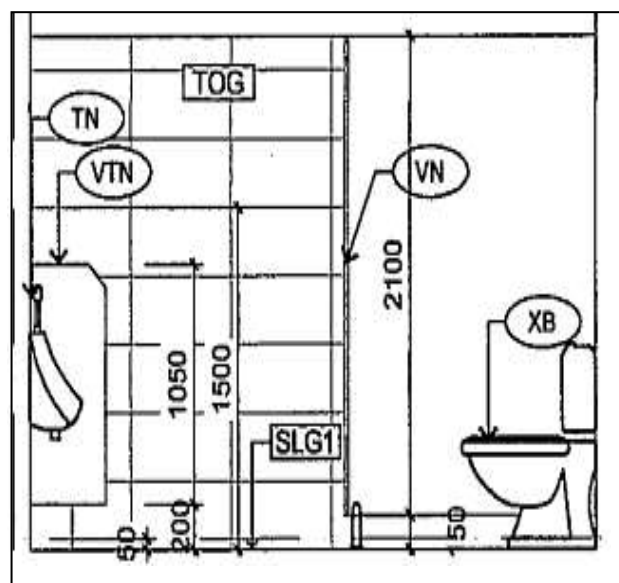
Một số hình ảnh về thiết kế hệ thống thu gom, thoát nước thải:



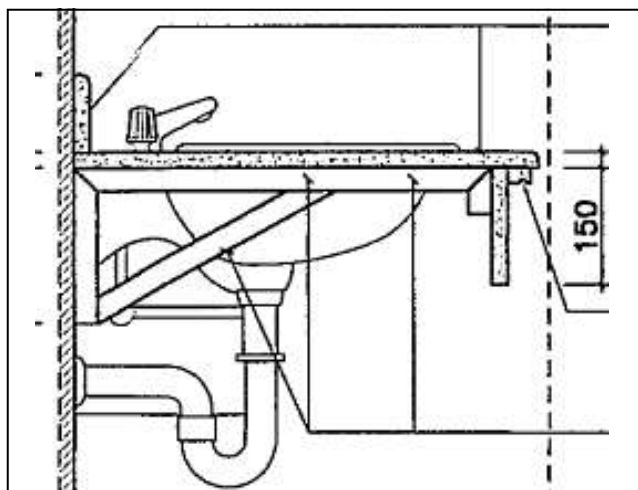
Thiết kế điển hình về sơ đồ nguyên lý thoát nước thải



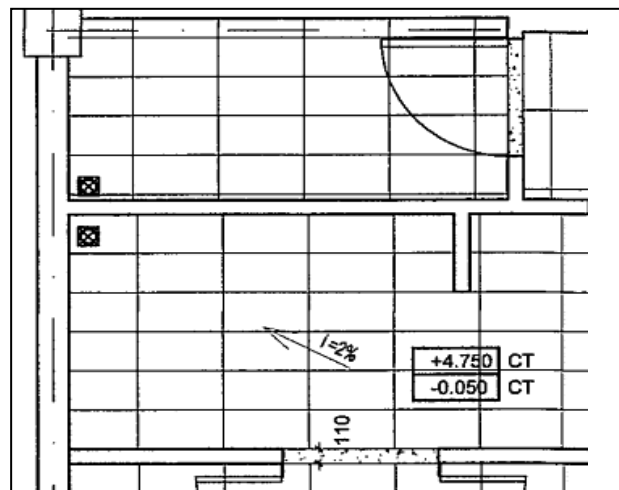
Sơ đồ bố trí mạng lưới thoát nước thải



Thoát nước thải đen từ bệ xí

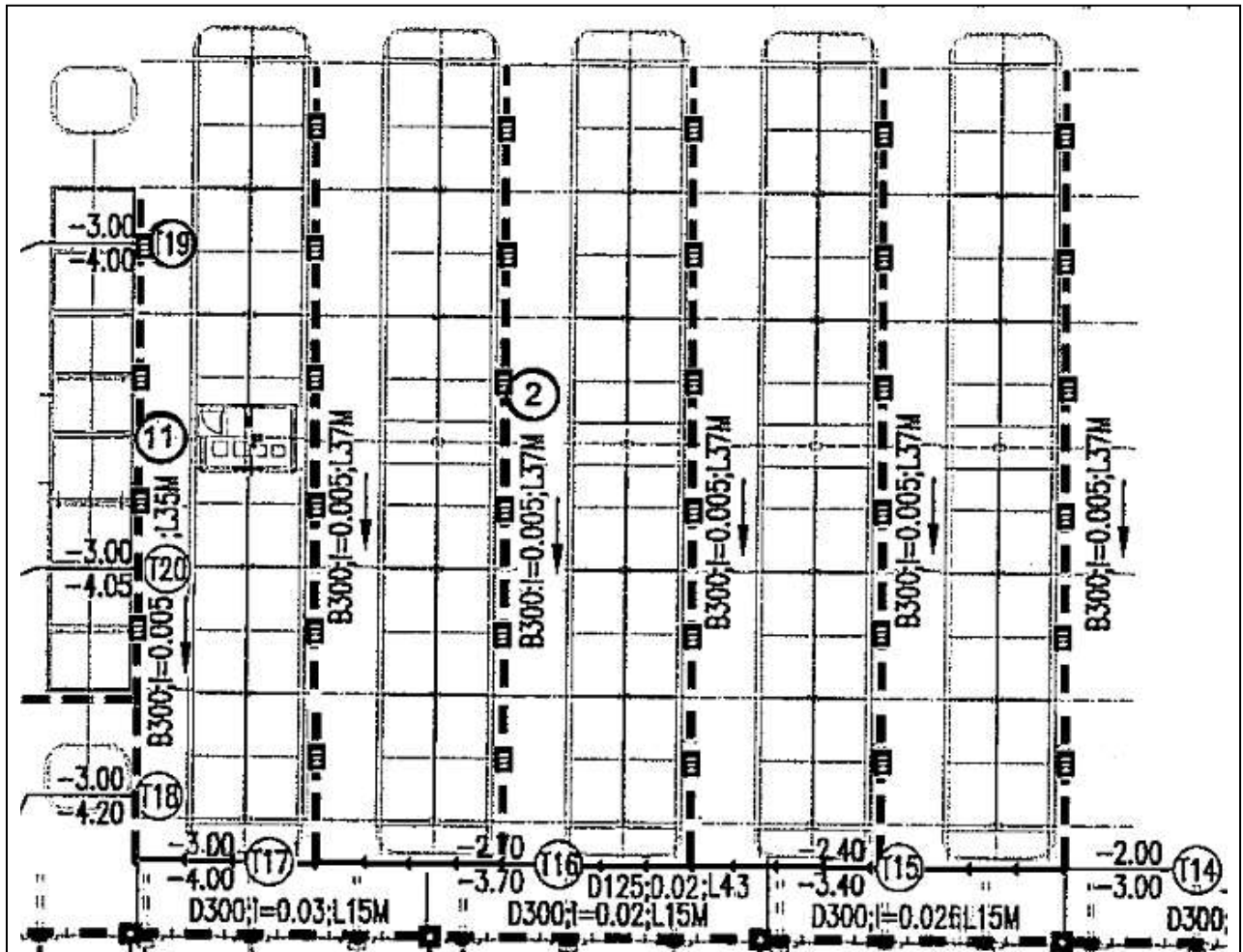


Thoát nước thải xám từ bồn rửa

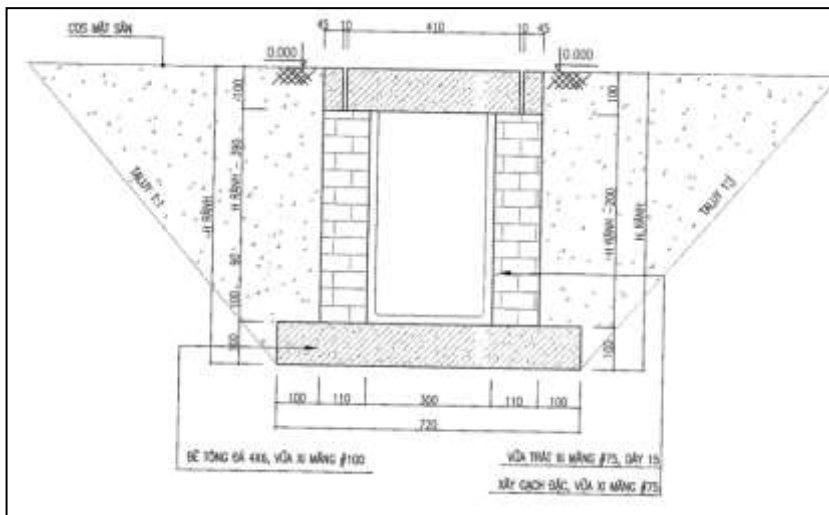


Thoát nước thải xám qua sàn

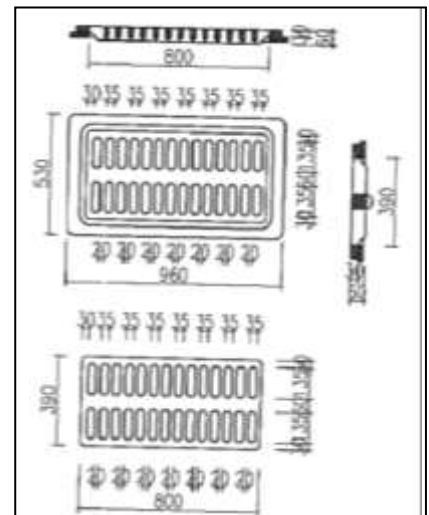
**Hình 3.8. Hình vẽ thiết kế hệ thống thu gom nước thải trong nhà tại các Ki ốt, Nhà chợ chính và Nhà BQL + trạm kiểm dịch + WC**



Sơ đồ bố trí mạng lưới thoát nước thải

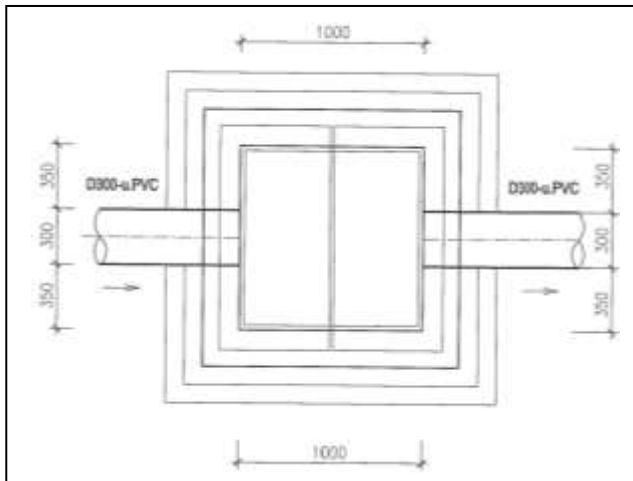


Rãnh B300mm

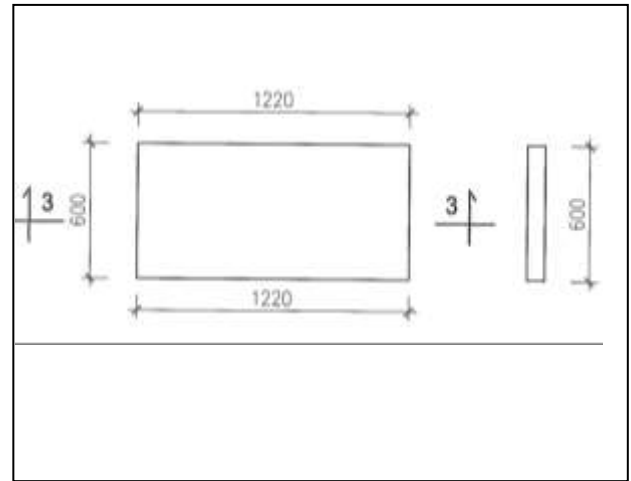


Khung chắn rác

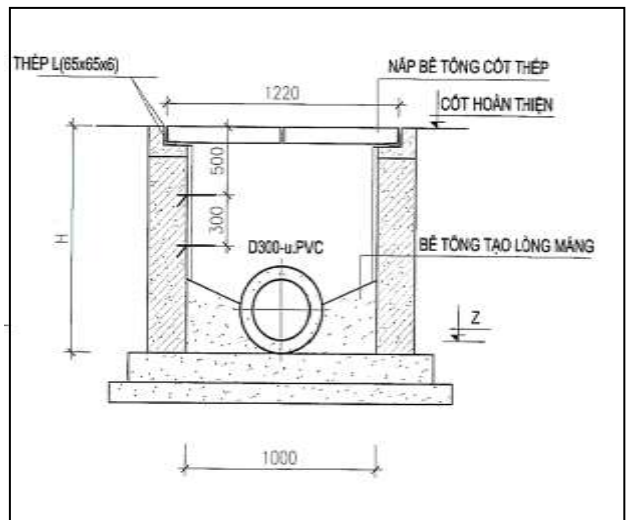
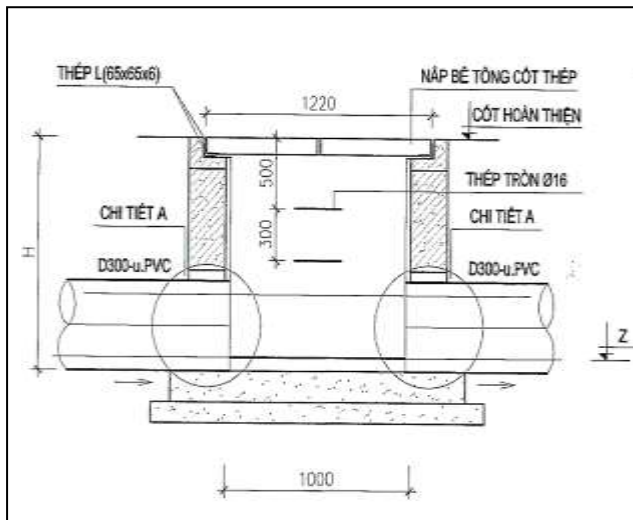
Hình 3.9. Hình vẽ thiết kế hệ thống thu gom nước thải Chợ ngoài trời có mái che



Mặt bằng cống BTCT D300mm và hố ga



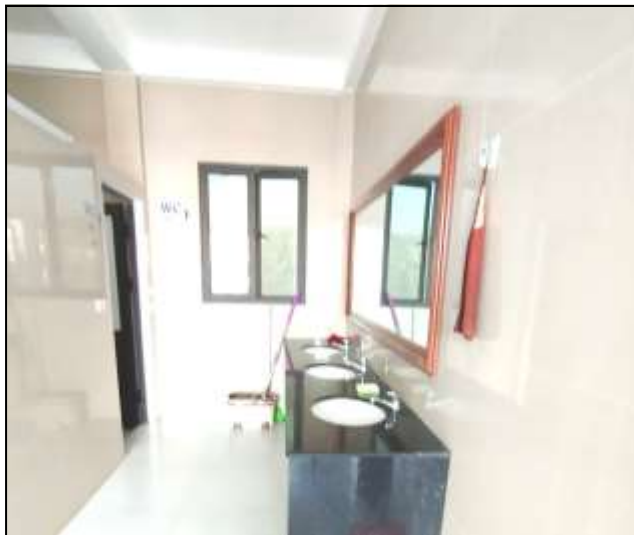
Nắp hố ga



Mặt cắt chi tiết đặt cống BTCT D300mm

**Hình 3.10. Hình vẽ thiết kế hệ thống thu gom nước thải ngoài nhà**

- Một số hình ảnh hiện hữu về hệ thống thu gom, thoát nước thải:



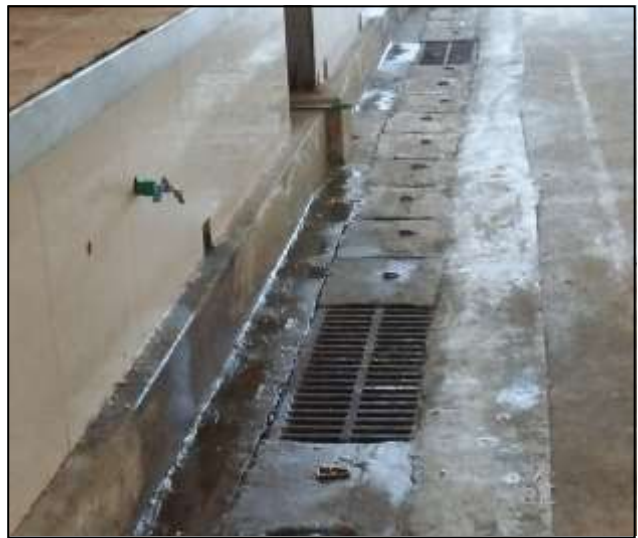
Thu gom, thoát nước từ bồn rửa và bệ xí





Chấn rác và thu nước thoát sàn nhà vệ sinh

**Hình 3.11. Một số hình ảnh hiện hữu về hệ thống thu gom trong nhà tại các Kí ốt, Nhà chợ chính và Nhà BQL + trạm kiểm dịch + WC**



**Hình 3.12. Rãnh B300mm thu gom nước thải chợ ngoài trời có mái che**



**Hình 3.13. Vị trí thoát nước thải ra ga nước thải của hệ thống thoát nước chung của thành phố Lai Châu**

### 1.3. Xử lý nước thải

#### a. Công trình xử lý nước thải đã được xây dựng, lắp đặt

##### a.1. Công trình xử lý nước thải đã được xây dựng, lắp đặt

- Bể tự hoại: Nhà chợ chính, ki ốt, nhà BQL + trạm kiểm dịch + WC đều xây dựng bể tự hoại để xử lý nước thải đen từ bộ xí, tương ứng với một công trình là 1 bể tự hoại.

Cụ thể:

+ Nhà chợ chính: Đã xây dựng 01 bể tự hoại đặt ngầm có dung tích  $15\text{m}^3$ .

+ Nhà BQL + trạm kiểm dịch + WC: Đã xây dựng 01 bể tự hoại đặt ngầm có dung tích  $11\text{m}^3$ .

+ Ki ốt  $5 \times 12\text{m}$ : Đã xây dựng 08 bể tự hoại đặt ngầm, mỗi bể có dung tích  $3\text{m}^3$ .

+ Ki ốt  $6 \times 12\text{m}$ : Đã xây dựng 02 bể tự hoại đặt ngầm, mỗi bể có dung tích  $3\text{m}^3$ .

+ Ki ốt  $7 \times 12\text{m}$ : Đã xây dựng 05 bể tự hoại đặt ngầm, mỗi bể có dung tích  $3\text{m}^3$ .

+ Ki ốt  $5 \times 8\text{m}$ : Đã xây dựng 22 bể tự hoại đặt ngầm, mỗi bể có dung tích  $3\text{m}^3$ .

+ Ki ốt  $8 \times 12\text{m}$ : Đã xây dựng 01 bể tự hoại đặt ngầm có dung tích  $3\text{m}^3$ .

Tính đến thời điểm lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường (tháng 4/2024): Ki ốt  $5 \times 12\text{m}$  còn 21 bể tự hoại chưa được xây dựng; Ki ốt  $6 \times 12\text{m}$  và  $5 \times 8\text{m}$  còn 01 bể tự hoại chưa được xây dựng. Lý do: Chưa xây dựng các ki ốt.

Như vậy, khi cơ sở hoàn thành xây dựng sẽ có 61 bể tự hoại, mỗi bể  $3\text{m}^3$  tại các Ki ốt; 01 bể tự hoại dung tích  $15\text{m}^3$  tại nhà chợ chính và 01 bể tự hoại dung tích  $11\text{m}^3$  tại Nhà BQL + trạm kiểm dịch + WC.

- Bể lắng lọc: Đã xây dựng 01 bể lắng lọc đặt ngầm có dung tích  $18\text{m}^3$  để tiếp tục xử lý nước thải đen và xử lý nước thải xám trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

Theo nội dung báo cáo ĐTM được phê duyệt nước thải sau xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn được dẫn về bể lắng 2 vỏ để tiếp tục xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận, tuy nhiên trong quá trình thiết kế thi công Công ty nhận thấy các nhược điểm về bể lắng 2 vỏ như sau:

+ Bể lắng 2 vỏ có dạng hình trụ với đáy hình chóp khó khăn trong công tác xây dựng.

+ Bể lắng 2 vỏ chỉ lắng được các chất lơ lửng, phân giải các chất hữu cơ hòa tan, hạn chế trong việc xử lý dầu mỡ, chất tẩy rửa, mùi và ổn định tính chất của nước thải đầu ra.

Cùng bản chất là lắng các chất lơ lửng, phân giải các chất hữu cơ hòa tan nhưng bể lắng lọc lại khắc phục được các nhược điểm trên:

+ Bể lắng lọc hình nhật được phân chia thành các vách ngăn là dạng bể được sử dụng nhiều nhất trong xử lý nước thải hiện nay.

+ Dễ dàng xây dựng bằng gạch và thời gian thi công nhanh chóng.

+ Không chỉ lắng được các chất lơ lửng, phân giải các chất hữu cơ hòa tan, mà việc sử dụng than hoạt tính trong ngăn lọc còn có các ưu điểm vượt trội sau:

++ Có thể loại bỏ kim loại nặng trong nước thải.

++ Lọc sạch các chất bẩn hữu cơ hòa tan trong nước.

++ Lọc màu, khử các mùi khó chịu có trong nước thải.

++ Gây ức chế, ngăn ngừa và loại bỏ những vi khuẩn có khả năng gây hại.

++ Than hoạt tính có đặc tính “không hút nước” nhưng “hút dầu”, tác dụng mạnh với nhiều loại hóa chất chứa clo, benzen, hoặc các hóa chất công nghiệp hòa tan trong nước.

=> Do vậy, trong quá trình thi công xây dựng Công ty đã lựa chọn phương án là bể lắng lọc thay vì sử dụng bể lắng 2 vỏ như trong đề xuất tại báo cáo ĐTM đã được phê duyệt. Hiệu quả xử lý của bể lắng lọc cao hơn bể lắng 2 vỏ và đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT – cột B với hệ số  $K=1$  (Hệ số  $K = 1$  tương ứng với loại hình chợ có quy mô, diện tích lớn hơn hoặc bằng  $1.500m^2$ ).

Các thông số kỹ thuật để đưa vào tính toán thiết kế bể lắng lọc:

- Lưu lượng xả nước thải/ngày ( $Q_{ngày}$ ):  $46m^3/ngày$  (24 giờ).

- Lưu lượng nước thải/giờ ( $Q_{giờ}$ ):  $1,916 m^3/giờ$ , làm tròn  $2 m^3/giờ$ .

- Hệ số không điều hòa:  $K = 1,5$  (theo tiêu chuẩn thiết kế là từ  $1,2 \div 1,5$ ).

- Thời gian lưu nước trong bể (t) là 3 giờ (theo tiêu chuẩn thiết kế thời gian đảm bảo lắng cặn là từ  $1 \div 3$  giờ).

- Bùn trong bể hút định kỳ 3 năm hút 1 lần.

Kết quả tính toán:

- Thể tích hữu ích của bể:  $W = Q_{giờ} \times K \times t = 2 \times 1,5 \times 3 = 9m^3$ .

- Thể tích chứa bùn: Tham khảo nồng độ ô nhiễm trong nước thải đầu vào của chợ Hải Tân, thành phố Hải Dương sau khi đã xử lý qua bể tự hoại và lắng cặn qua hố ga trước khi đưa về công trình xử lý tiếp theo cũng như yêu cầu chất lượng nước thải sau xử lý đạt cột B với hệ số  $K=1$ , QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt :

+ Nồng độ  $TSS_{vào} = 125,5mg/L$ , nồng độ  $TSS_{ra} = 100 mg/L \rightarrow$  Nồng độ TSS chuyển hóa thành bùn:  $125,5 - 100 = 25,5mg/L$ .

+ Nồng độ  $BOD_{vào} = 93,7 mg/L$ , nồng độ  $TSS_{ra} = 50 mg/L \rightarrow$  Nồng độ BOD chuyển hóa thành bùn:  $93,7 - 50 = 43,7 mg/L$ .

Tải lượng bùn phát sinh =  $46\text{m}^3/\text{ngày} \times (25,5\text{mg/L} + 43,7\text{mg/L})/1000 = 3,18\text{kg}/\text{ngày}$ .

Tải lượng bùn phát sinh trong 3 năm =  $3,18\text{kg}/\text{ngày} \times (365 \text{ ngày} \times 3 \text{ năm}) = 3.482\text{kg}$ .  
Với tỷ trọng điển hình của bùn thải từ 1,5-1,67 tấn/m<sup>3</sup>, tương ứng tải lượng bùn phát sinh trong 3 năm khoảng 2m<sup>3</sup>.

⇒ Thể tích cần thiết của bể là:  $9+2 = 11\text{m}^3$ . Cơ sở đã xây dựng bể 18m<sup>3</sup> lớn hơn tính toán là 7m<sup>3</sup>, lớn hơn thể tích bể lắng 2 vỏ (10,9m<sup>3</sup>) đề xuất tại báo cáo ĐTM được duyệt là 7,1m<sup>3</sup>. Như vậy, thể tích của bể lắng lọc đã xây dựng hoàn toàn đảm bảo xử lý hết lượng nước thải phát sinh.

#### **a.2. Đơn vị thiết kế thi công, giám sát thi công, nhà thầu xây dựng công trình bể tự hoại và bể lắng lọc của cơ sở**

+ Đơn vị thiết kế: Công ty Cổ phần kiến trúc Hồng Đức.

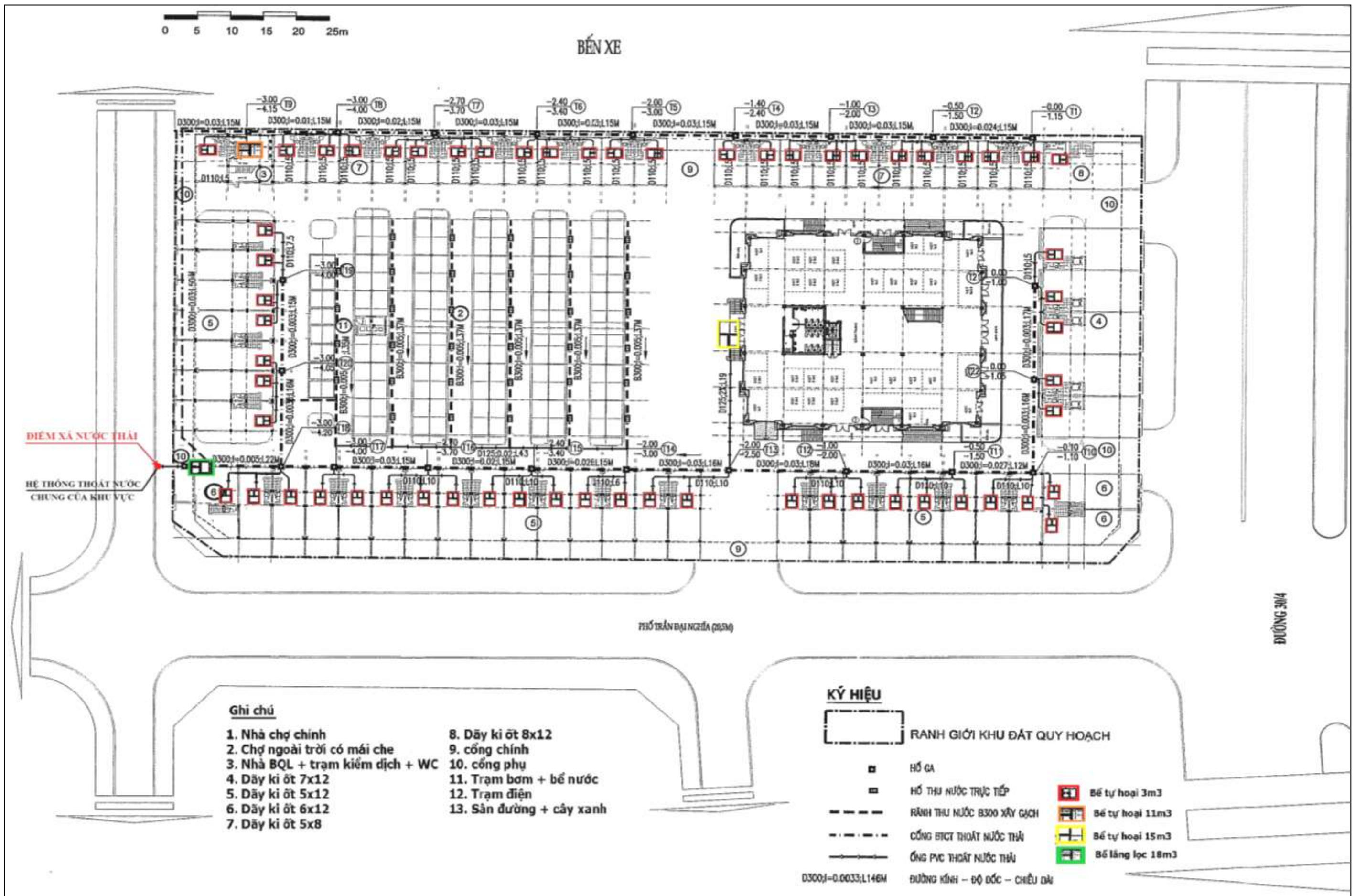
+ Đơn vị thi công xây dựng: Công ty TNHH Số 10 – Lai Châu (chủ cơ sở tự xây dựng).

+ Đơn vị tư vấn giám sát: Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Anh Dũng.

#### **b. Quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành và chế độ vận hành của công trình**

Mặt bằng vị trí công trình xử lý nước thải của chợ được thể hiện qua hình vẽ sau:





Hình 3.14. Mặt bằng tổng thể bố trí công trình xử lý nước thải

### b.1. Bể tự hoại

- Chức năng của bể tự hoại: Xử lý nước thải đen từ bệ xí trước khi dẫn vào bể lắng lọc.

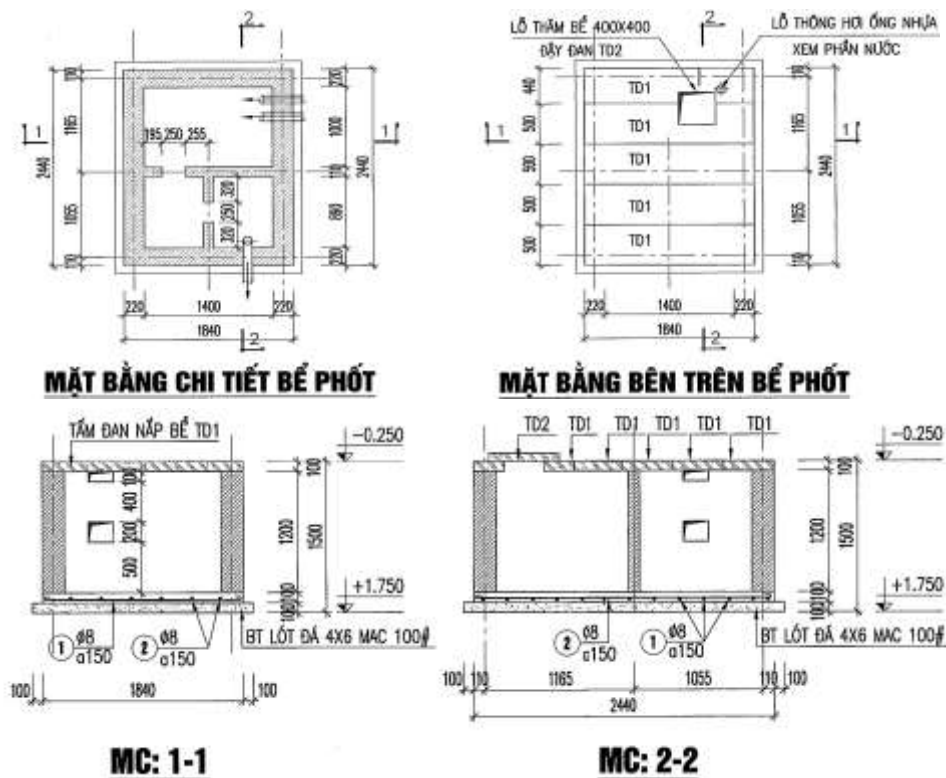
- Quy mô, công suất:

+ Tại mỗi căn ki ốt, nhà chợ chính và nhà BQL + trạm kiểm dịch + WC được xây dựng một bể tự hoại 03 ngăn (tương ứng với một công trình là 1 bể tự hoại).

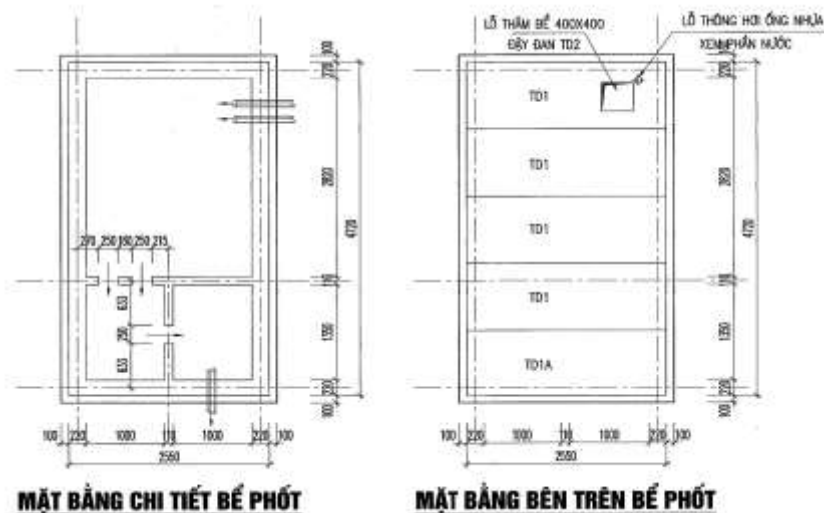
+ Số lượng: 63 bể thiết kế với tổng dung tích là 209m<sup>3</sup>, trong đó: 61 bể, mỗi bể dung tích 3m<sup>3</sup> đặt ngầm riêng biệt tại mỗi căn ki ốt, 01 bể dung tích 15m<sup>3</sup> đặt ngầm tại nhà chợ chính, 01 bể dung tích 11m<sup>3</sup> đặt ngầm tại nhà BQL + Trạm kiểm dịch + WC.

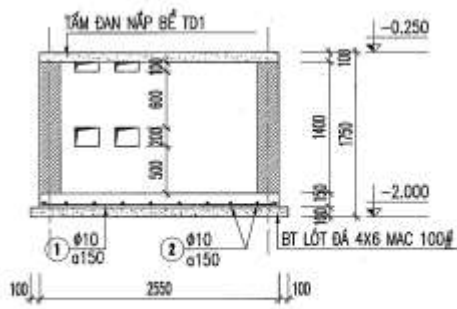
- Công nghệ, quy trình vận hành bể tự hoại:

Hình vẽ thiết kế bể tự hoại dung tích 3m<sup>3</sup>, 11m<sup>3</sup> và 15m<sup>3</sup> của cơ sở như sau:

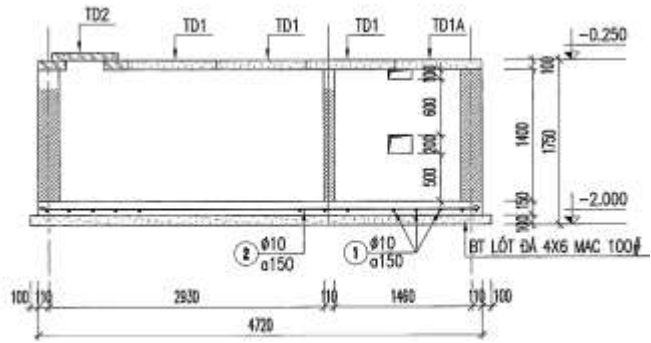


Hình 3.15. Hình vẽ thiết kế bể tự hoại 3 ngăn dung tích 3m<sup>3</sup>



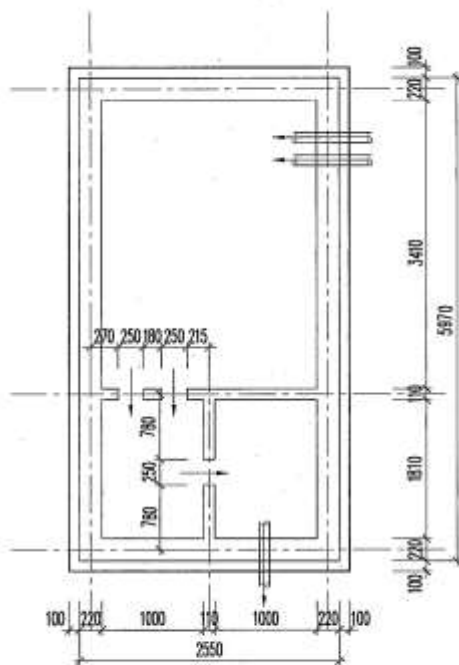


**MC: 1-1**

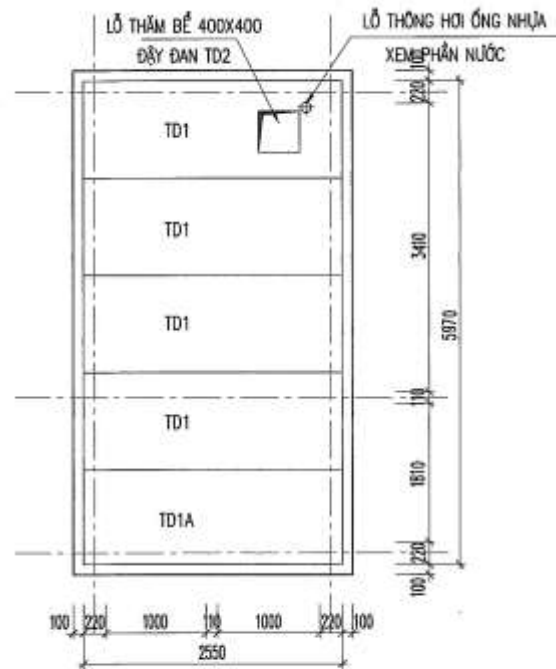


**MC: 2-2**

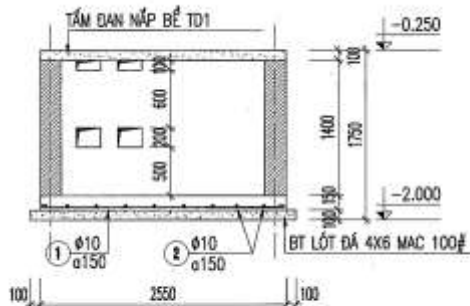
**Hình 3.16. Hình vẽ thiết kế bể tự hoại 3 ngăn dung tích 11m<sup>3</sup>**



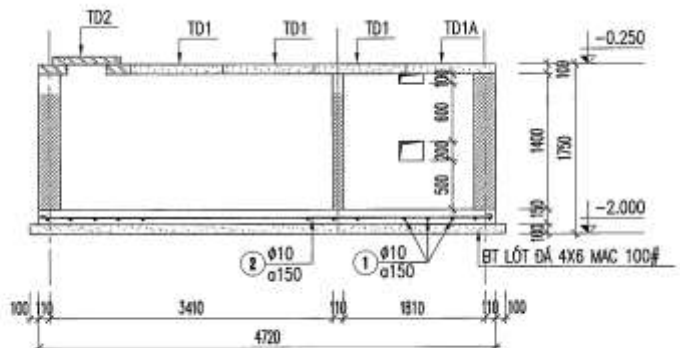
**MẶT BẰNG CHI TIẾT BỂ PHỐT**



**MẶT BẰNG BÊN TRÊN BỂ PHỐT**



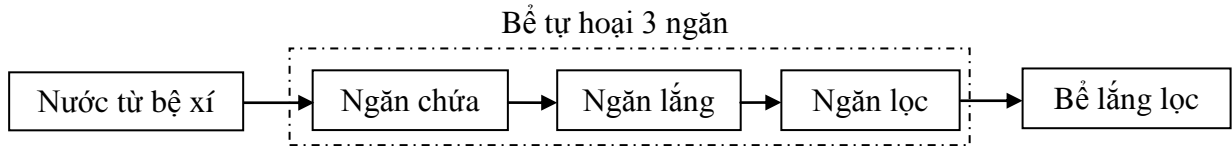
**MC: 1-1**



**MC: 2-2**

**Hình 3.17. Hình vẽ thiết kế bể tự hoại 3 ngăn dung tích 15m<sup>3</sup>**

Sơ đồ minh họa công trình công nghệ xử lý nước thải qua bể tự hoại được thể hiện tại hình sau:



**Hình 3.18. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải qua bể tự hoại 3 ngăn**

Bể tự hoại 03 ngăn là công trình đồng thời làm hai chức năng là lắng và phân hủy cặn lắng.

+ Tại ngăn chứa: Nước xả từ bệ xí sẽ trôi xuống ngăn chứa, tại đây nước thải được xử lý cơ học và sinh học nhờ 02 quá trình là lắng cặn và lên men kỵ khí bằng vi sinh vật. Các chất hữu cơ trong nước thải và bùn cặn đã lắng, chủ yếu là các Hydrocacbon, đạm, béo, ... được phân hủy bởi các vi khuẩn kỵ khí và các loại nấm men. Nhờ vậy, cặn lên men, bớt mùi hôi, giảm thể tích. Chất không tan chuyển thành chất tan và chất khí (chủ yếu là  $CH_4$ ,  $CO_2$ ,  $H_2S$ ,  $NH_3$ ,...). Tại ngăn này, được lắp đặt ống thông hơi để giải phóng khí thoát từ quá trình phân hủy kỵ khí các hợp chất hữu cơ. Ngăn chứa có không gian diện tích lớn nhất bởi đây là nơi chứa đựng chất thải ngay từ khi chưa được phân hủy.

+ Ngăn lắng: Cặn lơ lửng trong nước thải không thể lắng được ở ngăn chứa sẽ tiếp tục theo dòng nước vào ngăn lắng.

+ Ngăn lọc: Các chất thải sau khi đã được xử lý ở ngăn lắng sẽ theo ống dẫn sang ngăn lọc. Ngăn này có chức năng lọc các chất thải còn lơ lửng trong nước thải.

Tại các ngăn trong bể tự hoại hầu hết các cặn bã đều được giữ lại, chất hữu cơ bị phân hủy thành  $CO_2$ ,  $CH_4$  và  $H_2O$ . Nước thải sau khi ra khỏi bể tự hoại hàm lượng các chất rắn lơ lửng SS, nhu cầu oxy hoá học COD, nhu cầu oxy sinh hoá  $BOD_5$  trung bình giảm 70-75%. Các mầm bệnh có trong phân cũng được loại bỏ một phần chủ yếu nhờ cơ chế hấp phụ lên cặn và lắng xuống, hoặc chết đi do thời gian lưu bùn và nước trong bể lớn, do môi trường sống không thích hợp.

- Thông số kỹ thuật cơ bản của bể tự hoại:

**Bảng 3.4. Thông số kỹ thuật của bể tự hoại**

TT	Hạng mục công trình	Thông số kỹ thuật		
		Số lượng, dung tích chứa	Kích thước	Kết cấu
1	Nhà chợ chính	01 bể x $15m^3$	- Kích thước xây dựng bể: $LxBxH = 5,97x2,55x1,75m$ . - Bể được chia làm 03 ngăn: + Ngăn chứa: $LxBxH = 3,41x2,11x1,40m$ (chưa bao gồm kết cấu xây dựng). + Ngăn lắng: $LxBxH = 1,81x1,0x1,40m$ (chưa bao gồm kết cấu xây dựng). + Ngăn lọc: $LxBxH = 1,81x1,0$	- Bê tông đáy bể, dầm bể, tấm đan dùm B15 (M200). - Bê tông lót B7.5 (M100), đá 4x6. - Cốt thép - Tường xây bằng gạch đặc M75, vữa xi măng cát vàng M75. - Mặt ngoài bể trát vữa xi măng cát vàng M75. - Mặt trong trát vữa xi măng M75

			x1,40m (chưa bao gồm kết cấu xây dựng).	dày 20mm cát vàng trát chia làm 2 lớp:
2	Nhà BQL+Trạm kiểm dịch + WC	01 bể x 11m <sup>3</sup>	- Kích thước xây dựng bể: LxBxH = 4,72x2,55x1,75m. - Bể được chia làm 03 ngăn: + Ngăn chứa: LxBxH = 2820x2,11 x1,40m (chưa bao gồm kết cấu xây dựng). + Ngăn lắng: LxBxH = 1,35x1,0 x1,40m (chưa bao gồm kết cấu xây dựng). + Ngăn lọc: LxBxH = 1,35x1,0 x1,40m (chưa bao gồm kết cấu xây dựng).	+Lớp đầu dày 10mm có khía bay. +Lớp ngoài cùng đánh nhẵn bằng xi măng nguyên chất. -Tại các góc bể (giữa tường và đáy, giữa thành với bể) trát nguyệt góc.
3	Ki ốt			
-	Ki ốt 5x8m	23 bể x3m <sup>3</sup>	- Kích thước xây dựng bể: LxBxH = 2,44x1,84x1,50m. - Bể được chia làm 03 ngăn: + Ngăn chứa: LxBxH= 1,40x1,0 x1,20m (chưa bao gồm kết cấu xây dựng). + Ngăn lắng: LxBxH = 0,89x0,645 x1,20m (chưa bao gồm kết cấu xây dựng). + Ngăn lọc: LxBxH = 0,89x0,645 x1,20m (chưa bao gồm kết cấu xây dựng).	
-	Ki ốt 5x12m	29 bể x3m <sup>3</sup>		
-	ki ốt 6x12m	03 bể x3m <sup>3</sup>		
-	Ki ốt 7x12m	05 bể x3m <sup>3</sup>		
-	Ki ốt 8x12m	01 bể x3m <sup>3</sup>		
	<b>Tổng cộng</b>	<b>63 bể, 209m<sup>3</sup></b>		

## b.2. Bể lắng lọc

- Chức năng của bể lắng lọc: Xử lý nước thải đen (đã qua bể tự hoại và qua hố ga nước thải để lắng cặn) và nước thải xám (đã tách rác và hố ga nước thải để lắng cặn) trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận.

- Quy mô, công suất:

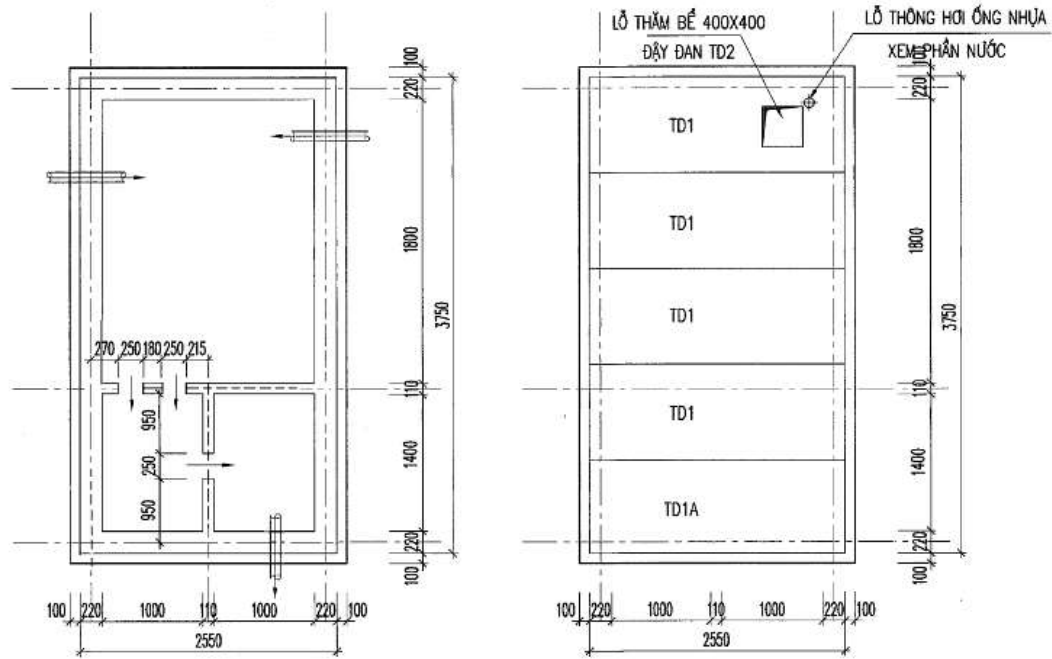
+ Số lượng: 01 bể (đặt ngầm sát ki ốt 6x12m, phía đường Triệu Quang Phục).

+ Tổng dung tích thiết kế: 18m<sup>3</sup>.

- Công nghệ, quy trình vận hành bể lắng lọc:

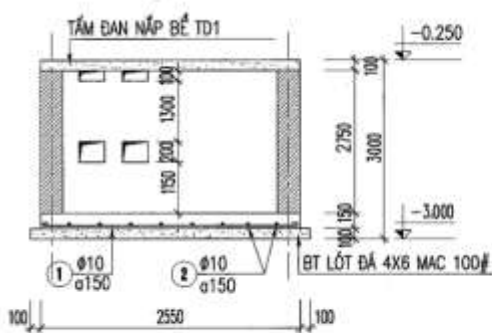
Hình vẽ thiết kế bể lắng lọc của cơ sở như sau:



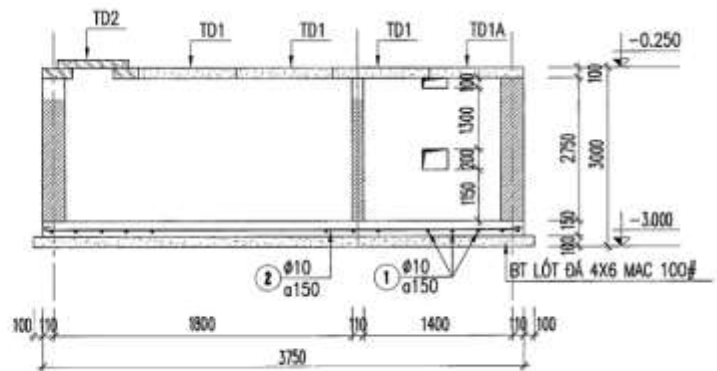


**MẶT BẰNG CHI TIẾT BỂ LẮNG LỌC**

**MẶT BẰNG BÊN TRÊN BỂ LẮNG LỌC**



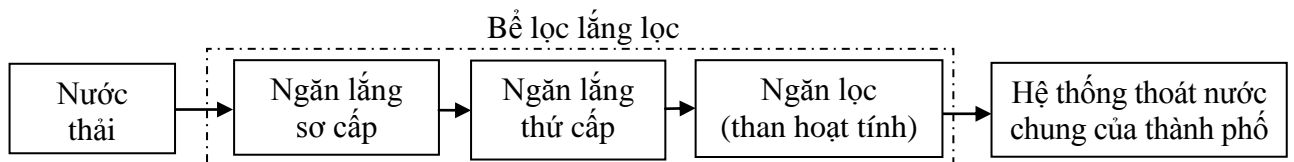
**MC: 1-1**



**MC: 2-2**

**Hình 3.19. Hình vẽ thiết kế bể lắng lọc dung tích 18m<sup>3</sup>**

Sơ đồ minh họa công trình công nghệ xử lý nước thải qua bể lắng lọc được thể hiện tại hình sau:



**Hình 3.20. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải qua bể lắng lọc**

Bể lắng lọc của cơ sở có dung tích 18m<sup>3</sup>. Bể được chia làm 03 ngăn:

+ Ngăn lắng sơ cấp, dung tích 10,4m<sup>3</sup> là nơi tập trung các nguồn nước thải thành một nguồn duy nhất để điều hòa lưu lượng và chất lượng nước thải giúp ổn định dòng nước và làm giảm các vi sinh vật gây bệnh trước khi chuyển tiếp sang ngăn lắng thứ cấp và ngăn lọc.

+ Ngăn lắng thứ cấp, dung tích 3,8m<sup>3</sup>.

Tại 02 ngăn lắng sơ cấp và thứ cấp là nơi diễn ra quá trình phân hủy kỵ khí: Vi sinh vật kỵ khí trong nước thải bám dính vào các hợp chất hữu cơ, các chất lơ lửng để tạo thành giá thể sau đó lắng xuống đáy bể nhờ trọng lực. Tại đáy bể diễn ra quá trình phân hủy kỵ khí các chất hữu cơ và chuyển Nitrat ( $\text{NO}_3^-$ ) thành khí Nitơ ( $\text{N}_2$ ), Chuyển hóa Sunfat ( $\text{SO}_4^{2-}$ ) thành Hidro sulfua ( $\text{H}_2\text{S}$ ), đồng thời giải phóng  $\text{CO}_2$  có trong nước thải để làm ổn định các chỉ số BOD, COD.

+ Ngăn lọc, dung tích  $3,8\text{m}^3$  sử dụng vật liệu lọc là than hoạt tính. Than hoạt tính là nguyên liệu có thành phần chính là cacbon (90%) và phần còn lại là kim loại kiềm và tro. Ưu điểm của than hoạt tính dùng trong xử lý nước thải là dùng để lọc và hấp phụ các chất ô nhiễm hữu cơ hòa tan, dầu mỡ, hóa chất tẩy rửa, kim loại nặng. Than hoạt tính có đặc tính “không hút nước” nhưng “hút dầu”, tác dụng mạnh với nhiều loại hóa chất chứa clo, benzen, hoặc các hóa chất công nghiệp hòa tan trong nước.

Than hoạt tính được sử dụng có dạng hạt, kích thước hạt 4-8mm đổ đầy ngăn với chiều dày 2,5m, phía trên để trống tạo thành lớp dự trữ 0,25m.

Sơ đồ bố trí vật liệu lọc trong ngăn lọc như sau:

Lớp dự trữ, dày 0,25m
Lớp than hoạt tính, kích thước hạt 4-8mm, dày 2,5m

**Hình 3.21. Sơ đồ bố trí vật liệu lọc**

Cơ chế loại bỏ chất ô nhiễm trong bể lắng lọc: Các chất ô nhiễm được loại bỏ khỏi nước thải trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các quá trình vật lý, hóa học và sinh học:

+ Vật lý: Các chất ô nhiễm được loại bỏ bởi quá trình vật lý như lắng do trọng lực, hoặc lọc cơ học khi nước chảy qua lớp vật liệu lọc hoặc do lực hấp dẫn giữa các phân tử, hấp phụ trên bề mặt lớp vật liệu lọc hay sự bay hơi  $\text{NH}_3$ ,  $\text{N}_2$ ,... từ nước thải.

+ Hóa học: Các chất ô nhiễm phản ứng với nhau tạo thành các hợp chất, hay sự phân hủy hoặc biến đổi của các hợp chất kém bền...

+ Sinh học: Các chất hữu cơ hòa tan được phân hủy kỵ khí bởi các vi sinh vật kỵ khí. Có sự nitrat hóa do tác động của vi sinh vật đối với các hợp chất Nitơ; dưới các điều kiện thích hợp, một khối lượng đáng kể các chất ô nhiễm sẽ được thực vật hấp thụ; sự phân hủy tự nhiên của các chất hữu cơ trong môi trường.

Cơ chế loại bỏ chất ô nhiễm trong bể lắng, lọc được thể hiện trong bảng sau:

**Bảng 3.5. Cơ chế loại bỏ chất ô nhiễm**

TT	Thành phần nước thải	Cơ chế xử lý
1	Chất lơ lửng	Lắng, lọc
2	Chất hữu cơ hòa tan	Phân giải của vi sinh vật kỵ khí

3	Dầu mỡ	Sự hấp phụ của than hoạt tính (vật liệu lọc)
4	Photpho	Sự hấp phụ của than hoạt tính (vật liệu lọc)
5	Nitơ	Amoni hóa và nitrat hóa của vi sinh vật Khử nitơ Sự hấp phụ của vật liệu lọc Sự bay hơi của Amoniac
6	Sunfat	Phân giải của vi sinh vật kỵ khí Sự hấp phụ của vật liệu lọc Sự bay hơi của Hidro sulfua
7	Kim loại	Sự hấp phụ của vật liệu lọc
8	Vi sinh vật gây bệnh	Lắng, lọc và ức chế của vật liệu lọc hoặc chết do các quá trình tự nhiên và cạnh tranh sinh tồn

Ưu điểm của bể lắng lọc khi áp dụng xử lý nước thải sau bể tự hoại sử dụng vật liệu lọc là than hoạt tính:

+ Hiệu suất xử lý các thành phần ô nhiễm trong nước thải đạt mức cao: Hiệu suất khử BOD, lắng lọc chất lơ lửng đạt tới 95%, hấp phụ Sunfat, Nitrat, Phốt pho, dầu mỡ đạt 70-85%, loại bỏ các vi khuẩn chỉ thị đạt tới <1000 coliform/100ml, các kim loại nặng 70-80%. Hầu hết các vi sinh gây bệnh sẽ được tiêu diệt, mùi nước thải gần như không còn.

+ Khả năng tự chảy của nước trong hệ thống không tiêu tốn điện năng, các thiết bị hỗ trợ.

+ Không cần dùng đến hóa chất.

- Thông số kỹ thuật cơ bản của bể lắng lọc:

**Bảng 3.6. Thông số kỹ thuật của bể lắng lọc**

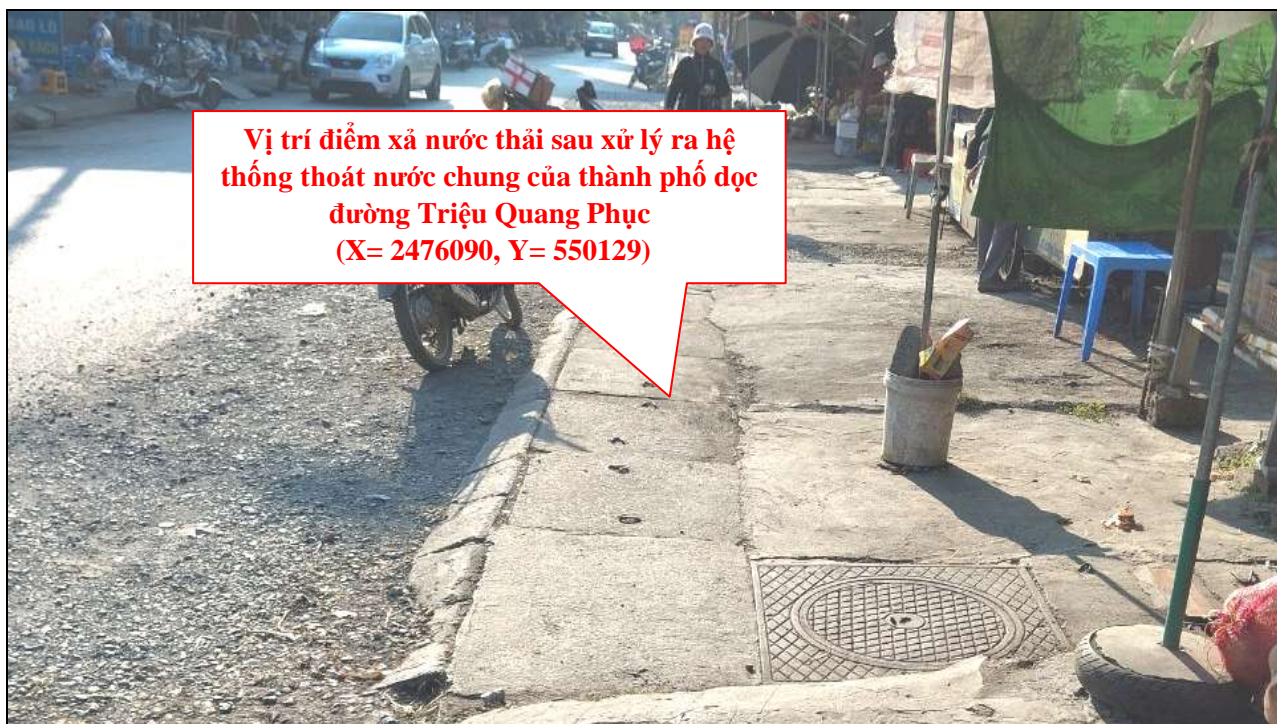
TT	Hạng mục công trình	Thông số kỹ thuật		
		Số lượng, dung tích chứa	Kích thước	Kết cấu
1	Bể lắng lọc	01 bể x 18m <sup>3</sup>	- Kích thước xây dựng bể: LxBxH = 3,75x2,55 x3,0m. - Bể được chia làm 03 ngăn: + Ngăn lắng sơ cấp: LxBxH = 1,80x2,11x2,75m (chưa bao gồm kết cấu xây dựng). + Ngăn lắng thứ cấp: LxBxH = 1,40x1,0x2,75m (chưa bao gồm kết cấu xây dựng). + Ngăn lọc: LxBxH = 1,40x1,0x 2,75m (chưa bao gồm kết cấu xây dựng).	- Bê tông đáy bể, dầm bể, tấm đan dùm B15 (M200). - Bê tông lót B7.5 (M100), đá 4x6. - Cốt thép - Tường xây bằng gạch đặc M75, vữa xi măng cát vàng M75. - Mặt ngoài bể trát vữa xi măng cát vàng M75. - Mặt trong trát vữa xi măng M75 dày 20mm cát vàng trát chia làm 2 lớp: +Lớp đầu dày 10mm có khía bay. +Lớp ngoài cùng đánh nhẵn bằng xi măng nguyên chất. - Tại các góc bể (giữa tường và đáy, giữa thành với bể) trát nguyết góc.

Vị trí, hình ảnh của bể lắng lọc và hình ảnh điếm xả nước thải sau xử lý thể hiện qua các hình sau:





**Hình 3.22. Vị trí, hình ảnh của bể lắng lọc**



**Hình 3.23. Hình ảnh điểm xả nước thải sau xử lý**

**c. Các loại, hóa chất chế phẩm sinh học sử dụng**

- Cơ sở không có nhu cầu sử dụng hóa chất.
- Nhằm nâng cao hiệu quả xử lý cho bể tự hoại định kỳ với tần suất 6 tháng/lần Công ty sẽ bổ sung các chế phẩm vi sinh BIO-Phốt vào bồn cầu để dẫn men vi sinh vào

bể tự hoại tại khu nhà chợ chính và Nhà BQL+Trạm kiểm dịch + WC, khuyến khích các hộ kinh doanh đổi với các căn ki ốt.

Chế phẩm vi sinh BiO-Phốt là tổ hợp các chủng vi sinh vật có hoạt lực cao như Bacillus sp, lactobacillus, nấm men,... với mật độ vi sinh hữu ích đạt  $\geq 3 \times 10^8$  CFU/g có tác dụng làm phân hủy nhanh các chất hữu cơ, cặn bã (xenlulo, tinh bột, protein, dầu mỡ,..) và giảm các chỉ tiêu: BOD, TSS..., khử mùi hôi và tiêu diệt các vi sinh vật gây bệnh, trứng giun sán, đồng thời làm giảm nguy cơ tắc nghẽn bồn cầu.

Chế phẩm thân thiện với môi trường không chứa các tác nhân độc hại cho con người và môi trường sinh thái, an toàn và không gây ăn mòn các thiết bị vệ sinh, thiết bị trong bể tự hoại.

Liều dùng: Theo hướng dẫn của nhà sản xuất là 200gam/1m<sup>3</sup> bể.

#### **d. Định mức tiêu hao điện năng, hóa chất sử dụng cho quá trình vận hành**

- Định mức tiêu hao điện năng: Hạng mục bể tự hoại, bể lắng lọc không sử dụng điện năng cho quá trình vận hành.

- Các loại hóa chất sử dụng: Không sử dụng hóa chất cho quá trình vận hành.

#### **e. Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với nước thải sau xử lý**

Chất lượng nước thải sau xử lý trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đảm bảo đúng QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B với hệ số K = 1 (Hệ số K = 1 tương ứng với loại hình chợ có quy mô, diện tích lớn hơn hoặc bằng 1.500m<sup>2</sup>)).

**Bảng 3.7. Giá trị giới hạn của chất ô nhiễm đối với nước thải sau xử lý**

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	5-9
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000
5	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ) (tính theo N)	mg/l	10
6	Photphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/l	10
7	Sulfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4.0
8	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/l	50
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20
10	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000

#### **f. Hệ thống quan trắc tự động, liên tục**

Không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 97 và Phụ lục số XXVIII Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

## 2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

- Hoạt động của cơ sở không có nguồn phát sinh bụi, khí thải cố định với nồng độ và lưu lượng lớn tại 1 điểm xả thải cụ thể do đó Công ty không xây dựng, lắp đặt các công trình thu gom, xử lý bụi khí thải.

- Vấn đề môi trường không khí chính trong quá trình hoạt động của Chợ là do hoạt động giao thông của xe ô tô, xe gắn máy ra - vào khu vực chợ, mùi từ các ki ốt hoạt động dịch vụ ăn uống, mùi từ khu nhà vệ sinh công cộng. Nhằm hạn chế ảnh hưởng của khí thải đến các tiêu thương và người dân trong khu vực Chợ, Công ty thực hiện các biện pháp giảm thiểu như sau:

\* Giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động giao thông của xe ô tô, xe gắn máy ra - vào khu vực chợ:

- Bê tông hóa toàn bộ sân đường giao thông nội bộ trong chợ (với diện tích quy hoạch là 3249m<sup>2</sup>, chiếm tỉ lệ 32% trong tổng diện của cơ sở), thường xuyên quét dọn nhằm giảm thiểu tới mức thấp nhất bụi từ đường bốc lên.

- Thiết kế diện tích bồn cây xen giữa các công trình với tỉ lệ 2,4% trong tổng diện tích của cơ sở. Cây xanh có tác dụng rất lớn trong việc hạn chế ô nhiễm không khí như giữ bụi, lọc sạch không khí, cải thiện các yếu tố vi khí hậu.

- Bố trí bãi để xe gần khu vực cổng chính để hạn chế thấp nhất thời gian lưu thông của các phương tiện ra - vào chợ. Bãi để xe được bố trí dưới tầng hầm của nhà chợ chính với tổng diện tích sử dụng khoảng 1.300m<sup>2</sup>. Nền được đổ bê tông xi măng để hạn chế phát tán bụi, có hệ thống thông gió, hút khói cưỡng bức để đảm bảo thông thoáng:

+ Hệ thống thông gió: Trang bị 02 quạt hút QTA L=24.000m<sup>2</sup>/h, P=675Pa.

+ Hệ thống hút khói: Trang bị 02 quạt thổi QTA L=10.000m<sup>2</sup>/h, P=675Pa.

- Cấm các phương tiện lưu thông trong khu vực Chợ.

\* Giảm thiểu mùi từ các ki ốt hoạt động dịch vụ ăn uống:

- Khuyến khích các hộ kinh doanh hàng ăn uống sử dụng ga để đun nấu nhằm giảm phát sinh bụi và hơi khí độc ra môi trường xung quanh.

- Khuyến khích thiết kế khu bếp thông thoáng, vệ sinh sạch sẽ khu bếp sau khi nấu nướng.

\* Mùi từ khu vệ sinh công cộng:

- Nhà vệ sinh công cộng được phân thành 02 ngăn riêng biệt dành cho nam và nữ bố trí ngay tầng 1 của nhà làm việc Ban quản lý chợ để thuận tiện cho việc quản lý, đồng thời có nhân viên vệ sinh trực tiếp thu phí và cọ rửa, vệ sinh thường xuyên.

- Bố trí cửa thông gió đảm bảo thường xuyên cung cấp nguồn khí trong sạch, môi trường không khí xung quanh thông thoáng với bên ngoài, thỏa mãn điều kiện vi khí hậu của công trình.

### **3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường**

#### **3.1. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn từ hoạt động kinh doanh trong phạm vi chợ**

##### **a. Nguồn phát sinh**

Lượng rác thải phát sinh chủ yếu gồm rác thải sinh hoạt của nhân viên quản lý chợ và người dân đi chợ, rác thải phát sinh từ quá trình buôn bán, vận chuyển và phân loại hàng hóa tại chợ.

##### **b. Khối lượng phát sinh**

Tổng lượng rác thải hiện tại phát sinh trong một ngày theo số liệu thu gom vào khoảng 273kg, khi chợ đưa vào hoạt động hết công suất các hạng mục được Quy hoạch ước tính vào khoảng 921kg/ngày, tương ứng khoảng 378 tấn/năm (360 ngày/năm).

##### **c. Biện pháp thu gom**

- Công ty thực hiện theo quy định về quản lý chất thải rắn thông thường được quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và các quy định chi tiết tại Chương III Quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt; phương tiện, tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- Công ty đã đưa ra quy định yêu cầu các hộ kinh doanh trong chợ tự trang bị các loại thùng để đựng rác thông thường phát sinh tại quầy hàng của mình. Vào cuối ngày các hộ kinh doanh phát sinh rác thải có trách nhiệm đem đi đổ vào các thùng rác lớn dung tích 120 lít, xe rác đẩy tay 0,5m<sup>3</sup> do công ty bố trí sẵn ở các cổng phụ, góc dãy ki ốt để nhân viên vệ sinh chợ dễ dàng đẩy ra các vị trí tập kết đã quy định.

##### **d. Công trình, thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải**

###### **d.1. Thiết bị lưu chứa**

- Ban quản lý chợ đã bố trí xe rác đẩy tay và các thùng chứa rác có nắp đậy. Ban quản lý chợ sẽ rà soát và thay thế các xe rác, thùng chứa rác bị hư hỏng.

- Hiện tại, Công ty đã bố trí 05 xe rác đẩy tay dung tích 0,5m<sup>3</sup> tại các khu vực cổng phụ; 07 thùng nhựa có nắp đậy dung tích 120 lít tại góc nhà các dãy ki ốt; 13 sọt rác khu nhà vệ sinh công cộng để thu gom và tập kết rác thải:

+ Thùng chứa dung tích 120 lít làm bằng vật liệu HDPE chịu được va chạm, ít bị hư hỏng, biến dạng trong quá trình sử dụng, được phủ bóng bề mặt chống tia UV (chịu mưa/nắng), có 2 bánh xe dẫn hướng cao su (D20) chịu lực, nắp kín ngăn nước mưa/mùi, tay cầm nắm bằng nhựa kéo đẩy dễ dàng; kích thước thùng chứa 0,46x0,55x0,94m.

+ Sọt rác tại khu nhà vệ sinh công cộng bố trí loại có đường kính 30cm, chiều cao 31,5cm, làm từ chất liệu nhựa PP có độ bền và chịu lực tốt. Trong quá trình sử dụng có bọc sẵn bao ni lông để thuận tiện cho quá trình thu gom.

+ Xe rác rác đẩy tay dung tích 0,5m<sup>3</sup> có thùng bằng tôn mạ kẽm đủ độ dày tiêu chuẩn 1mm, khung được gia cố bằng thép V50x50, sơn chống gỉ; có 2 bánh xe chịu tải và dẫn

hướng; kích thước tổng thể là 1,32x1,05x1,03m, kích thước thùng chứa 1,06x0,8x0,83m.

#### **d.2. Kho/khu vực lưu giữ trong nhà**

- Tại cơ sở không bố trí nhà kho/khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt trong nhà mà vận chuyển đi xử lý ngay trong ngày, không để rác thải tồn đọng sang ngày hôm sau.

#### **d.3. Công trình, biện pháp xử lý**

- Công trình xử lý: Tại cơ sở không bố trí công trình xử lý.

- Biện pháp xử lý:

+ Nhằm tận dụng triệt để nguồn tài nguyên từ chất thải đồng thời góp phần xử lý rác thải triệt để, BQL chợ đã thường xuyên tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho các hộ kinh doanh, buôn bán trong chợ và hướng dẫn phân loại, tái sử dụng rác thải:

++ Tùy theo loại hình kinh doanh của từng gian hàng mà hộ kinh doanh tự trang bị thùng chứa rác có dung tích khác nhau đặt tại các vị trí khác nhau trong gian hàng để phân loại rác thải.

++ Đối với nhóm chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng có nguồn gốc từ giấy thải (giấy viết, hộp giấy, bì carton), nhựa thải (chai nước giặt, chai nước lọc, cốc nhựa), thủy tinh thải (chai, lọ thủy tinh), kim loại thải (lon bia, lon nước giải khát) từng hộ kinh doanh phát sinh tự thu gom phân loại, sau đó bán cho các cơ sở thu mua tái chế trên địa bàn.

++ Đối với nhóm chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng có nguồn gốc từ thực phẩm, các hộ kinh doanh sẽ tự thu gom mang về làm thức ăn cho chăn nuôi hoặc cho các hộ gia đình có nhu cầu về làm thức ăn chăn nuôi.

++ Đối với chất thải khác không có khả năng tái chế, tái sử dụng vào cuối ngày các hộ kinh doanh phát sinh rác thải có trách nhiệm đem đi đổ vào các thùng rác lớn, xe rác đẩy tay do Công ty bố trí sẵn.

+ BQL chợ sẽ bên chế 03 cán bộ làm nhiệm vụ quét dọn, thu gom rác xung quanh chợ và bên trong chợ, đẩy xe rác, thùng rác đến vị trí quy định để thuận tiện vận chuyển đi xử lý.

+ Chủ cơ sở Chợ đầu mối tỉnh Lai Châu (Công ty TNHH Số 10-Lai Châu) là 1 trong 8 đơn vị thực hiện thu gom, vận chuyển rác trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Công ty tự thu gom, vận chuyển rác tại Chợ về bãi chôn lấp rác thải thành phố Lai Châu có địa chỉ tại bản Pha Lìn, xã San Thàng, thành Phố Lai Châu bằng Ô tô chở rác.

- Một số hình ảnh về thiết bị lưu chứa chất thải đã được bố trí trong chợ:





Sọt rác lót túi ni lông chứa giấy vệ sinh thải



Sọt rác chứa vỏ chai thuốc tẩy rửa bồn cầu, vệ sinh sàn thải



Thùng chứa dung tích 120 lít bố trí tại các ki ốt



Xe rác 0,5m<sup>3</sup> bố trí tại cổng ra – vào chợ

**Hình 3.24. Thiết bị lưu chứa chất thải BQL chợ bố trí**

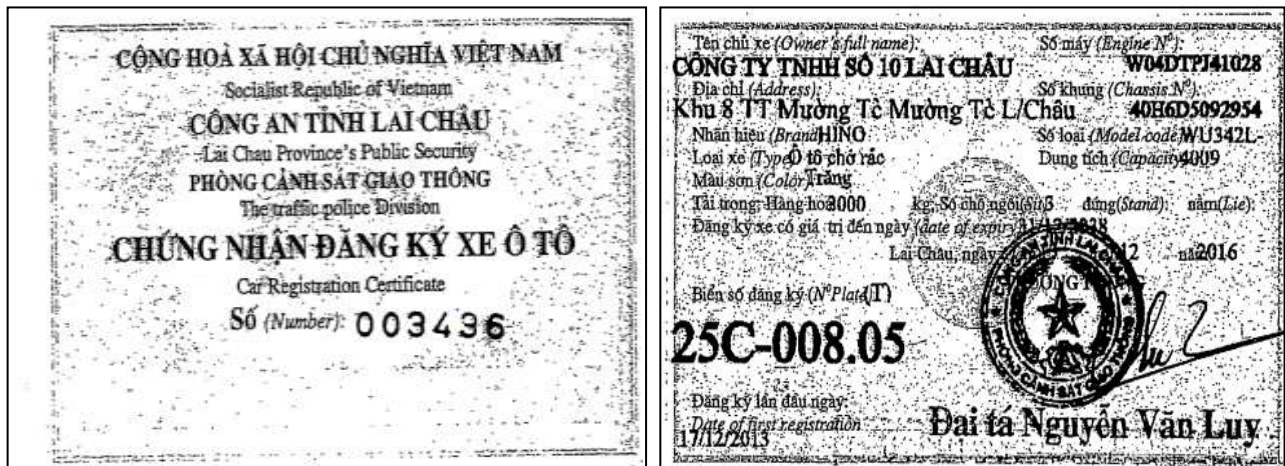


Sọt rác chứa rác khô bố trí tại các quầy hàng, ki ốt



Thùng chứa rác ướt tại các quầy hàng

**Hình 3.25. Thiết bị lưu chứa chất thải các hộ kinh doanh tự bố trí**



**Hình 3.26. Giấy chứng nhận đăng ký ô tô chở rác của Công ty**

### 3.2. Biện pháp xử lý bùn thải

- Bùn thải từ các bể tự hoại:

+ Theo TCVN 7957:2008, Thoát nước – Mạng lưới công trình và bên ngoài – Tiêu chuẩn thiết kế, lượng chất rắn lơ lửng trong nước thải sinh hoạt đưa vào bể tự hoại khoảng 65g/người/ngày, ước tính số người tối đa mà các bể phục vụ khoảng 500 người, căn cứ vào hiệu suất xử lý TSS và BOD sau khi qua bể tự hoại giảm 70-75%, lượng cặn lắng giữ lại trong bể tự hoại tính bằng 70% lượng cặn vào bể, tương ứng vào khoảng 24,3kg/ngày.

+ Công ty sẽ thuê đơn vị có chức năng hút bùn từ bể tự hoại định kỳ 3 năm/lần, khi hút cặn để lại 20% phần cặn đã lên men để duy trì vi sinh vật giúp cho quá trình lên men

cặn được nhanh hơn. Lượng cặn hút định kỳ 3 năm vào khoảng 21,3kg, tương ứng 12,75m<sup>3</sup> (tỷ trọng điển hình của bùn thải từ 1,5-1,67 tấn/m<sup>3</sup>).

- Bùn thải từ bể lắng lọc:

+ Theo tính tại mục a.1 trang 53. Tải lượng bùn phát sinh từ bể lắng lọc vào khoảng 3,18kg/ngày.

+ Công ty sẽ thuê đơn vị có chức năng hút bùn từ bể lắng lọc định kỳ 3 năm/lần, khi hút cặn để lại 20% phần cặn đã lên men để duy trì vi sinh vật giúp cho quá trình lên men cặn được nhanh hơn. Lượng cặn hút định kỳ 3 năm vào khoảng 21.323kg tương ứng 1,7m<sup>3</sup> (tỷ trọng điển hình của bùn thải từ 1,5-1,67 tấn/m<sup>3</sup>).

- Lượng bùn sinh ra từ quá trình nạo vét các hố ga trên đường thu gom nước mưa khoảng 11,2m<sup>3</sup>/chu kỳ (chu kỳ nạo vét: 6 tháng/lần, lượng bùn sinh ra ước tính khoảng 20% thể tích các hố ga. Tổng thể tích hố ga là 56m<sup>3</sup> (Số lượng 23 hố, kích thước mỗi hố LxBxH =1,2x1,2x1,7m)).

#### 4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

##### a. Khối lượng và chủng loại phát sinh

Trong quá trình vận hành sẽ có một lượng nhỏ chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình kinh doanh, chất thải rắn sinh hoạt có yếu tố nguy hại (như pin, linh kiện điện tử, ắc quy, đèn huỳnh quang thải). Chủng loại và khối lượng các loại chất thải nguy hại được dự báo thể hiện chi tiết ở bảng sau:

**Bảng 3.8. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh**

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Tính chất nguy hại chính
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	10	Đ, ĐS
2	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện, điện tử thải	Rắn	19 02 06	10	Đ, ĐS
3	Pin, Ắc quy thải	Rắn	16 01 12	40	Đ, ĐS, AM
<b>Tổng cộng</b>				<b>60</b>	

*Ghi chú: Tính chất nguy hại: Đ: Có tính độc; ĐS: Có độc tính sinh thái; AM: Ăn mòn.*

##### b. Biện pháp thu gom

Công ty đã đưa ra quy định yêu cầu các hộ kinh doanh trong chợ tự trang bị thùng chứa chất thải nguy hại tại quầy hàng của mình. Vào mỗi chủ nhật hàng tuần các hộ kinh doanh phát sinh chất thải nguy hại có trách nhiệm đem đến nhà ban quản lý chợ để đội vệ sinh chợ tập kết vào các thùng chứa đã bố trí sẵn ở khu vực lưu giữ chất thải nguy hại trong nhà.

##### c. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ



### c.1. Thiết bị lưu chứa

- Ban quản lý chợ bố trí các thùng chứa, lưu giữ các loại chất thải nguy hại riêng biệt, số lượng thùng tùy theo số lượng các loại chất thải nguy hại phát sinh thực tế sau khi đi vào hoạt động. Ban quản lý chợ sẽ rà soát và thay thế các thùng chứa rác bị hư hỏng.

- Hiện tại, Công ty đã bố trí 03 thùng nhựa có nắp đậy dung tích 60lít để tập kết, lưu chứa chất thải nguy hại (số thùng sau này sẽ tăng thêm khi chất thải phát sinh với số lượng nhiều hơn).

- Thùng chứa đã bố trí có cấu tạo bằng vật liệu composite đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật sau:

+ Vỏ có khả năng chống được sự ăn mòn, không bị gỉ, không phản ứng hóa học với CTNH bên trong, có khả năng chống thấm cao.

+ Kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải trong quá trình sử dụng.

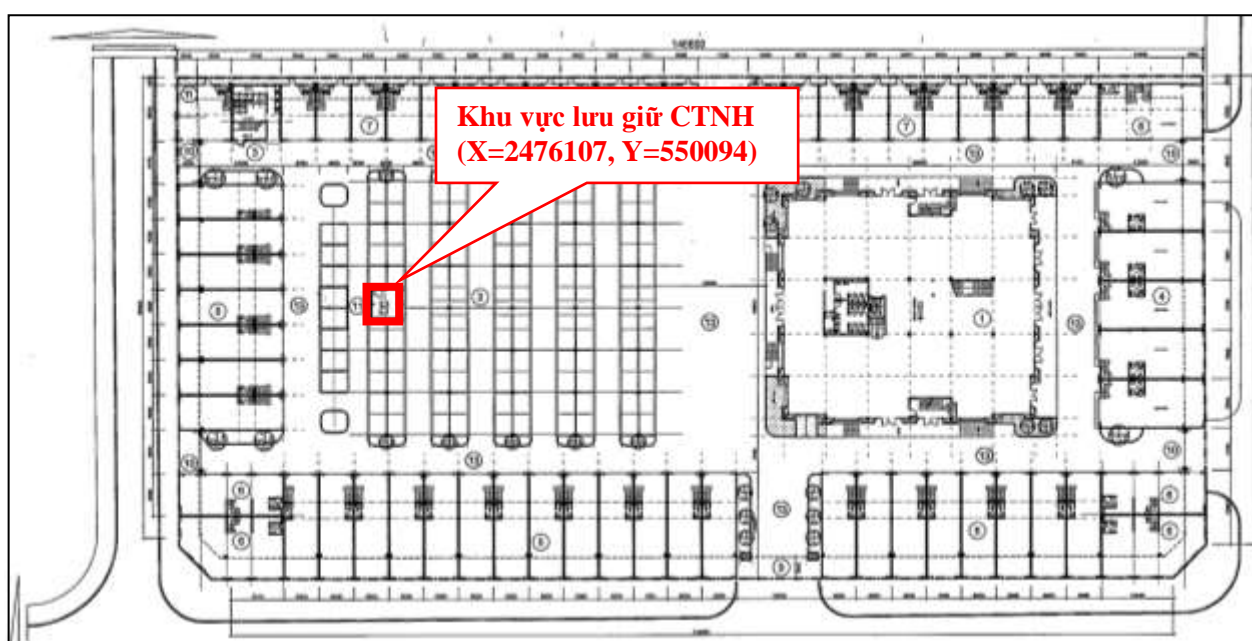
- Mỗi thùng đều dán mã CTNH riêng được ghi rõ, dễ đọc, không bị mờ và phai màu.

### c.2. Kho/khu vực lưu giữ trong nhà

- Các thùng chứa CTNH được lưu giữ trong khu vực riêng biệt diện tích  $7m^2$  nằm trong trạm bơm diện tích  $30m^2$ , kích thước:  $5x6m$ .

- Khu vực lưu giữ CTNH đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật sau: Được xây dựng kín, kiên cố với nền bê tông đá 1x2 mác 200 dày 120mm. Tường bao che xây gạch ống 75#. Trát VXM75# dày 15mm, mái lợp tôn cách nhiệt. Khu vực lưu giữ có lắp đặt biển báo, dấu hiệu cảnh báo, dán nhãn, thiết bị phòng cháy chữa cháy.

- Hình ảnh về thiết bị thu gom, khu vực lưu giữ chất thải nguy hại Công ty đã bố trí:



Hình 3.27. Vị trí khu vực lưu giữ chất thải nguy hại



**Hình 3.28. Hình ảnh khu vực lưu giữ và thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại**

#### **d. Biện pháp xử lý**

Đến thời điểm lập Báo cáo đề xuất cấp GPMT, cơ sở chưa phát sinh chất thải nguy hại. Cơ sở cam kết phân loại các loại chất thải nguy hại và quản lý theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; cam kết hợp đồng với đơn vị có chức năng để thực hiện chuyển giao, xử lý đúng quy định.

### **5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn**

Tiếng ồn là không thể tránh khỏi trong quá trình hoạt động Chợ. Tuy nhiên, mức độ ồn từ hoạt động mua bán là một đặc trưng, không thể khống chế được và rất khó xác định cụ thể, cũng chỉ xảy ra theo 1 thời điểm nhất định trong ngày, do đó mức độ ồn đối với cơ sở là có thể chấp nhận được.

Tuy nhiên, để nhằm giảm bớt mức độ tác động của độ ồn trong khu vực chợ đến các đối tượng xung quanh ngay từ khâu thiết kế mặt bằng tổng thể công trình đã được bố trí hợp lý với khu chợ ngoài trời có mái che, nhà chợ chính được bố trí ở trung tâm, xung quanh được bao bọc bởi các dãy ki ốt. Công ty đã thiết kế diện tích đất cây xanh xen giữa các công trình đảm bảo thực hiện giải pháp trồng cây xanh với tỉ lệ 2,4% trong tổng diện tích quy hoạch. Trồng cây xanh vừa có tác dụng tạo cảnh quan, vừa hấp thụ các chất ô nhiễm, giảm tiếng ồn ra môi trường xung quanh.

### **6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

#### **6.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố môi trường đối với nước thải**

Công ty đã đưa ra các biện pháp, phương án để phòng ngừa sự cố có thể xảy ra với hệ thống xử lý nước thải. Các biện pháp phòng ngừa sự cố chú trọng vào các nội dung như sau:

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những môi nối trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.
- Thường xuyên theo dõi lưu lượng nước thải (thông qua lượng nước tiêu thụ) để đánh giá tình trạng hệ thống thu gom nước thải.
- Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên mạng dẫn, thu gom nước thải.
- Theo dõi chất lượng nước sau xử lý.
- Khi có sự cố sẽ tiến hành sửa chữa với thời gian nhanh nhất để đưa hệ thống đi vào hoạt động trở lại.
- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để tránh tắc nghẽn hệ thống.

Trong quá trình hoạt động của cơ sở có thể phát sinh các sự cố do vận hành hệ thống xử lý nước thải hoặc sự cố tắc cống, vỡ đường ống thoát nước thải. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố được đưa ra như sau:

- Ban quản lý chợ theo dõi nắm bắt tình hình hoạt động, hiệu quả của công trình thu gom, xử lý nước thải. Báo cáo Công ty kịp thời khi có sự cố xảy ra.
- Trường hợp đường ống thu gom nước thải bị giập vỡ, ách tắc gây ứ đọng nước thải:
  - + Cử cán bộ tìm kiếm, xác định các vị trí bị tắc, vỡ.
  - + Thông đường ống, cống tắc nghẽn.
  - + Thay thế đường ống thoát nước bị hỏng.
- Trong trường hợp phát hiện bất kỳ sự cố nào liên quan đến chất lượng nước thải sau xử lý (nước thải có mùi, màu sắc bất thường,...) sẽ tiến hành lấy mẫu để kiểm tra chất lượng nước thải. Kiểm tra tình trạng hoạt động của các công trình xử lý nước thải. Định kỳ bổ sung chế phẩm vi sinh vào bể tự hoại. Thường xuyên nạo vét bùn cặn công trình xử lý nước thải nhằm tăng khả năng lắng của nước thải.

## **6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ**

### ***a. Công tác phòng ngừa***

Nếu có cháy nổ xảy ra trong quá trình hoạt động của chợ thì thiệt hại là khá lớn bởi nó gắn liền với tài sản của từng hộ kinh doanh, ảnh hưởng đến môi trường và khu vực dân cư quanh chợ. Vì vậy, để phòng chống các sự cố cháy nổ xảy ra trong giai đoạn hoạt động, chủ cơ sở đã thực hiện các biện pháp phòng ngừa như sau:

#### **\* Công tác kỹ thuật:**

- Đã lập hồ sơ thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy được Phòng cảnh

sát PCCC & CNCH Công an tỉnh Lai Châu cấp Giấy chứng nhận số 88/TD-PCCC ngày 12/10/2018.

- Trong giai đoạn thi công xây dựng hệ thống phòng cháy, chữa cháy được thiết kế bảo đảm độ bền, quá trình hoạt động ổn định, chính xác để bảo đảm phát hiện, cô lập, hạn chế các yếu tố gây cháy, ngăn chặn không cho lan truyền đám cháy và dập tắt các sự cố cháy một cách nhanh chóng, để hạn chế tới mức thấp nhất thiệt hại cho công trình và môi trường.

- Hệ thống PCCC của cơ sở đã được Phòng cảnh sát PCCC & CNCH Công an tỉnh Lai Châu chấp thuận kết quả nghiệm thu tại văn bản số 171/NT-PC07 ngày 23/02/2023 dựa trên căn cứ Biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy ngày 03/6/2022 và ngày 13/02/2023 với các nội dung như sau:

+ Đường giao thông, bãi đỗ phục vụ cho xe chữa cháy:

++ Phía ngoài công trình: Xung quanh công trình, đường giao thông có thể tiếp cận tới công trình bằng các hướng; chiều rộng, tải trọng và độ dốc của giao thông đảm bảo cho xe chữa cháy hoạt động.

++ Trong phạm vi công trình: Có đường nội bộ tiếp giáp với các hạng mục trong công trình; đường với chiều rộng >3,5m, chiều cao thông thủy >4,5m; tải trọng nền đường và độ dốc đảm bảo cho xe chữa cháy hoạt động.

++ Khoảng cách đường đến vị trí nguồn nước, họng lấy nước, họng tiếp nước vào hệ thống, họng tiếp vào họng khô đảm bảo khoảng cách theo quy định.

+ Khoảng cách an toàn PCCC: Khoảng cách an toàn giữa các hạng mục trong công trình và khoảng cách đến các công trình lân cận đảm bảo theo quy định tại Bảng E.1 và E.3, QCVN 06:2021/BXD -Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình do Bộ Xây dựng ban hành.

+ Bậc chịu lửa: Bậc II.

+ Bố trí công năng: Mặt bằng, công năng đảm bảo hồ sơ thiết kế được duyệt.

+ Lối, đường thoát nạn: Hạng mục nhà chợ chính bố trí 02 đường, lối, cầu thang thoát nạn với chiều rộng >0,9m, chiều cao >2,2m đảm bảo theo thiết kế đã được phê duyệt và theo các quy định hiện hành; Tầng hầm có 02 lối thoát nạn lên tầng 1 với chiều rộng, chiều cao bậc thang bảo đảm theo quy định; Tầng 1 có 02 lối thoát nạn ra ngoài trực tiếp với chiều rộng, chiều cao đảm bảo theo quy định; Tầng 2 đến tầng mái bố trí 02 cầu thang thoát nạn; mỗi thang có chiều rộng thông thủy về thang 0,9m; chiều rộng, chiều cao bậc thang bảo đảm theo quy định.

+ Hệ thống thông gió, hút khói tầng hầm:

++ Hệ thống thông gió: Trang bị 02 quạt hút QTA L=24.000m<sup>2</sup>/h, P=675Pa.

++ Hệ thống hút khói: Trang bị 02 quạt thổi QTA L=10.000m<sup>2</sup>/h, P=675Pa.

Hệ thống thông gió, hút khói được liên động với hệ thống báo cháy tự động và được liên động với nhau.

+ Hệ thống báo cháy tự động:

++ Tủ trung tâm báo cháy tự động 08 kênh mở rộng đến 64 kênh (Hochiki/Canada): 1 cái. Tủ trung tâm báo cháy tự động 08 kênh mở rộng đến 24 kênh (Hochiki/Canada): 3 cái. Các tủ trung tâm báo cháy được lắp đặt tại nhà ban quản lý chợ có người thường trực 24/24h.

++ Đầu báo cháy khói quang (Hochiki/Mỹ): 53 cái; Đầu báo cháy nhiệt (Hochiki/Mỹ): 536 cái; Hộp nút ấn báo cháy (Hochiki/Mỹ): 71 bộ; Còi đèn báo cháy địa chỉ (Hochiki/Mỹ): 71 bộ. Và các thiết bị, chi tiết của hệ thống báo cháy kèm theo.

+ Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn: Được lắp đặt cho khu vực hành lang tại các tầng và tại các lối thoát nạn trong công trình, gồm: Đèn báo cháy sự cố (Trung Quốc) 29 cái; Đèn chỉ dẫn thoát nạn Exit (Trung Quốc) 43 cái.

+ Hệ thống chữa cháy:

++ Trạm bơm: Bố trí 03 máy bơm (01 bơm điện chính, 01 bơm diesel dự phòng và 01 bơm điện bù áp) và các thiết bị phụ trợ như tủ điều khiển bơm, van báo động, van khóa, công tác áp lực, van báo động, đồng hồ đo áp suất,... của hệ thống dùng để cung cấp nước chữa cháy cho họng nước chữa cháy trong nhà, chữa cháy tự động và cấp nước chữa cháy ngoài nhà.

++ Bể nước chữa cháy: Bố trí 02 bể nước cứu hỏa với khối tích là 200m<sup>3</sup> có cấp nước liên tục đảm bảo lượng bù nước khi chữa cháy.

++ Hệ thống chữa cháy bằng nước: Bố trí các đầu phun, van góc, vòi chữa cháy, lăng chữa cháy, họng chữa cháy ngoài nhà, họng chờ tiếp nước chữa cháy ngoài nhà.

+ Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu và bố trí phương tiện cứu người, dụng cụ phá dỡ thông thường:

++ Bình bột chữa cháy MFZ4 (Việt Nam): 105 bình.

++ Bình khí chữa cháy MT3 (Việt Nam): 63 bình.

++ Nội quy, tiêu lệnh PCCC: 21 bộ.

- Hệ thống chống sét được thi công, lắp đặt đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật theo Quy chuẩn, Tiêu chuẩn hiện hành.

*(Bản vẽ hoàn công hệ thống phòng cháy chữa cháy; Biên bản kiểm tra và văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu tại Phụ lục Báo cáo).*

#### **\* Công tác quản lý**

- Bố trí, sắp xếp ngành hàng kinh doanh, điểm kinh doanh theo đúng phương án đã được phê duyệt tại Quyết định số 1308/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của UBND thành phố Lai Châu.

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan.

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống

kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng.

- Thường xuyên theo dõi bổ sung, thay thế các bảng tiêu lệnh, nội quy PCCC nếu bị mất hoặc mờ chữ.

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về PCCC đối với Chợ đầu mối tỉnh Lai Châu theo quy định tại Điều 5, nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC.

- Ban quản lý chợ thường xuyên tổ chức các đợt kiểm tra và tự kiểm tra thực hiện các quy định của pháp luật về PCCC, qua đó đưa ra các biện pháp khắc phục kịp thời những nguy cơ tiềm ẩn, thiếu sót, tồn tại có thể gây ra.

- Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến pháp luật về kiến thức về PCCC cho các hộ kinh doanh.

- Đồng thời, ban quản lý chợ cũng ban hành nội quy trong chợ về phòng chống cháy nổ như sau:

+ Hàng hóa kinh doanh không thuộc danh mục pháp luật cấm, không có chứa chất dễ gây cháy khác, không kinh doanh hàng giả, hàng không có nguồn gốc xuất xứ, hàng quá hạn sử dụng, hàng không đảm bảo chất lượng, phải sắp xếp hàng hóa gọn gàng, ngăn nắp.

+ Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về phòng cháy chữa cháy và phòng chống thiên tai. Nghiêm cấm thờ cúng, đốt nhang, đèn, vàng mã, đun nấu dưới mọi hình thức. Khi mất điện hoặc nghỉ bán, phải ngắt tất cả các thiết bị tiêu điện.

- Kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm quy định, nội quy PCCC:

+ Vi phạm không nghiêm trọng lần đầu lập biên bản nhắc nhở nêu tên trên phương tiện truyền thanh của chợ.

+ Vi phạm lần thứ hai không nghiêm trọng thì lập biên bản, đình chỉ kinh doanh trong 7 ngày. Vi phạm lần thứ 3 đình chỉ kinh doanh thu và hồi địa điểm kinh doanh.

+ Vi phạm nghiêm trọng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

### ***b. Biện pháp ứng cứu***

Trường hợp xảy ra cháy nổ, biện pháp ứng cứu như sau:

- Biện pháp cơ bản trong chữa cháy:

+ Huy động nhanh nhất các lực lượng, phương tiện để dập tắt ngay đám cháy.

+ Tập trung cứu người, cứu tài sản và chống cháy lan.

+ Thống nhất chỉ huy, điều hành trong chữa cháy.

- Người phát hiện thấy cháy phải bằng mọi cách báo cháy ngay cho người xung quanh biết, cho một hoặc tất cả các đơn vị sau đây:

+ Đội PCCC và cứu nạn cứu hộ khu vực chợ.

+ Cảnh sát PCCC nơi gần nhất.

+ Chính quyền địa phương sở tại hoặc cơ quan Công an nơi gần nhất.

- Người có mặt tại nơi xảy ra cháy và có sức khỏe phải tìm mọi biện pháp để cứu người, ngăn chặn cháy lan và dập cháy; người tham gia chữa cháy phải tuân theo lệnh của người chỉ huy chữa cháy.

- Khắc phục hậu quả vụ cháy:

+ Tổ chức cấp cứu ngay người bị nạn; cứu trợ, giúp đỡ người bị thiệt hại ổn định đời sống.

+ Thực hiện các biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường, trật tự an toàn xã hội.

+ Nhanh chóng phục hồi hoạt động kinh doanh.

## **7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác**

### **7.1. Các biện pháp đảm bảo an ninh trật tự, an toàn kinh doanh**

Công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn kinh doanh trong khu vực chợ luôn được coi trọng. Cơ sở đã và đang duy trì thực hiện các biện pháp sau:

- Tổ chức đội bảo vệ giữ gìn an ninh trật tự, bảo vệ tài sản của các hộ kinh doanh và tiểu thương trong chợ.

- Phối hợp với chính quyền và công an địa phương trong công tác giữ gìn an ninh trật tự.

- Xây dựng, ban hành và niêm yết nội quy về hoạt động chợ. Công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn kinh doanh, giữ gìn nếp sống văn hóa được đề cập trong bảng nội quy như sau:

+ Chợ hoạt tất cả các ngày trong tuần từ 5 giờ 00 đến 20 giờ 00 (lễ, tết có thông báo riêng), khu hàng tươi sống mở cửa từ 04 giờ 00 sáng.

+ Phải ký hợp đồng thực hiện nghiêm túc các nội dung của Hợp đồng thuê địa điểm kinh doanh, không tự ý sang nhượng, trao đổi hoặc thay đổi chủ kinh doanh khi chưa có ý kiến của BQL chợ. Phải có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cơ quan nhà nước cấp đối với các mặt hàng, ngành nghề bắt buộc phải có giấy phép kinh doanh.

+ Phải thực hiện đầy đủ, đúng kỳ hạn các loại thuế, phí đối với ngân sách nhà nước.

+ Chấp hành sự sắp xếp ngành hàng kinh doanh theo đúng quy hoạch của chợ không lấn chiếm coi lớn diện tích kinh doanh đã xây dựng.

+ Hàng hóa kinh doanh không thuộc danh mục pháp luật cấm, không có chứa chất dễ gây cháy khác, không kinh doanh hàng giả, hàng không có nguồn gốc xuất xứ, hàng quá hạn sử dụng, hàng không đảm bảo chất lượng, phải sắp xếp hàng hóa gọn gàng, ngăn nắp.

+ Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về phòng cháy chữa cháy và phòng chống thiên tai. Nghiêm cấm thờ cúng, đốt nhang, đèn, vàng mã, đun nấu dưới mọi hình thức. Khi mất điện hoặc nghi bán, phải ngắt tất cả các thiết bị tiêu điện.

+ Bảo vệ, giữ gìn trật tự an ninh xã hội, an ninh chính trị nghiêm cấm mọi hành vi gây rối trật tự trong phạm vi chợ. Không tổ chức, tham gia cờ bạc, đề, hụi, huy động vốn

trái phép, lừa đảo, bảo vệ tài sản công, tài sản cá nhân.

+ Ra vào chợ phải dừng, đậu, gửi xe và các phương tiện chuyên chở, đi lại bên ngoài chợ. Không vác hàng hóa công kênh đi lại trong chợ.

+ Giữ gìn vệ sinh chung, không vứt (xả) rác, đổ nước, chất thải bừa bãi trong chợ. Tự trang bị dụng cụ đựng rác; vật liệu thải có nắp đậy kín; Đổ rác phải đúng nơi quy định, thực hiện các quy định về kiểm dịch, vệ sinh an toàn thực phẩm.

+ Không thách giá, không tranh giành, lôi kéo, không nài ép, lừa dối, lừa gạt khách hàng. Phải niêm yết giá hàng hóa, dịch vụ, thực hiện cân đo, đong, đếm chính xác.

+ Xử lý vi phạm: Thương nhân kinh doanh trong chợ vi phạm pháp luật phải xử lý theo quy định của pháp luật, vi phạm các quy định của chợ phải xử lý theo hình thức sau:

++ Vi phạm không nghiêm trọng lần đầu lập biên bản nhắc nhở nêu tên trên phương tiện truyền thanh của chợ.

++ Vi phạm lần thứ hai không nghiêm trọng thì lập biên bản, đình chỉ kinh doanh trong 7 ngày. Vi phạm lần thứ 3 đình chỉ kinh doanh thu và hồi địa điểm kinh doanh.

++ Vi phạm nghiêm trọng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

## **7.2. Biện pháp đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và phòng chống dịch bệnh**

- Bố trí, sắp xếp ngành hàng kinh doanh, điểm kinh doanh theo đúng phương án đã được phê duyệt tại Quyết định số 1308/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của UBND thành phố Lai Châu.

- Lắp đặt biển hiệu tại các ki ốt, công khai tên hộ kinh doanh, ngành hàng kinh doanh và số điện thoại liên hệ.

- Xây dựng, ban hành và niêm yết nội quy về hoạt động chợ. Công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và phòng chống dịch bệnh được đề cập trong bảng nội quy như sau:

+ Không kinh doanh hàng giả, hàng không có nguồn gốc xuất xứ, hàng quá hạn sử dụng, hàng không đảm bảo chất lượng, phải sắp xếp hàng hóa gọn gàng, ngăn nắp.

+ Giữ gìn vệ sinh chung, không vứt (xả) rác, đổ nước, chất thải bừa bãi trong chợ. Tự trang bị dụng cụ đựng rác; vật liệu thải có nắp đậy kín; Đổ rác phải đúng nơi quy định, thực hiện các quy định về kiểm dịch, vệ sinh an toàn thực phẩm.

+ Xử lý vi phạm: Thương nhân kinh doanh trong chợ vi phạm pháp luật phải xử lý theo quy định của pháp luật, vi phạm các quy định của chợ phải xử lý theo hình thức sau:

++ Vi phạm không nghiêm trọng lần đầu lập biên bản nhắc nhở nêu tên trên phương tiện truyền thanh của chợ.

++ Vi phạm lần thứ hai không nghiêm trọng thì lập biên bản, đình chỉ kinh doanh trong 7 ngày. Vi phạm lần thứ 3 đình chỉ kinh doanh thu và hồi địa điểm kinh doanh.

++ Vi phạm nghiêm trọng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo



quy định của pháp luật.

- BQL chợ đã biên chế nhân viên vệ sinh môi trường tiến hành thu gom chất thải rắn 01 ngày/lần vào cuối ngày trước ô tô chở rác đến vận chuyển đi xử lý đảm bảo rác thải không để tồn đọng sang ngày hôm sau.

- Các hố ga trong khu vực này được đóng kín để tránh trường hợp ruồi muỗi đậu vào thức ăn, gây bệnh và lây bệnh cho người dân trong khu vực.

- Định kỳ phun thuốc khử trùng tại các khu vực bán hàng tươi sống, tần suất 1 tháng/lần. Đặc biệt, trong thời gian có dịch (cúm gia cầm, lợn tai xanh,...) tần suất phun thuốc khử trùng 1 tuần/lần.

Một số hình ảnh về nội quy được niêm yết tại chợ:



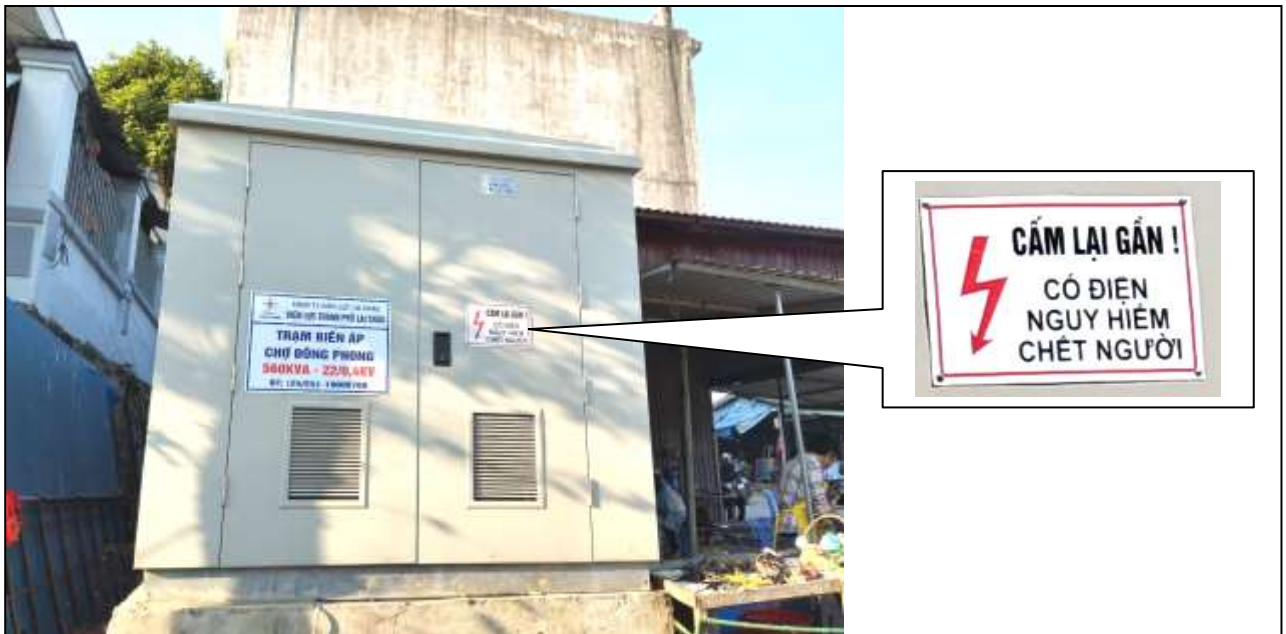
Hình 3.29. Một số nội quy được niêm yết tại chợ

Một số hình ảnh về bố trí ngành hàng kinh doanh tại chợ:



**Hình 3.30. Một số hình ảnh bố trí ngành hàng kinh doanh trong chợ**

Hình ảnh cảnh báo nguy hiểm, cấm lại gần trạm biến áp:



**Hình 3.31. Cảnh báo nguy hiểm, cấm lại gần trạm biến áp**

## 8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Trong quá trình thực hiện cơ sở có một số nội dung thay đổi so với Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường như sau:

**(1). Quy mô xây dựng công trình chính của cơ sở**

**Bảng 3.9. Quy mô xây dựng công trình chính của cơ sở**

TT	Được phê duyệt ĐTM theo Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 11/6/2018	Theo báo cáo đề xuất cấp GPMT	Nội dung điều chỉnh theo báo cáo đề xuất cấp GPMT so với ĐTM	Lý do điều chỉnh	Văn bản cấp thuận của cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM	Đánh giá tác động đến môi trường của việc thay đổi so với ĐTM
1	Dự án thuộc công trình chợ hạng II, được xây dựng với diện tích 10.462,1m <sup>2</sup> gồm các hạng mục công trình chính sau:	Dự án thuộc công trình chợ hạng II, được xây dựng với diện tích 10.462,1m <sup>2</sup> gồm các hạng mục công trình chính sau:	-Điều chỉnh thiết kế từ nhà 02 tầng thành nhà 03 tầng. -Giảm diện tích xây dựng.	Điều chỉnh phương án kiến trúc để phù hợp với nhu cầu phù hợp với cảnh quan và khớp nối đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật trong khu vực.	Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số: 9786/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND tỉnh Lai Châu.	- Tại thời điểm phê duyệt chủ trương đầu tư và lập báo cáo ĐTM năm 2017, Dự án mới ở giai đoạn lập dự án đầu tư nên việc quy hoạch bố trí các hạng mục công trình mới chỉ được xác định sơ bộ và được điều chỉnh chuẩn hóa lại trong giai đoạn quy hoạch chi tiết. - Điều chỉnh làm tăng diện tích xây dựng các hạng mục công trình chính từ 6.180m <sup>2</sup> lên 6.220m <sup>2</sup> (tăng 40m <sup>2</sup> ), Tuy nhiên, xét về tổng thể lại không làm thay đổi về quy mô diện tích sử dụng đất của dự án đã được UBND tỉnh Lai Châu thu hồi và cho Công ty thuê sử dụng tại Quyết định số 1048/QĐ-UBND ngày 13/9/2017. - Điều chỉnh không làm gia tăng quy mô điểm kinh doanh dẫn đến gia tăng các tác động xấu đến môi trường (theo ĐTM số lượng điểm kinh doanh là 471 điểm; Theo báo cáo đề xuất cấp GPMT là 307 điểm, được UBND thành phố Lai Châu phê duyệt phương án tại Quyết định số 1308/QĐ-UBND ngày 30/7/2019). => Cơ sở có điều chỉnh phương án kiến trúc để phù hợp với nhu cầu phù hợp với cảnh quan và khớp nối đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật trong khu vực và đã được tính toán kỹ lưỡng. Việc điều chỉnh không ảnh hưởng tới môi trường như gia tăng lượng nước thải, gia tăng lượng chất thải phát sinh... Thay đổi đã được cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM là UBND tỉnh Lai Châu chấp thuận tại Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số: 9786/QĐ-UBND ngày 23/8/2018, giải pháp thiết kế điều chỉnh đã được Sở Xây dựng tỉnh Lai Châu thẩm định và chấp thuận kết quả tại văn bản số 998/SXD-QLXD ngày 03/12/2018.
2	Nhà chợ chính: 02 tầng, diện tích dự kiến xây dựng là 1.690m <sup>2</sup>	Nhà chợ chính: 03 tầng (1 tầng hầm, 2 tầng nổi), diện tích xây dựng là 1.172m <sup>2</sup>	Tăng diện tích xây dựng			
3	Chợ ngoài trời có mái che diện tích dự kiến xây dựng là 1.514m <sup>2</sup>	Chợ ngoài trời có mái che diện tích xây dựng là 1.600m <sup>2</sup>	-Điều chỉnh thiết kế. -Tăng diện tích xây dựng.			
4	Nhà ki ốt bán hàng: Diện tích dự kiến xây dựng 2.896m <sup>2</sup> , trong đó: - Ki ốt 2,5 tầng: 26 căn 5x8m, diện tích dự kiến xây dựng 1.856m <sup>2</sup> . - Ki ốt 3,5 tầng: 29 căn 5x12m, diện tích dự kiến xây dựng 1.040m <sup>2</sup> .	Nhà ki ốt bán hàng: Diện tích dự kiến xây dựng 3.392m <sup>2</sup> , trong đó: - Ki ốt 3 tầng 1 tum: + 29 căn 5x12m, diện tích xây dựng 1.740m <sup>2</sup> . + 3 căn 6x12m, diện tích xây dựng 216m <sup>2</sup> . + 5 căn 7x12m, diện tích xây dựng 420m <sup>2</sup> . - Ki ốt 3 tầng: + 23 căn 5x8m, diện tích xây dựng 920m <sup>2</sup> . + 1 căn 8x12m, diện tích xây dựng 96m <sup>2</sup> .	- Điều chỉnh thiết kế nhà làm việc ban quản lý chợ và nhà kiểm dịch thành 1 khối nhà đồng nhất để thuận tiện cho công tác xây dựng và quản lý vận hành. - Giảm diện tích xây dựng.			
5	Nhà làm việc Ban quản lý chợ diện tích dự kiến xây dựng 40m <sup>2</sup> , kích thước mặt bằng 5x8m gồm 2 tầng 1 tum	Nhà làm việc ban quản lý chợ + trạm kiểm dịch và WC công cộng diện tích xây dựng 56m <sup>2</sup> , thiết kế nhà 3 tầng, trong đó: Trạm kiểm dịch ở tầng 3; nhà ban quản lý chợ ở tầng 2; WC công cộng ở tầng 1.				
	Nhà trạm kiểm dịch diện tích dự kiến xây dựng 40m <sup>2</sup> , kích thước mặt bằng 5x8m gồm 2 tầng 1 tum					

**(2). Lưu lượng xả nước thải**

**Bảng 3.10. Lưu lượng xả nước thải**

TT	Được phê duyệt ĐTM theo Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 11/6/2018	Theo báo cáo đề xuất cấp GPMT	Nội dung điều chỉnh theo báo cáo đề xuất cấp GPMT so với ĐTM	Lý do điều chỉnh	Đánh giá tác động đến môi trường của việc thay đổi so với ĐTM
1	51m <sup>3</sup> /ngày (24 giờ)	46m <sup>3</sup> /ngày (24 giờ)	Giảm lưu lượng xả nước thải. Nhỏ hơn lưu lượng dự kiến đề xuất trong báo cáo ĐTM	Lưu lượng xả nước thải được tính bằng 100% lượng nước cấp. Tại thời điểm phê duyệt báo cáo ĐTM năm 2018, dự án mới ở giai đoạn lập dự án đầu tư,	Thay đổi theo chiều hướng tích cực sự thay đổi này để phù hợp với Quy mô, giải pháp



			là 5m <sup>3</sup> /ngày.	tính toán nhu cầu sử dụng nước dựa trên các hạng mục thiết kế cơ sở. Trước khi tiến hành hoạt động xây dựng các hạng mục công trình đã được điều chỉnh về thiết kế, tính toán chuẩn hóa lại nhu cầu sử dụng nước trong hồ sơ thiết kế thi công. Đến thời điểm đề xuất cấp giấy phép môi trường các hạng mục công trình chính đã hoàn thành xây dựng 61%, đảm bảo như thiết kế được duyệt và đã được sở xây dựng nghiệm thu tại thông báo số 260/TB-SXD ngày 15/3/2023.	thiết kế điều chỉnh
--	--	--	---------------------------	--	---------------------

### (3). Công trình bảo vệ môi trường

**Bảng 3.11. Các hạng mục, công trình xử lý chất thải**

TT	Hạng mục	Được phê duyệt ĐTM theo Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 11/6/2018	Theo báo cáo đề xuất cấp GPMT	Nội dung điều chỉnh theo báo cáo đề xuất cấp GPMT so với ĐTM	Lý do điều chỉnh	Đánh giá tác động đến môi trường của việc thay đổi so với ĐTM
1	Công trình xử lý nước thải	-Bể tự hoại 3 ngăn: 62 bể, 557m <sup>3</sup> . Trong đó: + Nhà chợ chính: 01 bể x 15m <sup>3</sup> . + Ki ốt 2 tầng 1 tum: 26 bể x 9m <sup>3</sup> . + Ki ốt 3 tầng: 29 bể x 9m <sup>3</sup> . + Chợ ngoài trời có mái che: 01 bể x 10m <sup>3</sup> . + Nhà vệ sinh công cộng: 01 bể x 10m <sup>3</sup> . + Nhà ban quản lý chợ: 01 bể x 9m <sup>3</sup> . + Nhà kiểm dịch: 01 bể x 9m <sup>3</sup> . + Nhà bảo vệ: 01 bể x 9m <sup>3</sup> . -Bể lắng 2 vỏ: 01 bể x 10,2m <sup>3</sup>	-Bể tự hoại 3 ngăn: 63 bể, 209m <sup>3</sup> . Trong đó: + Nhà chợ chính: 01 bể x 15m <sup>3</sup> . + Ki ốt 3 tầng 1 tum: 37 bể x 3m <sup>3</sup> , trong đó: ++ Ki ốt 5x12m: 29 bể x 3m <sup>3</sup> ++ Ki ốt 6x12m: 3 bể x 3m <sup>3</sup> ++ Ki ốt 7x12m: 5 bể x 3m <sup>3</sup> + Ki ốt 3 tầng: 24 bể x 3m <sup>3</sup> , trong đó: ++ Ki ốt 5x8m: 23 bể x 3m <sup>3</sup> ++ Ki ốt 8x12m: 1 bể x 3m <sup>3</sup> + Nhà BQL + trạm kiểm dịch + WC: 01 bể x 11m <sup>3</sup> . -Bể lắng lọc: 01 bể x 18m <sup>3</sup>	- Giảm dung tích của bể tự hoại 3 ngăn. -Thay thế bể lắng 2 vỏ bằng bể lắng lọc	-Đề phù hợp với Quy mô, giải pháp thiết kế tại Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 976/QĐ-UBND ngày 23/8/2018, tương ứng với một công trình là 1 bể tự hoại - Căn cứ vào công năng, công dụng vượt trội của bể lắng lọc so với bể lắng 2 vỏ.	Theo tính toán tại báo cáo ĐTM (trang 118), với lưu lượng xả thải 51m <sup>3</sup> /ngày thì dung tích tổng cộng của bể tự hoại để đảm bảo thời gian lưu nước trong bể 2 ngày là 102m <sup>3</sup> . Theo phương án điều chỉnh đề xuất cấp giấy phép môi trường, với lưu lượng xả thải 46 m <sup>3</sup> /ngày thì dung tích tổng cộng của bể tự hoại để đảm bảo thời gian lưu nước trong bể 2 ngày là 92m <sup>3</sup> . Công ty đã tính toán, thiết kế, xây dựng 63 bể tự hoại, với tổng dung tích là 209m <sup>3</sup> , đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh => thay đổi sẽ không gây ảnh hưởng đến môi trường. Bể lắng 2 vỏ thay bằng bể lắng lọc => Đây là thay đổi theo chiều hướng tích cực nhằm nâng cao hiệu quả xử lý nước thải đảm bảo hơn về mặt môi trường.
2	Công trình lưu chứa, xử lý chất thải từ hoạt động kinh doanh của chợ	-Yêu cầu mỗi hộ kinh doanh trong chợ tự trang bị thiết bị thu gom -Tại dự án sẽ bố trí 03 xe rác đẩy tay 0,5m <sup>3</sup> . - Tại dự án sẽ bố trí khu tập kết rác lợp tôn với diện tích 20m <sup>2</sup> . -Không bố trí công trình xử lý mà thuê Công ty Cổ phần Môi trường và Đô thị Lai Châu vận chuyển và xử lý rác.	-Yêu cầu mỗi hộ kinh doanh trong chợ tự trang bị thiết bị thu gom. -Tại cơ sở Công ty đã bố trí 05 xe rác đẩy tay dung tích 0,5m <sup>3</sup> ; 07 thùng nhựa có nắp đậy dung tích 120 lít; 13 sọt chứa rác tại nhà vệ sinh công cộng để thu gom và tập kết rác thải. -Không bố trí công trình xử lý, Công ty tự thu gom, vận chuyển rác ra bãi tập kết rác của thành phố	- Tăng số lượng xe rác đẩy tay và bố trí thêm thùng chứa rác. - Không bố trí khu tập kết rác, Công ty tự thu gom, vận chuyển rác ra bãi tập kết rác của thành phố, với tần suất 1 ngày/lần.	- Tăng số lượng xe rác đẩy tay và bố trí thêm thùng chứa rác: Đảm bảo lưu chứa hết lượng rác thải dự kiến phát sinh. - Rác được thu gom, vận chuyển xử lý hàng ngày không để tồn đọng rác thải sang ngày hôm sau vì vậy không cần thiết bố trí khu tập kết rác lợp tôn với diện tích 20m <sup>2</sup> như đề xuất tại báo cáo ĐTM và thay đổi sẽ không gây ảnh hưởng đến môi trường tại cơ sở.	Thay đổi theo chiều hướng tích cực. Không gây ảnh hưởng đến môi trường
3	Công trình lưu chứa, xử lý chất thải nguy hại	- Bố trí các thùng chứa có nắp đậy, dung tích khoảng 100-150 lít. Số lượng dự kiến là 2 thùng. - Khu vực lưu trữ trong nhà: Diện tích 7m <sup>2</sup> . Vị trí: Gần khu vực trạm điện và nhà ban quản lý chợ. - Không bố trí công trình xử lý mà định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý	- Công ty đã bố trí 03 thùng chứa có nắp đậy, dung tích 60 lít. Số lượng thùng sẽ tăng thêm khi lượng chất thải phát sinh nhiều hơn. - Khu vực lưu trữ trong nhà: Diện tích sử dụng 7m <sup>2</sup> . Vị trí: Nằm trong diện tích trạm bơm 30m <sup>2</sup> xây dựng kiên cố. - Không bố trí công trình xử lý mà định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý	-Tăng số lượng thiết bị lưu chứa. -Thay đổi vị trí lưu chứa chất thải.	Tăng số lượng thiết bị lưu chứa: đảm bảo từng chủng loại chất thải được lưu chứa riêng biệt. Khu vực lưu chứa theo đề xuất tại báo cáo ĐTM được bố trí gần trạm điện 560KVA-22/0,4kV đây là vị trí được đánh giá có tiềm năng cháy nổ, có điện nguy hiểm chết người nên việc tận dụng 1 phần diện tích không sử dụng trong trạm bơm để chứa chất thải nguy hại đảm bảo an toàn và phòng tránh được các nguy cơ kể trên.	Thay đổi theo chiều hướng tích cực. Không gây ảnh hưởng đến môi trường

Những thay đổi được trình bày tại các bảng trên không làm tăng quy mô, công suất, công nghệ sản xuất hoặc thay đổi khác làm tăng tác động xấu đến môi trường của cơ sở đã được phê duyệt trong báo cáo ĐTM. Bên cạnh đó, các thay đổi nêu trên đều thay đổi theo chiều hướng tích cực có lợi cho môi trường như: Cải tiến công nghệ của hạng mục xử lý nước thải sinh hoạt thay đổi từ bể lắng 2 vỏ sang bể lắng lọc để giúp tăng hiệu quả xử lý nước thải, đảm bảo đạt quy chuẩn trước khi xả ra ngoài môi trường. Ngoài ra, việc tăng thùng chứa chất thải giúp đảm bảo lưu chứa hết lượng rác thải dự kiến phát sinh, cũng như đảm bảo từng chủng loại chất thải được lưu chứa riêng biệt (CTNH) đảm bảo tuân thủ các quy định mới về bảo vệ môi trường được quy định tại Luật bảo vệ môi trường 2020 và Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Bên cạnh đó, việc Công ty tự thu gom, vận chuyển rác so với phương án cũ không những tiết kiệm chi phí mà còn tăng tính chủ động, nâng cao hiệu quả về mặt môi trường.

Cơ sở đã đi vào hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 có hiệu lực, nội dung thay đổi trên không thuộc đối tượng lập lại báo cáo đánh giá động môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 37 của luật Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14. Ngoài ra, cơ sở thuộc dự án đầu tư quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều 28 Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 theo quy định tại Điều 37 dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường. Do vậy, nội dung thay đổi trên chủ cơ sở thực hiện theo hướng dẫn tại điểm c khoản 4 Điều 37 của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14: Tự xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm trước pháp luật; tích hợp trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

Công ty kiến nghị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường chấp thuận những thay đổi trên trong quá trình thẩm định và cấp giấy phép môi trường cho cơ sở.

## Chương IV

### NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

#### 1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

##### 1.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, nhân viên làm việc trong chợ; Nước thải sinh hoạt của các hộ kinh doanh trong chợ; nước thải vệ sinh của khách hàng đến chợ.
- Nguồn số 02: Nước thải từ các hoạt động kinh doanh của các hộ kinh doanh chợ.

##### 1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa

Lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép là 46m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ).

##### 1.3. Dòng nước thải

Chủ cơ sở đề nghị cấp phép 01 dòng nước thải. Dòng nước thải sau xử lý tự chảy qua hố ga thăm nước thải sau xử lý, ống u.PVC D125mm của cơ sở ra nguồn tiếp nhận là hệ thống thoát nước chung của thành phố dọc đường Triệu Quang Phục thuộc Tổ 26, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

##### 1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

- Các chất ô nhiễm theo dòng nước thải có hàm lượng chủ yếu là các chất cặn bã, các chất rắn lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ hòa tan (BOD), các hợp chất dinh dưỡng (N, P), dầu mỡ và các vi trùng gây bệnh (Coliform).

- Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đảm bảo đúng QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B với hệ số K=1 (Hệ số K = 1 tương ứng với loại hình chợ có quy mô, diện tích lớn hơn hoặc bằng 1.500m<sup>2</sup>).

**Bảng 4.1. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải**

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	5-9
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000
5	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ) (tính theo N)	mg/l	10
6	Photphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/l	10
7	Sulfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4.0
8	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/l	50
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20
10	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000

##### 1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải vào nguồn tiếp nhận nước thải

- Số lượng điểm xả nước thải sau xử lý: 01 điểm.

- Vị trí xả nước thải sau xử lý vào nguồn tiếp nhận:

+ Toàn bộ nước thải sau xử lý tự chảy qua hố ga thăm nước thải sau xử lý, ống u.PVC D125mm của cơ sở ra nguồn tiếp nhận là hệ thống thoát nước chung của thành phố dọc đường Triệu Quang Phục thuộc Tổ 26, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

+ Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 103<sup>0</sup>, múi chiều 3<sup>0</sup>): X= 2476090, Y= 550129.

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24 giờ/ngày, xả các ngày trong năm.

## **2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải**

Hoạt động của cơ sở không có nguồn phát sinh bụi, khí thải cố định với nồng độ và lưu lượng lớn tại 1 điểm xả thải cụ thể. Vấn đề môi trường không khí chính đối với chợ là do hoạt động giao thông của xe ô tô, xe gắn máy ra vào khu vực chợ... Ngoài ra, còn có các chất ô nhiễm phát sinh từ hoạt động đun nấu tuy nhiên nguồn ô nhiễm này không đáng kể, có thể giảm thiểu được bằng các biện pháp quản lý và kỹ thuật như đã tại chương III của báo cáo nên Công ty không đề xuất nội dung cấp phép đối với khí thải.

## **3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung**

Tiếng ồn là không thể tránh khỏi trong quá trình hoạt động Chợ. Tuy nhiên, mức độ ồn từ hoạt động mua bán là một đặc trưng, không thể khống chế được và rất khó xác định cụ thể, cũng chỉ xảy ra theo 1 thời điểm nhất định trong ngày, do đó mức độ ồn đối với cơ sở là có thể chấp nhận được. Do đó Công ty không đề xuất nội dung cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.

## **4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại**

Cơ sở không thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại nên không đề xuất nội dung này.

## **5. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất**

Cơ sở không nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài nên không đề xuất nội dung này.

## **Chương V**

### **KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

#### **1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải**

Chương trình quan trắc môi trường của Chợ đầu mối tỉnh Lai Châu thực hiện theo nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của UBND tỉnh Lai Châu:

Giám sát chất lượng nước thải:

- Thông số giám sát (11 thông số): pH; BOD<sub>5</sub> (20<sup>0</sup>C); Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Tổng chất rắn hòa tan; Phosphat (PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>); Nitrat (NO<sub>3</sub><sup>-</sup>); Amoni (NH<sub>4</sub><sup>+</sup>); Sulfua (tính theo H<sub>2</sub>S); Tổng các chất hoạt động bề mặt; dầu mỡ động thực vật; Tổng Coliforms.

- Vị trí giám sát: 01 mẫu nước thải sinh hoạt của chợ tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải của chợ.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần trong suốt thời gian vận hành dự án.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14/2008/BTNMT cột B Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

Để giám sát môi trường định kỳ đối với nước thải sinh hoạt, Chủ Cơ sở đã phối hợp với Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu tiến hành khảo sát đo đạc, lấy mẫu phân tích chất lượng nước thải phát sinh.

Thông tin của Đơn vị thực hiện việc quan trắc môi trường; vị trí và kết quả đo đạc, phân tích chất lượng nước thải được thể hiện tại các mục sau:

#### **a. Thông tin của Đơn vị thực hiện việc quan trắc môi trường**

- Tên: Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu.

- Địa chỉ liên hệ: Phố Võ Thị Sáu, tổ 5 phường Tân Phong, thành Phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

- Năng lực hoạt động: Quyết định chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ môi trường số: 1740/QĐ-BTNMT ngày 05/08/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Để phân tích chỉ tiêu Coliform trong nước thải Trung tâm đã phối hợp Công ty TNHH Tư vấn kỹ thuật, thiết bị và công nghệ Môi trường Nguyễn Gia. Đơn vị được chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số: 979/QĐ-BTNMT ngày 19/05/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

*(Quyết định và giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc của Đơn vị thực hiện việc quan trắc môi trường được đính kèm Phụ lục Báo cáo).*

#### **b. Vị trí, thông số quan trắc**



Vị trí và thông số quan trắc được thể hiện tại bảng sau:

**Bảng 5.1. Thông tin về điểm quan trắc nước thải**

TT	Tên điểm quan trắc	Kí hiệu điểm quan trắc	Thông số quan trắc
-	Nước thải sinh hoạt của chợ tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải của chợ	NTSH	pH; BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C); Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Tổng chất rắn hòa tan; Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ); Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ); Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ); Sulfua (tính theo H <sub>2</sub> S); Tổng các chất hoạt động bề mặt; dầu mỡ động thực vật; Tổng Coliforms

(Nguồn: Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu)

**c. Kết quả quan trắc**

**Bảng 5.2. Kết quả thử nghiệm mẫu nước thải**

TT	Thông số	Đơn vị tính	Kết quả				QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B)
			28/3 – 05/4/2023	29/5 – 05/6/2023	15/7 – 17/8/2023	29/9 – 01/11/2023	
1	pH	-	6,4	6,5	6,8	6,9	<b>5-9</b>
2	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> )	mg/L	11,3	9,5	9,8	10,5	<b>50</b>
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	25	27	29	20	<b>100</b>
4	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )	mg/L	<0,15	0,696	0,406	0,143	<b>10</b>
5	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> )	mg/L	0,065	0,134	0,131	0,116	<b>10</b>
6	Sulfua (tính theo H <sub>2</sub> S);	mg/L	<0,09	<0,09	<0,09	<0,07	<b>4</b>
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )	mg/L	3,65	19,75	37,45	0,156	<b>50</b>
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	1,2	1,0	1,2	1,6	<b>20</b>
9	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	KPH	<0,12	0,228	0,145	<b>10</b>
10	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	210	216	163	105	<b>1.000</b>
11	Coliform	MPN/100mL	70	68	68	550	<b>5.000</b>

(Nguồn: Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu)

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

- “KPH” Tức là không phát hiện.

- “-” Tức là không quy định.

Nhận Xét: Qua kết quả đo đạc và phân tích các thông số đặc trưng cho chất lượng môi trường nước thải sinh hoạt của Cơ sở tại thời điểm quan trắc đều có giá trị thấp hơn so với giới hạn cho phép tại Quy chuẩn. Điều này cho thấy quá trình hoạt động của cơ sở chưa gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng nguồn tiếp nhận.

## **2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải**

Chương trình quan trắc môi trường định kỳ của Chợ đầu mối tỉnh Lai Châu thực hiện theo nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của UBND tỉnh Lai Châu. Trong nội dung tại Quyết định không có giám sát đối với bụi, khí thải. Do đó cơ sở không tiến hành giám sát định kỳ đối với bụi và khí thải.

## **3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo**

Cơ sở không thực hiện.

**Chương VI**  
**CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

**1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở**

**1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm**

Chợ đầu mối tỉnh Lai Châu không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất lớn quy định tại Cột 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Do đó, thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải thực hiện theo hướng dẫn tại điểm b, khoản 6, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, ngày 10/01/2022 “Thời gian vận hành thử nghiệm đối với các dự án khác do chủ dự án đầu tư quyết định và tự chịu trách nhiệm nhưng không quá 06 tháng và phải bảo đảm đánh giá được hiệu quả của công trình xử lý chất thải theo quy định”.

Chủ cơ sở đề xuất thời gian vận hành thử nghiệm là 2 tháng sau khi được cấp giấy phép môi trường.

**Bảng 6.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm**

Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm	Thời gian vận hành thử nghiệm		Công suất dự kiến đạt được so với mức tối đa
	Bắt đầu	Kết thúc	
Hệ thống xử lý nước thải	Sau khi được cấp GPMT 10 ngày	02 tháng kể từ ngày vận hành thử nghiệm	31%

*Ghi chú:* Chủ cơ sở gửi thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải cho cơ quan cấp GPMT trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để được theo dõi, giám sát.

**1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải**

**a. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu nước thải trước khi thải ra ngoài môi trường hoặc thải ra ngoài phạm vi của công trình, thiết bị xử lý**

Chợ đầu mối tỉnh Lai Châu không thuộc đối tượng quy định tại Cột 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, ngày 10/01/2022 của Chính phủ, theo hướng dẫn tại khoản 5, Điều 21, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường “việc quan trắc chất thải do chủ dự án đầu tư, cơ sở tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải”. Theo đó, chủ đầu tư lập thời gian dự kiến lấy mẫu nước thải như sau:

**Bảng 6.2. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu nước thải trước khi thải ra ngoài môi trường**

TT	Giai đoạn	Thời gian lấy mẫu	Tần suất lấy mẫu	Ghi chú
1	Trong giai đoạn vận hành ổn định của hệ thống xử lý nước thải	Lấy mẫu 03 ngày liên tiếp trong tuần thứ 9 kể từ ngày vận hành thử nghiệm. (Trường hợp bất khả kháng không thể đo đạc, lấy và phân tích mẫu liên tiếp được thì phải thực hiện đo đạc, lấy và phân tích mẫu sang ngày kế tiếp).	-Lấy mẫu 01 ngày/lần. -Số đợt lấy mẫu: 03 đợt liên tiếp. -Loại mẫu: 03 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp.	Thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 5, Điều 21, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, ngày 10/1/2022

**b. Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu nước thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải; thời gian, tần suất lấy mẫu phải thực hiện theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định**

Việc lấy mẫu nước thải để đo đạc, phân tích, đánh giá sự phù hợp của công trình xử lý nước thải phù hợp với TCVN 5999:1995 (ISO 5667-10:1992) về chất lượng nước - lấy mẫu và hướng dẫn lấy mẫu nước thải.

Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu nước thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải như sau:

- Thời gian, tần suất lấy mẫu thực hiện theo nội dung tại **Bảng 6.2. Dự kiến, thời gian lấy mẫu.**

- Vị trí lấy mẫu: Tại hố ga thăm nước thải sau xử lý của cơ sở.

- Thông số đo đạc và giá trị giới hạn cho phép: Chất lượng nước thải sau xử phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đảm bảo đúng QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B với hệ số K = 1). Cụ thể như sau:

**Bảng 6.3. Thông số và giá trị giới hạn chất lượng nước thải sau xử lý**

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	5-9
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000
5	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ) (tính theo N)	mg/l	10
6	Photphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/l	10
7	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4.0
8	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/l	50
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20
10	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000

### **c. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch**

Công ty sẽ phối hợp với đơn vị có chức năng thực hiện kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở. Đơn vị được dự kiến lựa chọn là Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu.

- Địa chỉ liên hệ: Phố Võ Thị Sáu, tổ 5 phường Tân Phong, thành Phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu

- Năng lực hoạt động: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số: 18/QĐ-BTNMT ngày 01/08/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## **2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật**

### **2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ**

- Quan trắc nước thải: Căn cứ Khoản 2, Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 và Phụ lục XXVIII của Nghị định 08/2022/NĐ-CP, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ.

- Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: Căn cứ vào Khoản 1, Khoản 3, Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 và Phụ lục XXIX của Nghị định 08/2022/NĐ-CP, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải định kỳ.

Do đó, cơ sở không xây dựng và thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ.

### **2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải**

- Quan trắc nước thải: Căn cứ Khoản 2, Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 và Phụ lục XXVIII của Nghị định 08/2022/NĐ-CP, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục.

- Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: Căn cứ vào Khoản 2, Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 và Phụ lục XXIX của Nghị định 08/2022/NĐ-CP, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục.

### **2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của Chủ cơ sở**

#### **a. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt**

- Tần suất giám sát: Theo dõi hàng ngày.
- Vị trí giám sát: Khu vực lưu chứa.
- Nội dung giám sát: Tình hình phát sinh chất thải rắn sinh hoạt.
- Thông số giám sát: Khối lượng, thành phần chất thải, biện pháp thu gom, vận chuyển xử lý.

- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT; Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của UBND tỉnh Lai Châu Ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt; phương tiện, tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

#### **b. Giám sát chất thải nguy hại**

- Tần suất giám sát: Theo dõi hàng ngày và cập nhật vào sổ nhật ký theo dõi khi có chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại.

- Nội dung giám sát: Tình hình phát sinh, quản lý, chuyển giao chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: Tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom của tổ chức tiếp nhận chất thải.

- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

#### **c. Giám sát sự cố môi trường và giám sát khác**

- Tần suất giám sát: Theo dõi hàng ngày.

- Vị trí giám sát: Toàn bộ đối tượng có nguy cơ phát sinh sự cố.

- Nội dung giám sát: Sự cố môi trường có thể xảy ra; công tác phòng cháy chữa cháy; an toàn điện; an toàn kinh doanh.

- Tuân thủ theo các quy định, quy chuẩn pháp luật hiện hành về phòng cháy chữa cháy, an toàn điện và các quy định khác liên quan.

### **3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm**

Theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc môi trường tự động, liên tục và quan trắc môi trường định kỳ. Do đó, Chủ cơ sở không bố trí kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.

**Chương VII**  
**KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA**  
**VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

Cơ sở đi vào hoạt động từ năm 2021 đến nay chưa có cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra về công tác bảo vệ môi trường.

Trong quá trình vận hành Công ty cũng đã thực hiện tốt theo quy định của pháp luật, chưa có vấn đề xảy ra trong công tác bảo vệ môi trường của cơ sở. Trong quá trình vận hành Công ty cũng rất mong nhận được sự hướng dẫn trong các công tác môi trường và các lĩnh vực khác có liên quan để Công ty đảm bảo thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật.

## **Chương VIII**

### **CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

Công ty TNHH số 10 – Lai Châu cam kết với các nội dung như sau:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường.
- Cam kết tuân thủ Luật bảo vệ môi trường và các quy định của Nhà nước về bảo vệ tài nguyên môi trường.
- Cam kết vận hành công trình thu gom, xử lý nước thải đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh được xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B (với hệ số K=1) trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận.
- Cam kết thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Cam kết quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định của Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của UBND tỉnh Lai Châu.
- Cam kết thực hiện lưu giữ và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại để định kỳ chuyển giao theo đúng quy định.
- Cam kết triển khai các biện pháp giảm thiểu khí thải, tiếng ồn, độ rung.
- Cam kết tuân thủ các quy định pháp luật về kinh doanh chợ, an toàn lao động, an toàn phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
- Cam kết Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
- Cam kết thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.
- Cam kết thực hiện đúng nội dung Giấy phép. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.



## PHỤ LỤC BÁO CÁO

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2. Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Chợ đầu mối tỉnh Lai Châu.
3. Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND tỉnh Lai Châu về Điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư dự án Chợ đầu mối tỉnh Lai Châu.
4. Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Chợ đầu mối tỉnh Lai Châu.
5. Giấy phép xây dựng số 36/GPXD ngày 26/11/2017 và điều chỉnh/gia hạn giấy phép ngày 13/12/2018 do Sở Xây dựng tỉnh Lai Châu.
6. Quyết định số 1308/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của UBND thành phố Lai Châu về việc Phê duyệt phương án bố trí, sắp xếp ngành hàng kinh doanh, điểm kinh doanh tại chợ Đầu mối tỉnh Lai Châu.
7. Văn bản số 797/STNMT-QLD ngày 15/8/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu về việc thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện cho thuê đất.
8. Quyết định số 1048/QĐ-UBND ngày 13/9/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thu hồi đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.
9. Hợp đồng thuê đất số 916/HĐTĐ ngày 12/10/2017 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu với Công ty TNHH số 10-Lai Châu.
10. Biên bản bàn giao đất trên thực địa ngày 17/10/2017 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu với Công ty TNHH số 10 Lai Châu.
11. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 428929 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Lai Châu cấp ngày 25/5/2023.
12. Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 88/TD-PCCC do Phòng cảnh sát PCCC&CNCH, Công an tỉnh Lai Châu cấp ngày 12/10/2018.
13. Biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy ngày 03/6/2022 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Lai Châu.
14. Thông báo số 662/TB-PC07 ngày 13/6/2022 về Thông báo kết quả thực hiện kiểm tra kết quả nghiệm thu về PCCC của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Lai Châu.
15. Biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy ngày 13/02/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Lai Châu (lần 2).

16. Văn bản số 171/NT-PC07 ngày 23/02/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Lai Châu về việc chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC của Chợ đầu mối tỉnh Lai Châu (giai đoạn 1).

17. Thông báo số 529<sup>a</sup>/SXD-QLXD ngày 01/8/2017 của Sở Xây dựng tỉnh Lai Châu về Kết quả thẩm định thiết kế cơ sở dự án Chợ đầu mối tỉnh Lai Châu.

18. Thông báo số 931/SXD-QLXD ngày 14/11/2018 của Sở Xây dựng tỉnh Lai Châu về Kết quả thẩm định thiết kế cơ sở điều chỉnh dự án Chợ đầu mối tỉnh Lai Châu.

19. Thông báo số 998/SXD-QLXD ngày 03/12/2018 của Sở Xây dựng tỉnh Lai Châu về Kết quả thẩm định điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công công trình Chợ đầu mối tỉnh Lai Châu.

20. Thông báo số 260/TB-SXD ngày 15/3/2023 về Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình xây dựng.

21. Hợp đồng dịch vụ cấp nước số 107282/HĐ-CN ngày 30/11/2017 giữa Công ty Cổ phần nước sạch Lai Châu và Công ty TNHH số 10 – Lai Châu.

22. Hợp đồng mua bán điện ngoài mục đích sinh hoạt số 23000354/EVN/HĐMBĐNMĐSH ngày 18/8/2023 giữa Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc và Công ty TNHH số 10 – Lai Châu.

23. Biên bản nghiệm thu chạy thử liên động có tải toàn bộ các hệ thống Phòng cháy chữa cháy tại công trình ngày 07/5/2022.

24. Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình (Hạng mục công trình) đưa vào sử dụng ngày 09/5/2022 đối với gói thầu thi công lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy.

25. Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình (Hạng mục công trình) đưa vào sử dụng ngày 15/4/2021 đối với hạng mục Nhà chợ chính.

26. Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình (Hạng mục công trình) đưa vào sử dụng ngày 16/4/2021 đối với hạng mục Chợ ngoài trời có mái che; 02 bể nước ngầm 200m<sup>3</sup>.

27. Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình (Hạng mục công trình) đưa vào sử dụng ngày 17/4/2021 đối với hạng mục Ki ốt 5x8 (22 ki ốt).

28. Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình (Hạng mục công trình) đưa vào sử dụng ngày 18/4/2021 đối với hạng mục Ki ốt 5x12 (8 ki ốt).

29. Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình (Hạng mục công trình) đưa vào sử dụng ngày 19/4/2021 đối với hạng mục Ki ốt 6x12 (2 ki ốt).

30. Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình (Hạng mục công trình) đưa vào sử dụng ngày 20/4/2021 đối với hạng mục Ki ốt 7x12 (5 ki ốt).

31. Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình (Hạng mục công trình) đưa vào sử

dụng ngày 21/4/2021 đối với hạng mục Ki ốt 8x12 (1 ki ốt).

32. Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình (Hạng mục công trình) đưa vào sử dụng ngày 22/4/2021 đối với hạng mục Nhà ban quản lý + Trạm kiểm dịch + WC.

33. Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình (Hạng mục công trình) đưa vào sử dụng ngày 22/4/2021 đối với hạng mục Nhà ban quản lý + Trạm kiểm dịch + WC.

34. Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình (Hạng mục công trình) đưa vào sử dụng ngày 21/4/2021 đối với bể lắng lọc 18m<sup>3</sup>.

35. Phiếu kết quả quan trắc môi trường định kỳ của cơ sở

36. Bản vẽ mặt bằng tổng thể dự án.

37. Bản vẽ mặt bằng cấp nước tổng thể.

38. Bản vẽ bể chứa nước ngầm 200m<sup>3</sup> (2 bể).

39. Bản vẽ mặt bằng cấp điện tổng thể.

40. Bản vẽ mặt bằng chiếu sáng tổng thể.

41. Bản vẽ mặt bằng thoát nước mưa tổng thể.

42. Bản vẽ chi tiết ga thoát nước mưa.

43. Bản vẽ chi tiết rãnh B300 xây gạch.

44. Bản vẽ mặt bằng thoát nước mưa mái chợ ngoài trời có mái che.

45. Bản vẽ mặt bằng thoát nước thải tổng thể.

46. Bản vẽ chi tiết ga thoát nước thải.

47. Bản vẽ thoát cấp, thoát nước nhà chợ chính.

48. Bản vẽ thoát cấp, thoát nước nhà ban quản lý + trạm kiểm dịch + WC.

49. Bản vẽ thoát cấp, thoát nước ki ốt 5x12m.

50. Bản vẽ thoát cấp, thoát nước ki ốt 6x12m.

51. Bản vẽ thoát cấp, thoát nước ki ốt 7x12m.

52. Bản vẽ thoát cấp, thoát nước ki ốt 5x8m.

53. Bản vẽ thoát cấp, thoát nước ki ốt 8x12m.

54. Bản vẽ chi tiết bể phốt 3m<sup>3</sup>.

55. Bản vẽ chi tiết bể phốt 11m<sup>3</sup>.

56. Bản vẽ chi tiết bể phốt 15m<sup>3</sup>.

57. Bản vẽ chi tiết bể lắng lọc 18m<sup>3</sup>.

58. Các bản vẽ hoàn công về phòng cháy chữa cháy

59. Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường.